

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1934** /BTC-ĐT

Hà Nội, ngày **26** tháng 02 năm 2021

V/v xin ý kiến thẩm định dự thảo
Nghị định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 16/6/2020 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Ngày 06/11/2020, Bộ Tài chính đã có công văn số 13639/BTC-ĐT lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Nghị định, đồng thời toàn văn dự thảo Nghị định đã được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính theo quy định.

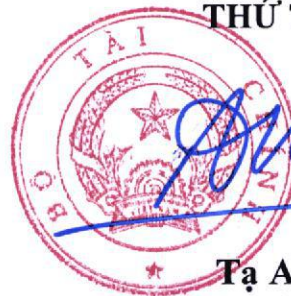
Đến nay, trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, căn cứ Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, bản chụp các văn bản ý kiến (kèm theo).

Căn cứ tài liệu nêu trên, đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để Bộ Tài chính kịp thời hoàn thiện, trình Chính phủ trong Quý I/2021./. ✓

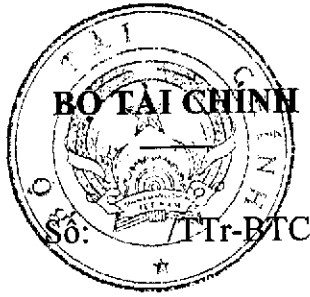
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, Vụ ĐT (6) *ae*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 12/6/2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; sau khi xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020) và đăng công khai toàn văn trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Sau khi tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đã có công văn số .../BTC-ĐT ngày .../01/2021 gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-BTP ngày .../.../2021, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và báo cáo Chính phủ các nội dung sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH:

Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020, Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, trên cơ sở thực tế quản lý và ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công còn một số tồn tại, vướng mắc khi được quy định bởi văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi điều chỉnh của Thông tư như sau:

1. Đối với các quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công:

a. Các quy định hiện hành chưa bao quát được phạm vi các nguồn vốn đầu tư công và đang được quy định tại nhiều Thông tư khác nhau (trong đó bao gồm một số Thông tư sửa đổi, bổ sung) của Bộ Tài chính, gây khó khăn trong quá trình áp dụng.

Ngoài ra, đối với nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, việc quản lý, thanh toán còn chưa có cơ sở pháp lý chặt chẽ, thống nhất theo đúng quy định đối với vốn đầu tư công tại Luật đầu tư công năm 2019 (đối với các nguồn vốn này, quy định hiện hành chỉ khuyến khích vận dụng những nguyên tắc thanh toán như đối với nguồn ngân sách nhà nước).

b. Các Thông tư quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hiện hành có quy định về thủ tục hành chính về hồ sơ của dự án (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán) nên bị giới hạn trong việc ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

c. Chưa có nội dung quy định việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công bố trí cho công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch của quy định tại Luật quy hoạch năm 2017.

d. Việc tạm ứng, thanh toán đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng hoặc các công việc thực hiện theo hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công cần có chế tài để quản lý, thực hiện ở tầm Nghị định.

2. Đối với quy định về quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a. Các Thông tư hướng dẫn việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước cơ bản đều căn cứ vào quy định tại các Nghị định hướng dẫn Luật xây dựng. Các Nghị định này quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn nhà nước nói chung (vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công), không hướng dẫn đối với dự án không có cấu phần xây dựng và dự án quy hoạch. Việc quản lý các nguồn vốn này lại có sự khác nhau về thẩm quyền quyết định dự án đầu tư và cách thức quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư của dự án. Do vậy, chế độ hướng dẫn quyết toán hiện hành đối với các đối tượng sử dụng vốn nhà nước trong đầu tư công là có khoảng trống nhất định, cần phải được khắc phục bằng văn bản quy phạm pháp luật với hình thức cao hơn Thông tư.

b. Nhiều chế tài quy định tại Thông tư quy định về quyết toán dự án hoàn thành hiện hành chưa được các đối tượng thực hiện đầy đủ vì trong tổ chức thực hiện phải dẫn chiếu đến các văn bản quy phạm pháp luật khác khó thống nhất hoặc không phù hợp với thực tiễn hoặc không có chế tài cụ thể.

3. Cần thống nhất thẩm quyền ban hành quy định về các hoạt động trong quản lý đầu tư công:

Hoạt động đầu tư công là *lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công, theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công* đều được quy

định bởi các Nghị định. Còn duy nhất nội dung về *quản lý, thanh toán, quyết toán* dự án sử dụng vốn đầu tư công là chưa được quy định thống nhất bởi văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Nghị định của Chính phủ.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH:

1. Xuất phát từ sự cần thiết ban hành Nghị định tại Mục I nêu trên, Bộ Tài chính đã tổng hợp, trình Chính phủ Tờ trình số 50/TTr-BTC ngày 27/3/2020 đề xuất chủ trương xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 50/TTr-BTC nêu trên và ý kiến của các thành viên Chính phủ, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 12/6/2020 về việc thông qua đề nghị và giao Bộ Tài chính chủ trì nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3. Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 12/6/2020 của Chính phủ nêu trên, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1033/QĐ-BTC ngày 10/7/2020 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Sau khi Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị góp ý dự thảo Nghị định, đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính theo quy định.

5. Căn cứ tiến độ soạn thảo và những khó khăn trong quá trình dự thảo, để đảm bảo chất lượng nội dung quy định tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có công văn số 14275/BTC-ĐT ngày 20/11/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép lùi thời hạn trình dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công sang Quý I năm 2021.

Tại công văn số 10167/VPCP-KTTH ngày 03/12/2020 của Văn phòng Chính phủ về thời hạn trình dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính.

6. Bộ Tài chính đã nhận được 94 ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trong đó có 51 cơ quan/đơn vị thống nhất với toàn văn dự thảo Nghị định. Sau khi tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (*Phụ lục kèm theo*), Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo, gửi Bộ Tư pháp thẩm định (công văn số .../BTC-ĐT ngày .../01/2021).

7. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-BTP ngày .../.../2021, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về quản

lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (*kèm theo*) trình Chính phủ xem xét, ban hành.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Mục đích:

Nghị định quy định đầy đủ, toàn diện, thống nhất trong quản lý nhà nước về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

2. Quan điểm xây dựng:

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: kế thừa những chính sách về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hiện hành đã được thực hiện hiệu quả và ổn định tại các Thông tư của Bộ Tài chính đã được ban hành, đang có hiệu lực; đảm bảo phù hợp với quy định của Hiến pháp, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

- Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật: quy định thống nhất về quản lý thanh toán, quyết toán đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu này đảm bảo quản lý chặt chẽ, thống nhất như với nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, vừa đảm bảo tính chủ động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

- Nghị định ban hành nhằm hoàn thiện đồng bộ cơ chế quản lý thanh toán, quyết toán với phạm vi nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công, thống nhất giữa các quy định của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công, xây dựng và ngân sách nhà nước hiện hành.

IV. KẾT CẤU CỦA NGHỊ ĐỊNH:

Dự thảo Nghị định được xây dựng với kết cấu thành 06 Chương, bao gồm 57 Điều, cụ thể như sau:

1. Chương I. Quy định chung (03 Điều), bao gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.

2. Chương II. Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (22 Điều), bao gồm:

a. Quy định về cơ quan kiểm soát, thanh toán, việc mở tài khoản tại cơ quan kiểm soát, thanh toán, các nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (04 Điều).

b. Mục 1 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (7 Điều), cụ thể:

- Quy định về việc kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của cơ quan tài chính (theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

- Quy định về hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn, bao gồm: hồ sơ pháp lý của dự án, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán.

- Quy định về tạm ứng vốn, bao gồm các nguyên tắc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức vốn tạm ứng (quy định đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng, công việc thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng và công việc thực hiện không thông qua hợp đồng), thu hồi vốn tạm ứng và chế tài về thu hồi tạm ứng vốn.

- Quy định về thanh toán khối lượng hoàn thành, bao gồm các nội dung quy định về thanh toán đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng và công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

- Quy định về quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

- Quy định về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán.

c. Mục 2 về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công đặc thù sử dụng vốn ngân sách nhà nước (03 Điều), cụ thể:

- Quy định về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Quy định về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Quy định về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm.

d. Mục 3 về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước (04 Điều), bao gồm: các nội dung quy định về việc kiểm tra phân bổ vốn, hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn (hồ sơ pháp lý của dự án, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán), tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành.

đ. Mục 4 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (02 Điều), bao gồm: quy định về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; quy định về quản lý, thanh toán đối với phần vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm.

e. Mục 5 về quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (02 Điều), bao gồm: quy định về việc mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn; quy định về quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn và báo cáo.

3. Chương 3. Quyết toán (32 Điều):

a. Mục 1 quy định về quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ), bao gồm: các nội dung quy định về nguyên tắc quyết toán theo niên độ; thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán; nội dung báo cáo quyết toán theo niên độ; trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán và nội dung thẩm định quyết toán theo niên độ (05 Điều).

b. Mục 2 quy định về quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (27 Điều), cụ thể:

- Quy định về vốn đầu tư được quyết toán; quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.
- Quy định về hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán.
- Quy định về thẩm quyền phê duyệt và cơ quan thẩm tra quyết toán.
- Quy định về các nội dung về thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán, các nội dung về thẩm tra quyết toán.
- Quy định về việc báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và chế tài xử lý vi phạm.

4. Chương IV. Kiểm tra (01 Điều): quy định về các nội dung kiểm tra về tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của chủ đầu tư, cơ quan chủ quản, cơ quan kiểm soát, thanh toán và cơ quan tài chính các cấp.

5. Chương V. Nhiệm vụ của các cơ quan liên quan (04 Điều): quy định về nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ quản, cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án.

6. Chương VI. Điều khoản thi hành (03 Điều): quy định về việc xử lý chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định được quy định tại dự thảo Điều 1, Điều 2, cụ thể: quy định chi tiết về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho dự án, công trình, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết

toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Nghị định này. Riêng đối với vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài bố trí cho dự án đầu tư công, quy trình, thủ tục thực hiện thanh toán, quyết toán thực hiện theo các quy định tại Nghị định này, còn nội dung kiểm soát thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán, thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn thực hiện theo điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020).

Ngoài ra, phạm vi điều chỉnh của Nghị định này không bao gồm vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ do đây là các nguồn vốn đặc thù và việc quản lý, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn này đang được thực hiện theo các quy định riêng về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển, Ngân hàng Chính sách Xã hội, quy định của Chính phủ về quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các quy định đặc thù về việc hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về chính sách về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công:

2.1. Về vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước:

a. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước bao gồm các nội dung quy định về các nguyên tắc quản lý, thanh toán, kiểm tra phân bổ vốn, các nội dung công việc, hồ sơ, chứng từ cho từng chủ thể trong việc tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành (bao gồm cả vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau), trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan (cơ quan tài chính các cấp, các cơ quan chủ quản, chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán) trong việc thực hiện từng khâu của quá trình quản lý, thanh toán vốn. Các nội dung quy định này cơ bản được kế thừa từ các quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và quy định của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hiện hành.

Tuy nhiên, để quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn tạm ứng, giảm tình trạng chiếm dụng vốn ngân sách nhà nước trong suốt quá trình thực hiện dự án, gắn việc tạm ứng vốn phải phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng hàng năm, tăng hiệu quả sử dụng vốn, đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính dự thảo quy định về **mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng** tại thời điểm ký kết, thấp hơn so với quy định tại Nghị định số

37/2015/NĐ-CP (đang quy định là 50% giá trị hợp đồng). Đồng thời, vốn tạm ứng sử dụng ngân sách nhà nước còn phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao cho dự án nên có thể gây ra vi phạm hợp đồng khi giao kế hoạch hàng năm không đủ mức tạm ứng tối thiểu, do vậy Bộ Tài chính dự kiến **không quy định mức tạm ứng tối thiểu** đối với vốn ngân sách nhà nước như tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Liên quan đến nội dung này, Bộ Tài chính đã có ý kiến tham gia với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng theo hướng việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định của Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, theo đó Nghị định số 37/2015/NĐ-CP chỉ quy định việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng của dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công (công văn số 15000/BTC-ĐT ngày 07/12/2020).

b. Về việc quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

Để đảm bảo việc quản lý, kiểm soát nguồn tiền thuộc ngân sách nhà nước của cơ quan tài chính, thuận tiện cho công tác kiểm soát nguồn ngân sách nhà nước và kịp thời báo cáo giải ngân định kỳ theo quy định, đối với vốn thanh toán cho dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đang xây dựng quy định theo hướng việc kiểm soát hồ sơ và nội dung giải ngân do cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán thực hiện, cơ quan Kho bạc Nhà nước không kiểm soát về nội dung thanh toán mà chỉ làm nhiệm vụ giải ngân cho dự án trên cơ sở đề nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán nêu trên (Kho bạc Nhà nước không thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển kinh phí vào tài khoản tiền gửi do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an làm chủ tài khoản tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước).

c. Về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm:

- Để thống nhất việc quyết toán theo niên độ ngân sách chung báo cáo Quốc hội (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên), Bộ Tài chính dự thảo quy định về thời hạn thanh toán theo hướng vốn kế hoạch hàng năm của dự án được thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31/12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch. Trường hợp kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn phải được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước,

Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành của Chính phủ; thời hạn thực hiện và giải ngân theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn: Bộ Tài chính dự thảo quy định về nội dung này theo hướng **trong đối đa 03 ngày làm việc** sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, cơ quan kiểm soát, thanh toán phải thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư và hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng); Riêng đối với các khoản chi tạm ứng vốn hoặc thực hiện theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau”, thời hạn kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán là trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

2.2. Về vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

Để tạo sự chủ động cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu hợp pháp để lại cho đầu tư, thực hiện chủ trương về việc phân cấp, phân quyền cho các đơn vị trong việc sử dụng nguồn vốn này, Bộ Tài chính đang dự thảo theo hướng:

a. Về việc mở tài khoản: cơ quan chủ quản được lựa chọn **cơ quan kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng (ngân hàng nhà nước hoặc ngân hàng thương mại)** để mở tài khoản và kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp nêu trên.

b. Về trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh toán:

- Trường hợp cơ quan chủ quản lựa chọn cơ quan kiểm soát, thanh toán là Kho bạc Nhà nước, trình tự, thủ tục và hồ sơ thanh toán theo quy định như đối với quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Trường hợp cơ quan chủ quản lựa chọn cơ quan kiểm soát, thanh toán là ngân hàng, trình tự, thủ tục và hồ sơ thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng được lựa chọn.

3. Về chính sách quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ):

- Tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính xây dựng nội dung quy định cụ thể về các nguyên tắc quyết toán theo niên độ theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, trong đó quy định cụ thể thời gian, nội dung, quy trình thực hiện chi tiết của từng đối tượng trong công tác lập, thẩm định và ra thông báo quyết toán theo niên độ; đồng thời, quy định cụ thể trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc quyết toán theo niên độ, bao gồm: chủ đầu tư, các cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các cơ quan trung ương và địa phương, cơ quan tài chính các cấp.

- Dự thảo nội dung quy định về quyết toán theo niên độ cơ bản được kế thừa quy định của Bộ Tài chính về việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm hiện hành.

4. Về chính sách quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

- Tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính xây dựng nội dung quy định cụ thể về nguyên tắc chi phí đầu tư được quyết toán, nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành; Công tác lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và phê duyệt quyết toán, bao gồm: cơ quan thẩm tra, nguyên tắc và cách thức thực hiện thẩm tra, thẩm quyền phê duyệt quyết toán, hồ sơ trình phê duyệt quyết toán, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán; quy định về chế độ báo cáo, kiểm tra, xử lý vi phạm và quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quyết toán dự án hoàn thành.

- Về dự thảo nội dung quy định về xử lý vi phạm (dự thảo Điều 49): ngày 02/01/2020, Bộ Tài chính đã có công văn số 35/BTC-ĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó đã kiến nghị một số nội dung về việc hoàn thiện một số biện pháp tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013. Trên cơ sở các nội dung đề xuất tại công văn trên, Bộ Tài chính dự thảo các nội dung quy định về xử lý vi phạm trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

- Dự thảo nội dung quy định về nội dung này cơ bản được kế thừa quy định của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành hiện hành.

5. Về việc ban hành Thông tư hướng dẫn:

- Để giảm số lượng mẫu biểu tại dự thảo Nghị định, qua rà soát, Bộ Tài chính dự kiến ban hành 01 Thông tư về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (bao gồm: quyết toán theo niên độ và quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành).

- Việc ban hành Thông tư đảm bảo không có thủ tục hành chính theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN:

1. Nguồn nhân lực: hiện nay, Bộ Tài chính và cơ quan tài chính các cấp với các đơn vị chức năng được bố trí từ trung ương đến địa phương vẫn đang đảm bảo bố trí, sắp xếp đầy đủ nguồn nhân lực thực hiện công tác kiểm soát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công. Do vậy, với nguồn nhân lực hiện có trong biên chế được giao, Bộ Tài chính và cơ quan tài chính các cấp đã có đủ điều kiện về con người để sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung ngay sau

khi Nghị định được Chính phủ thông qua, đảm bảo không tăng nguồn nhân lực trong quá trình triển khai.

2. Nguồn tài chính:

Đối tượng chịu tác động chủ yếu liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định là các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế và các cá nhân có liên quan đến hoạt động tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công.

Trước khi Nghị định được ban hành, các đối tượng trên vẫn sử dụng nguồn kinh phí từ hoạt động chi thường xuyên, chi đầu tư trong tổng mức đầu tư các dự án và nguồn chi hợp pháp của đơn vị để thực hiện các công tác trên theo các quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán tại các Thông tư của Bộ Tài chính. Sau khi Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công được Chính phủ thông qua, thì nguồn kinh phí thực hiện vẫn tiếp tục được bố trí từ các nguồn kinh phí trên; do đó, sẽ không làm phát sinh thêm khoản chi phí nào trong quá trình thực hiện.

VII. MỘT SỐ Ý KIẾN THAM GIA TRỌNG TÂM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG:

Các ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã được Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình tại Phụ lục (*kèm theo*) và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Về quy định đối với tạm ứng, thanh toán:

a. Ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương¹:

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, *mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có).*

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, *mức tạm ứng hợp đồng xây dựng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có).*

Do vậy, nhiều bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã đề nghị *xem xét để thống nhất về mức tạm ứng giữa dự thảo Nghị định này và Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng* (hiện nay, Bộ Xây dựng đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP).

¹ Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Tỉnh Lào Cai, Tỉnh Lai Châu, Tỉnh Phú Thọ, Tỉnh Nghệ An, Văn phòng Chính phủ.

b. Ý kiến của Bộ Tài chính: vốn tạm ứng hợp đồng sử dụng ngân sách nhà nước phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao cho dự án, việc quy định mức tạm ứng cao như hiện nay tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP có thể gây ra vi phạm hợp đồng khi giao kế hoạch hàng năm không đủ mức tạm ứng tối thiểu. Nhằm quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn tạm ứng, giảm tình trạng chiếm dụng vốn ngân sách nhà nước trong suốt quá trình thực hiện dự án, gắn việc tạm ứng vốn phải phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng hàng năm, tăng hiệu quả sử dụng vốn, đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, dự thảo Nghị định đã quy định về mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng.

Vừa qua, Bộ Tài chính đã có công văn số 15000/BTC-ĐT ngày 07/12/2020 tham gia ý kiến với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng theo hướng việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định của Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, theo đó Nghị định số 37/2015/NĐ-CP chỉ quy định việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng của dự án thuộc nguồn vốn ngoài đầu tư công.

Liên quan đến nội dung này, tại cuộc họp về việc thẩm định dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, đại diện Bộ Tư pháp (chủ trì cuộc họp) đã thống nhất với ý kiến nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, nội dung này chưa được Bộ Xây dựng tiếp thu, điều chỉnh tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

2. Về quy định quản lý, thanh toán dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý:

a. Ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương²:

- Bộ Quốc phòng đề nghị bỏ quy định về dự án đầu tư công có độ mật cao do không có khái niệm "độ mật cao" trong Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước; đồng thời đề nghị quy định việc quản lý, thanh toán các dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đều do cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán.

- Bộ Công an đề nghị khái niệm về dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý là dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Đồng thời, đề nghị bổ sung nội dung Bộ Tài chính thực hiện cấp kinh phí (theo tiến độ thực hiện dự án) cho cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy

² Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán cho thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Bộ Tư pháp có ý kiến như sau: khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích khái niệm *dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước theo mức độ mật, tối mật, tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước*; khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích khái niệm *dự án đầu tư công có độ mật cao là dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư không gắn với mức độ Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước* là không thống nhất, rõ ràng. Trong khi đó khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án không căn cứ vào mức độ mật của dự án đầu tư công. Do vậy, nếu xác định dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư để xác định là dự án đầu tư công có độ mật cao là không hoàn toàn chính xác. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, nghiên cứu lại quy định này.

b. Ý kiến của Bộ Tài chính:

Sau khi nghiên cứu, Bộ Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh nội dung Điều 16 dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, thanh toán đối với dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (không quy định về khái niệm dự án đầu tư công có độ mật cao).

Về cơ chế kiểm soát, thanh toán đối với loại dự án này:

- Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định đối với dự án được cấp kinh phí theo hình thức lệnh chi tiền, căn cứ nhu cầu chi của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển kinh phí vào tài khoản tiền gửi do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an làm chủ tài khoản tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước.

Tuy nhiên, để đảm bảo việc quản lý, kiểm soát nguồn tiền thuộc ngân sách nhà nước của cơ quan tài chính, thuận tiện cho công tác kiểm soát nguồn ngân sách nhà nước và kịp thời báo cáo giải ngân định kỳ theo quy định, đối với vốn thanh toán cho dự án đầu tư công mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, dự thảo Nghị định quy định một số nội dung đặc thù riêng về tạm ứng, thanh toán đối với những dự án loại này tại Điều

16 dự thảo Nghị định theo hướng việc kiểm soát do cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán thực hiện, cơ quan Kho bạc Nhà nước không kiểm soát về nội dung thanh toán mà chỉ làm nhiệm vụ giải ngân cho dự án trên cơ sở đề nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán nêu trên.

3. Về quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

a. Ngân hàng Nhà nước có ý kiến như sau:

Ngân hàng Nhà nước có đặc thù là Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh/thành phố đều tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng nên có thể thực hiện kiểm soát, thanh toán, chuyển vốn cho các dự án tại đơn vị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh/thành phố thực hiện dự án mà không cần mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hay tổ chức tín dụng. Do vậy, tại khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định nên quy định thông thoáng hơn, không nên quy định chỉ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tổ chức tín dụng để tạo thuận lợi, rút ngắn thủ tục. Theo đó, khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm đối tượng mở tài khoản cho phù hợp với đặc thù của đơn vị, như đối với Ngân hàng Nhà nước thì được phép thực hiện trên hệ thống thanh toán và tài khoản của mình.

b. Ý kiến của Bộ Tài chính:

Về đề xuất trên, để phù hợp với đặc thù của cơ quan ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính đã điều chỉnh nội dung quy định về việc mở tài khoản để thanh toán đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư tại Điều 24 dự thảo Nghị định theo hướng cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư được lựa chọn cơ quan kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng (ngân hàng nhà nước hoặc ngân hàng thương mại) để mở tài khoản. Trong đó, trường hợp mở tài khoản để thanh toán tại ngân hàng, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập kiểm soát để thanh toán vốn theo quy định tại Nghị định này và thực hiện thanh toán theo quy định của ngân hàng nơi mở tài khoản. Cơ quan được cơ quan chủ quản lựa chọn làm cơ quan kiểm soát, thanh toán hướng dẫn chủ đầu tư về việc mở tài khoản để thanh toán vốn theo quy định.

4. Về quy định về quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a. Ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương³:

Nhiều bộ, cơ quan trung ương và địa phương có ý kiến tập trung đối với quy định về **chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công**

³ Tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh Bình Dương, Tỉnh Khánh Hòa, Tỉnh Cao Bằng, Tỉnh Phú Thọ, Tỉnh Bình Phước, Tỉnh Ninh Bình, Tỉnh Nghệ An, Tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, TP. Cần Thơ, Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Bình Thuận, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

dự án hoàn thành, chi phí kiểm toán độc lập tại Điều 46 dự thảo Nghị định. Cụ thể: về việc xác định chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, các cơ quan đề nghị *chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng.*

Lý do: Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là một trong các chi phí cấu thành trong tổng mức đầu tư của dự án (điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP), do vậy khi lập dự án, xác định chi phí tổng mức đầu tư của dự án thì phải xác định ngay các chi phí này để đưa vào tổng mức đầu tư của dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt được duyệt (lúc này chưa thể có dự toán - được xác định sau khi dự án đầu tư, trong đó có tổng mức đầu tư được duyệt).

Theo quy định hiện hành (tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BXD) thì dự án có nhiều công trình thì chi phí khác trong **dự toán xây dựng công trình không bao gồm:** chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng; chi phí rà phá bom mìn, vật nổ; **chi phí kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư;** chi phí nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến dự án; vốn lưu động ban đầu đối với các dự án đầu tư xây dựng nhằm mục đích kinh doanh; chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao (trừ giá trị sản phẩm thu hồi được); các khoản phí, lệ phí và một số chi phí khác đã tính cho dự án.

b. Ý kiến của Bộ Tài chính:

Theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là một trong các nội dung của chi phí khác của tổng mức đầu tư của dự án. Việc hướng dẫn chi phí trong đó có các chi phí nêu trên trong tổng mức đầu tư thuộc trách nhiệm của Bộ Xây dựng (khoản 4 Điều 162 Luật Xây dựng và khoản 61 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi).

Tuy nhiên, để kiểm soát chặt chẽ các chi phí này, tránh việc chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán, cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính các chi phí này cao thì Bộ Tài chính cần quy định chi phí tối đa của chi phí (dự toán giá gói thầu) kiểm toán độc lập là trên cơ sở chi phí của của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần thuê kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên cơ sở chi phí quyết toán vốn đầu tư công dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt quyết toán.

VIII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP:

(Tổng hợp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

IX. ĐỀ XUẤT CỦA BỘ TÀI CHÍNH:

Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (bằng văn bản và tại Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính), Bộ Tài chính hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Các Vụ: PC, NSNN, HCSN, I, TCNH;
- Các Cục: QLN, KHTC, THTK;
- Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT, Vụ ĐT.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO GỬI BỘ TƯ PHÁP
THẨM ĐỊNH**

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho dự án, công trình, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (sau đây gọi chung là dự án) theo quy định của Luật Đầu tư công, bao gồm:

1. Quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công, bao gồm: dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả dự án đầu tư công đặc thù: dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm), dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư; quản lý, thanh toán vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư công và chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư); quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

2. Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).

3. Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, bao gồm các dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư.

Dự án, công trình, hạng mục công trình sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguồn vốn đầu tư công: thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định này, trừ dự án có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Dự án có các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành: căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.

Dự án thực hiện theo hình thức sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ hiện vật khác: các bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quyết toán phần vốn hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và của Nhà nước.

4. Đối với vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài bố trí cho dự án đầu tư công, quy trình, thủ tục kiểm soát thanh toán và quyết toán thực hiện theo các quy định tại Nghị định này. Riêng nội dung rút vốn, quản lý hạch toán vốn nước ngoài thực hiện theo điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định của

Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

5. Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công bao gồm: Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các cấp và các cơ quan được giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền kiểm soát, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước là dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước có độ Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Dự án đầu tư công tại nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

4. Giải ngân vốn đầu tư công đối với vốn trong nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư là việc cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng hoặc thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư; giải ngân vốn đầu tư công đối với vốn nước ngoài theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

5. Tạm ứng vốn là việc chủ đầu tư chuyển tiền cho nhà thầu (nhà cung cấp) để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết để triển khai các công việc theo hợp đồng hoặc việc chủ đầu tư tự nhận (đối với trường hợp tự thực hiện) hoặc chuyển tiền cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng.

6. Thanh toán khối lượng hoàn thành là số tiền chủ đầu tư thanh toán cho phần giá trị khối lượng công việc hoàn thành đã được các bên nghiệm thu, xác định là công việc hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định hiện hành. Riêng đối với

dịch vụ bảo hiểm công trình, hợp đồng kiểm toán, thanh toán khối lượng hoàn thành là việc thanh toán hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký kết.

7. Thanh toán trước kiểm soát sau là hình thức thanh toán áp dụng đối với một số khoản chi ngân sách nhà nước; trong đó, cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thanh toán ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan; việc kiểm soát chi và xử lý kết quả kiểm tra được cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện sau khi đã thanh toán khoản chi.

8. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án PPP trong Nghị định này bao gồm các nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 11 và trường hợp được bố trí vốn đầu tư công để triển khai theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

9. Tabmis là hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

10. Vốn nước ngoài là vốn đầu tư công nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước).

11. Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều này.

12. Giá trị đề nghị quyết toán là giá trị quyết toán tại báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập bao gồm: giá trị đề nghị quyết toán A-B đối với các gói thầu ký kết hợp đồng, giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện và giá trị đề nghị quyết toán các khoản chi phí hợp pháp khác.

Chương II

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Cơ quan kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công theo thẩm quyền.

2. Đối với dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, căn cứ vào nhiệm vụ, phân cấp quản lý, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền cho một cơ quan làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán và thông báo cho Bộ Tài chính tên cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán.

Điều 5. Mở tài khoản

1. Mở tài khoản để thực hiện thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước:

a. Chủ đầu tư mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch giữa chủ đầu tư và kho bạc Nhà nước. Cơ quan chủ quản có thể thay mặt chủ đầu tư (trong trường hợp chủ đầu tư không ở trong nước) mở tài khoản cho dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh vốn tại kho bạc Nhà nước.

b. Việc mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại kho bạc Nhà nước.

c. Kho bạc Nhà nước hướng dẫn chủ đầu tư đăng ký và sử dụng tài khoản để thanh toán theo quy định.

2. Mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

a) Cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền kiểm soát, thanh toán thực hiện mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước để giải ngân vốn cho dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (sau khi đã được kiểm soát, thanh toán theo quy định).

b) Việc mở và sử dụng tài khoản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại kho bạc Nhà nước.

c) Kho bạc Nhà nước hướng dẫn đơn vị đăng ký và sử dụng tài khoản để thanh toán theo quy định.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý tài chính đầu tư công và xây dựng của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đầu tư công đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ chi đầu tư phát triển quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư công, sử dụng vốn đầu tư công đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cơ quan tài chính các cấp thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chế độ, chính sách về quản lý thanh toán, quyết toán dự án sử dụng đầu tư công theo quy định của hệ thống pháp luật hiện hành.

5. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho các dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

6. Đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài:

a) Hợp đồng đã ký kết, pháp luật hiện hành của nước sở tại, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là căn cứ pháp lý thực hiện quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài.

b) Cơ quan chủ quản thay mặt chủ đầu tư đề nghị và thực hiện giao dịch thanh toán vốn đầu tư công với cơ quan kiểm soát, thanh toán.

7. Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, trường hợp có quy định đặc thù, giao Bộ Tài chính căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền đối với từng giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các quy định tại Nghị định này quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 7. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Sau khi nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có) của các bộ cơ quan trung ương và địa phương, đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, đã được phân bổ, điều chỉnh phân bổ vốn kế hoạch, cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện dự án), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán vốn cho dự án.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư chưa đảm bảo đúng chế độ hoặc thiếu hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, cơ quan kiểm soát, thanh toán từ chối thanh toán và chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán phải có văn bản thông báo (trong đó nêu cụ thể lý do từ chối thanh toán) gửi một lần cho chủ đầu tư để hoàn thiện, bổ sung theo quy định của Nghị định này.

2. Vốn đầu tư công thanh toán trong năm ngân sách cho từng công việc, hạng mục của dự án không vượt dự toán được duyệt đối với trường hợp tự thực hiện và các trường hợp thực hiện không theo hợp đồng; tổng số vốn thanh toán

cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số vốn đầu tư công giải ngân cho dự án trong năm cho các công việc, hạng mục của dự án không vượt vốn kế hoạch trong năm đã bố trí cho dự án. Lũy kế số vốn giải ngân cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền giao.

3. Đối với các chi phí được tính theo tỷ lệ (%) trong tổng mức đầu tư (hoặc dự toán được duyệt) được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán đảm bảo không vượt giá trị tính theo tỷ lệ quy định.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần giải ngân cho đến khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng thì chuyển sang hình thức “kiểm soát trước, thanh toán sau” cho từng lần giải ngân của hợp đồng. Cơ quan kiểm soát, thanh toán hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát, thanh toán trong hệ thống, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định hiện hành.

5. Đối với dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

Cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán tiến hành kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công cho các đơn vị thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát, thanh toán do cơ quan mình thực hiện.

6. Cách thức giao dịch tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (giao dịch trực tiếp hoặc giao dịch điện tử):

a) Đối với trường hợp giao dịch tại hệ thống kho bạc Nhà nước, cách thức giao dịch theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc Nhà nước.

b) Đối với trường hợp giao dịch qua cơ quan kiểm soát, thanh toán khác, cách thức giao dịch theo quy định của cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi thực hiện giao dịch.

Mục 1

Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

Điều 8. Kiểm tra phân bổ

1. Nội dung phân bổ:

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, kế hoạch bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách), các Bộ, cơ

quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) triển khai các nội dung sau:

a) Thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB kèm theo Nghị định này (trong đó, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo quy định hiện hành về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước) gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp và Bộ Tài chính (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để quản lý, tổng hợp và báo cáo.

b) Thực hiện giao chỉ tiêu và giao chi tiết kế hoạch vốn đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn (nếu có) đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB nêu trên cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để có căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

c) Đối với vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của Chính phủ về việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc và cấp dưới như đối với kế hoạch được giao trong năm.

d) Thời gian thực hiện phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm cho các dự án phải trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch hoặc theo thời gian quy định cụ thể trong quyết định giao, bổ sung hoặc điều chỉnh vốn kế hoạch trong năm ngân sách của cấp có thẩm quyền. Trường hợp trong quyết định giao, bổ sung hoặc điều chỉnh vốn kế hoạch trong năm ngân sách của cấp có thẩm quyền không quy định thời hạn, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền, các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) phải hoàn thành việc phân bổ và giao chi tiết kế hoạch theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản này.

2. Kiểm tra phân bổ:

a) Đối với dự án do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý:

Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công của các Bộ, cơ quan trung ương, Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Ngân

sách nhà nước; trường hợp phát hiện việc phân bổ vốn không đúng danh mục, tổng mức, cơ cấu vốn chi tiết theo ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ (nếu có), không đúng chính sách chế độ quy định, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản gửi các Bộ, cơ quan trung ương đề nghị điều chỉnh lại theo đúng quy định, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán (cấp trung ương và nơi giao dịch) để không thanh toán đối với các dự án được phân bổ vốn chưa đúng quy định. Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư của các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã giải ngân (nếu có).

Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan trung ương điều chỉnh lại và gửi văn bản phân bổ vốn điều chỉnh cho Bộ Tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán (cấp trung ương và nơi giao dịch) để làm căn cứ thanh toán cho các dự án đã đủ điều kiện. Trường hợp không thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan trung ương có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì các Bộ, cơ quan trung ương và chủ đầu tư không được thanh toán đối với phần vốn Bộ Tài chính yêu cầu xem xét phân bổ lại.

b) Đối với các dự án do địa phương quản lý:

Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư của đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp phân bổ), cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước; trường hợp phát hiện việc phân bổ vốn không đúng tổng mức, cơ cấu vốn chi tiết theo lĩnh vực, nhiệm vụ (nếu có), không đúng chính sách chế độ quy định, cơ quan tài chính có ý kiến gửi đơn vị dự toán cấp I đề nghị điều chỉnh lại theo đúng quy định, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để không thanh toán đối với các dự án được phân bổ chưa đúng quy định. Trong khoảng thời gian 07 ngày làm việc, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán cho dự án (nếu có).

Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I thực hiện điều chỉnh lại và gửi văn bản phân bổ vốn điều chỉnh cho cơ quan tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để thanh toán cho dự án đã đủ điều kiện. Trường hợp không thống nhất với ý kiến của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I có ý kiến báo cáo Ủy ban nhân dân (cơ quan giao dự toán) xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân (cơ quan giao dự toán) xem xét, quyết định; đơn vị dự toán cấp I và chủ đầu tư không được thanh toán đối với phần vốn cơ quan tài chính yêu cầu xem xét phân bổ lại.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành.

Điều 9. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án

1. Thành phần hồ sơ pháp lý của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung):

a) Đối với nhiệm vụ quy hoạch:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền, các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có);

Dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch hoặc dự toán từng hạng mục công việc thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

Riêng đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền thì phải có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện;

Hợp đồng, Bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục hợp đồng điều chỉnh trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) hoặc văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện).

b) Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền (trừ trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật), các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có);

Dự toán chi phí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

Riêng đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền thì phải có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện;

Hợp đồng, Bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục hợp đồng điều chỉnh trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) hoặc văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện).

c) Đối với thực hiện dự án:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; Đối với trường hợp tự thực hiện: văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

Hợp đồng, Bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục hợp đồng điều chỉnh trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có), thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng);

Văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện);

Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

Riêng đối với công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải kèm dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (một phần hoặc toàn bộ) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đối với hợp đồng thi công xây dựng có giải phóng mặt bằng.

2. Thành phần hồ sơ tạm ứng vốn (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn), bao gồm:

- a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04/TT);
- b) Chứng từ chuyển tiền;
- c) Đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này: Văn bản bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bản chính hoặc sao y bản chính theo quy định).

3. Thành phần hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành):

a) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm các công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng và thực hiện không thông qua hợp đồng), hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền, Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (Mẫu số 03.c/TT).

Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền, Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Mẫu số 03.b/TT), Hợp đồng và Biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư).

Đối với công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền, Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

Đối với trường hợp khác mà khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền, Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT), Bảng kê nội dung chứng từ thanh toán (chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

b) Đối với việc xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng) để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và các điểm a, c, d khoản 3 Điều này.

c) Đối với dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt

quyết toán, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, Chứng từ chuyển tiền.

d) Đối với các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng kiểm toán, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền.

4. Thành phần hồ sơ đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia:

Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này. Riêng đối với dự án có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (dự án nhóm C có quy mô nhỏ) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, thành phần hồ sơ pháp lý bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

b) Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho chuẩn bị đầu tư (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); Văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình (đối với thực hiện dự án);

c) Hợp đồng, Bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng).

5. Thành phần hồ sơ đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch: hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi mà cơ quan kiểm soát, thanh toán không phải kiểm soát, thanh toán, hồ sơ bao gồm: Chứng từ chuyển tiền.

6. Thành phần hồ sơ đối với trường hợp ủy thác quản lý dự án: Hợp đồng ủy thác và thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

7. Thành phần hồ sơ đối với chi phí quản lý dự án:

a) Thành phần hồ sơ pháp lý (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung):

Kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm (trừ trường hợp không yêu cầu phải lập dự toán); Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp tự thực hiện);

Quyết định giao quyền tự chủ của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị được giao quyền tự chủ mà chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị); Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị hoặc quy chế sử dụng kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được;

Văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Quyết định thành lập đơn vị;

Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (đối với các công việc phải thực hiện thông qua ký kết hợp đồng); Hợp đồng ủy thác quản lý dự án (đối với trường hợp chủ đầu tư thực hiện ủy thác quản lý dự án cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực theo quy định); Phụ lục hợp đồng điều chỉnh trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có).

b) Thành phần hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng, thanh toán) đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý một dự án hoặc chủ đầu tư ủy thác toàn bộ quản lý dự án cho ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực:

Hồ sơ tạm ứng vốn bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền, giấy đề nghị thu hồi tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

c) Thành phần hồ sơ đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án hoặc chủ đầu tư ủy thác một phần quản lý dự án cho ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực:

Hồ sơ để chuyển kinh phí quản lý dự án từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền.

Hồ sơ tạm ứng chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng) bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền, giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thu hồi tạm ứng chi phí quản lý dự án.

Điều 10. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng vốn:

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng. Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn

bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, mức thu hồi tạm ứng từng lần, thời điểm thu hồi tạm ứng từng lần và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định phải được ghi cụ thể trong hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ đầu tư dự án, tiến độ thực hiện hợp đồng và khối lượng thực hiện theo từng năm. Mức vốn tạm ứng và số lần tạm ứng được phân định cụ thể theo từng năm phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có).

Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và mức vốn tạm ứng quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng.

b) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng hoặc công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng, việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng; Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, mức thu hồi tạm ứng từng lần, thời điểm thu hồi tạm ứng từng lần và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định phải được ghi cụ thể trong hợp đồng.

Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng, việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi dự toán chi phí thực hiện công việc hoặc phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần đảm bảo không vượt mức vốn tạm ứng tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

2. Bảo lãnh tạm ứng:

a) Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng:

Chủ đầu tư gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp với giá trị và loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng trước khi cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện việc chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho chủ đầu tư để thực hiện tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chủ đầu tư đảm bảo và chịu trách nhiệm giá trị của bảo lãnh tạm ứng tương ứng với số dư tiền tạm ứng còn lại.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn, chủ đầu tư phải có trách nhiệm làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng và gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán để làm căn cứ kiểm soát chi theo quy định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi về thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng.

b) Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng:

Hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng. Trong trường hợp này, tùy theo điều kiện cụ thể của gói thầu, để đảm bảo sử dụng vốn tạm ứng an toàn và có hiệu quả, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu bảo lãnh tạm ứng vốn theo nội dung nêu tại điểm a khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm về yêu cầu bảo lãnh tạm ứng của mình.

Hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu quốc gia.

Hợp đồng ủy thác quản lý dự án.

Các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình).

Các trường hợp tạm ứng chi phí ban quản lý dự án cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

3. Mức vốn tạm ứng:

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

Tổng mức tạm ứng hợp đồng xây dựng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng ở mức cao hơn thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép;

Trường hợp người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn do người đứng đầu của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án quyết định.

b) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng hoặc công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

Tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% dự toán chi phí cho khối lượng công việc thực hiện được duyệt đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng hoặc không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng ở mức cao hơn thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép; Trường hợp người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn do người đứng đầu của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án quyết định.

Mức vốn tạm ứng đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Mức vốn tạm ứng theo kế hoạch, tiến độ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Mức vốn tạm ứng tối đa theo yêu cầu không vượt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì căn cứ vào hồ sơ tài liệu liên quan để chi trả cho người thụ hưởng; Trường hợp đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chi trả thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư mở tài khoản tiền gửi tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) để tiếp nhận vốn tạm ứng do chủ đầu tư chuyển đến để thực hiện chi trả.

Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Vốn tạm ứng cho tất cả các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này không được vượt kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền bố trí cho dự án.

5. Thu hồi vốn tạm ứng:

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng. Trường hợp người có thẩm quyền cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng thì việc thu hồi hết tạm ứng do người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng, không chờ đến khi hoàn thành toàn bộ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, căn cứ vào quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

c) Đối với chi phí quản lý dự án: khi có khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán, chủ đầu tư lập bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến cơ quan kiểm soát, thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Trường hợp ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực, chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án, định kỳ hàng quý hoặc 06 tháng và hết năm kế hoạch, chủ đầu tư phân bổ chi phí quản lý dự án (khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán) cho từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

d) Đối với hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị: căn cứ vào hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu, đảm bảo thu hồi hết khi khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.

6. Kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn:

a) Cơ quan kiểm soát, thanh toán đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra số vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Cơ quan kiểm soát, thanh toán kiểm tra số dư tạm ứng để đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng hoặc mức thu hồi theo quy định của cấp có thẩm quyền trong trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép được tạm ứng ở mức trên 80%.

b) Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý.

c) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trước ngày 10 của tháng 7 và trước ngày 28 tháng 02 năm sau, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các cơ quan chủ quản gửi cơ quan tài chính đồng cấp, trong đó phân loại cụ thể số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu các lý do, khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý. Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, cơ quan trung ương để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý.

d) Thời hạn thu hồi tạm ứng:

Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng và hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng): vốn tạm ứng quá hạn thu hồi 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi tạm ứng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: vốn tạm ứng quá hạn thu hồi 03 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số dư tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán để thuận tiện cho việc kiểm soát, thanh toán và thu hồi tạm ứng.

Sau thời hạn trên, trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chưa chuyển toàn bộ số tiền dư tạm ứng quá hạn về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán thì trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư mở tại cơ quan kiểm soát, thanh toán vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán và thông báo cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tạm giữ của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước (trừ trường hợp người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp lại ngân sách nhà nước, thì cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

Đối với các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng khác, vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thanh toán để thu hồi tạm ứng, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư hoàn trả số vốn đã tạm ứng (trừ các trường hợp sau: có văn bản của cấp có thẩm quyền (người phê duyệt dự toán) về việc cho phép kéo dài thời hạn thu hồi tạm ứng để hoàn thành các khối lượng do các nguyên nhân khách quan; tạm ứng chi phí quản lý dự án cho các ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực). Sau thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải hoàn trả số vốn đã tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thực hiện hoàn trả thì cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để thu về ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

Điều 11. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm hợp đồng xây dựng và hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng):

a) Việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

b) Đối với hợp đồng trọn gói: thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng.

d) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Đối với hợp đồng theo thời gian:

Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

e) Đối với hợp đồng theo giá kết hợp: việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều này.

g) Đối với khối lượng công việc phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

h) Việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo các quy định hiện hành về hợp đồng.

i) Chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án với ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực, việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của hợp đồng ủy thác. Phạm vi ủy thác quản lý phải được chủ đầu tư và bên được ủy thác xác định trong hợp đồng.

Trường hợp chủ đầu tư ủy thác toàn bộ cho ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án (bao gồm cả việc rút dự toán và giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán), thì ngoài nội dung công việc ủy thác, chủ đầu tư phải ủy quyền chủ tài khoản cho bên nhận ủy thác và được xác định cụ thể trong hợp đồng.

k) Trường hợp cần tạm giữ chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành để phục vụ công tác quyết toán công trình hoàn thành, chủ đầu tư thỏa thuận với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng. Khoản tạm giữ nêu trên được chuyển vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý, thanh toán theo quy định.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng:

a) Việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng

và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

b) Dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và vốn kế hoạch được giao trong năm của dự án để kiểm soát, thanh toán cho dự án.

Điều 12. Quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau

1. Việc ứng trước vốn từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định hiện hành của Chính phủ về việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

2. Các cơ quan chủ quản phân bổ vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau đúng danh mục và mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao. Việc kiểm tra phân bổ và tạm ứng, thanh toán vốn ứng trước từ dự toán ngân sách năm sau được thực hiện như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trong năm ngân sách.

3. Thời hạn sử dụng vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau: thực hiện như quy định về thời hạn thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm ngân sách được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán năm sau. Trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định về thời hạn sử dụng đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định về thời hạn sử dụng đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách địa phương của cấp mình quản lý nhưng không được quá thời hạn thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Số vốn ứng trước chưa sử dụng sau khi hết thời hạn thực hiện và giải ngân được xử lý như vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm ngân sách.

5. Thu hồi vốn ứng trước: các cơ quan chủ quản có trách nhiệm bố trí vốn cho dự án trong dự toán ngân sách nhà nước năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Cơ quan chủ quản, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thủ tục thu hồi vốn ứng trước bằng số vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao bố trí để thu hồi trong năm ngân sách.

a) Đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách trung ương: trường hợp bộ, cơ quan trung ương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch tối thiểu để thu hồi vốn ứng trước theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của

Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho cơ quan đó biết để bố trí đủ vốn kế hoạch để thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định; Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính mà các bộ, cơ quan trung ương không thực hiện bố trí đủ số vốn kế hoạch tối thiểu để thu hồi theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có văn bản yêu cầu cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước này, chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với vốn ứng trước từ ngân sách địa phương hoặc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: trường hợp đơn vị dự toán cấp I ở địa phương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch để thu hồi theo quy định, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản thông báo cho đơn vị đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày các đơn vị nhận được văn bản của cơ quan tài chính nhưng các đơn vị không thực hiện bố trí thu hồi kế hoạch vốn theo quyết định giao thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

6. Quyết toán vốn ứng trước: vốn ứng trước được thu hồi thuộc kế hoạch năm nào quyết toán vào năm ngân sách đó và phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn ứng trước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành.

Điều 13. Quy định về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Về thời hạn tạm ứng vốn:

Vốn kế hoạch hàng năm của dự án được tạm ứng đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch).

2. Về thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành:

Vốn kế hoạch hàng năm của dự án được thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng).

3. Trường hợp kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn phải được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành của Chính phủ. Thời hạn thực hiện và giải ngân theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn: trong thời gian tối đa là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định này, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định. Đối với các khoản tạm ứng vốn hoặc thực hiện theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau”, thời hạn kiểm soát, thanh toán trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Quy định riêng đối với quản lý, thanh toán vốn cho dự án sử dụng vốn nước ngoài

1. Thành phần hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án:

a) Thành phần hồ sơ pháp lý của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này; riêng hợp đồng phải có bản dịch sang tiếng Việt (có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án) phần các quy định về thanh toán của hợp đồng (đối với hợp đồng giữa chủ dự án và nhà thầu ký bằng tiếng nước ngoài); thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án); các thỏa thuận, thư hoặc văn bản “ý kiến không phản đối” của nhà tài trợ (nếu có).

Đối với vốn viện trợ độc lập, khi hạch toán và quyết toán ngân sách nhà nước phải có dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Thành phần hồ sơ tạm ứng, thanh toán: thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Trường hợp hợp đồng quy định sử dụng chứng chỉ thanh toán tạm thời thay thế bằng xác định giá trị công việc hoàn thành, đơn vị gửi chứng chỉ thanh toán tạm thời ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

Trường hợp xác nhận tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán tại ngân hàng phục vụ, ngoài các hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư (chủ dự án) không phải gửi chứng từ chuyển tiền.

2. Chủ đầu tư (chủ dự án) có trách nhiệm lập sao kê chi tiêu, đảm bảo việc giải ngân vốn nước ngoài đúng quy định trên nguyên tắc mỗi xác nhận thanh toán vốn chỉ được sử dụng cho một lần giải ngân.

3. Đối với phương thức rút vốn về tài khoản đặc biệt, chủ đầu tư (chủ dự án) có trách nhiệm báo cáo chi tiêu và gửi đơn hoàn chứng từ hàng tháng. Thời hạn hoàn chứng từ cho Bộ Tài chính đối với các khoản chi tiêu từ tài khoản đặc biệt không vượt quá 06 tháng. Trường hợp sau 06 tháng chủ đầu tư (chủ dự án) không thực hiện hoàn chứng từ, các khoản giải ngân tiếp theo áp dụng hình thức thanh toán trực tiếp.

4. Cơ quan chủ quản, chủ đầu tư (chủ dự án), cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo vốn đầu tư công.

Mục 2

Quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công đặc thù sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Điều 15. Đối với dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước

1. Loại dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về xây dựng.

2. Việc phân bổ và kiểm tra phân bổ vốn; kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (trừ trường hợp chuyển vốn trực tiếp từ Bộ Tài chính cho cơ quan chủ quản thì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

3. Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước (không bao gồm các dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an): Kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao; Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi vốn tạm ứng).

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về các nội dung khác trong hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư trong năm của chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư. Cơ quan chủ quản và chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát hồ sơ và nội dung thanh toán vốn cho dự án.

5. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn, xác nhận số vốn đã thanh toán trong năm, lũy kế số vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách

nhà nước cho từng dự án, nhận xét về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính thực hiện như đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Mục 1 Nghị định này.

6. Việc quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

Điều 16. Đối với dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Kiểm tra phân bổ vốn:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật cùng với quá trình phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công chung hàng năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi Bộ Tài chính để kiểm tra phân bổ, đồng gửi cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng quy định, Bộ Tài chính có thông báo yêu cầu Bộ Quốc phòng, Bộ Công an điều chỉnh lại, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán để tạm dừng thanh toán.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã giải ngân (nếu có).

c. Nội dung phân bổ, kiểm tra phân bổ và tài liệu kèm theo việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

d. Không thực hiện nhập và phê duyệt chi tiết vốn kế hoạch cho các dự án đầu tư công có độ mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trên Tabmis.

2. Tạm ứng vốn, thanh toán vốn trong năm kế hoạch:

a) Chủ đầu tư căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án, lập hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán để tiến hành kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Nghị định này.

b) Cơ quan kiểm soát, thanh toán tiến hành kiểm soát hồ sơ thanh toán cho từng dự án theo đề nghị của chủ đầu tư.

c) Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán; trình tự, thủ tục, thời gian tạm ứng vốn; trình tự, thủ tục, thời gian thanh toán khối lượng hoàn thành; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 13 Nghị định này.

d) Sau khi dự án được kiểm soát thanh toán và đảm bảo đủ điều kiện thanh toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản kèm theo Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền, Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng) gửi Kho bạc Nhà nước để tiến hành giải ngân cho dự án.

đ) Trên cơ sở nội dung đề nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán tại điểm d khoản 2 Điều này, Kho bạc Nhà nước giải ngân vốn cho dự án.

3. Quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau:

a) Sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước đúng danh mục và mức vốn được ứng trước.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi phân bổ vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau đến Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán để tiến hành kiểm soát, thanh toán.

c) Việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 12 Nghị định này trừ nội dung nhập và phê duyệt chi tiết vốn kế hoạch trên Tabmis.

Điều 17. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm

1. Loại dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

2. Tạm ứng vốn:

a) Nguyên tắc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Lệnh khẩn cấp, quyết định tình huống khẩn cấp hoặc quyết định, văn bản cho phép triển khai dự án đầu tư công khẩn cấp của cấp có thẩm quyền;

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

Hợp đồng (nếu có) hoặc dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (nếu có). Trường hợp cần tạm ứng khi chưa có hợp đồng, dự toán thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04/TT);

Chứng từ chuyên tiền;

Văn bản bảo lãnh tạm ứng (đối với trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này).

c) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với công trình tạm:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Hợp đồng;

Thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng) hoặc văn bản giao việc (đối với trường hợp tự thực hiện và không có hợp đồng);

Các hồ sơ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 9 Nghị định này (trừ thành phần hồ sơ đã gửi khi làm thủ tục tạm ứng vốn).

2. Quản lý, thanh toán, thu hồi, quyết toán vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Mục 3

Quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Điều 18. Kiểm tra phân bổ vốn hàng năm

1. Nội dung phân bổ và việc kiểm tra phân bổ vốn cho các dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 8 Nghị định này và theo Mẫu số 01.nn/PB (đối với phân bổ vốn), Mẫu số 02.nn/PB (đối với điều chỉnh phân bổ vốn).

2. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án đầu tư công tại nước ngoài là Kho bạc Nhà nước.

3. Cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) nhập và phê duyệt vốn kế hoạch trên TABMIS theo quy định hiện hành (bao gồm cả trường hợp sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài) sau khi vốn kế hoạch phân bổ chi tiết cho từng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Thành phần hồ sơ pháp lý của dự án

Cơ quan chủ quản gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung. Cụ thể:

1. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

2. Đối với thực hiện dự án:

a) Dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa cải tạo: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

b) Dự án mua nhà, đất để làm trụ sở và nhà ở, hồ sơ bao gồm:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

Bản thoả thuận nguyên tắc về việc mua bán nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có);

Hợp đồng mua bán nhà, đất;

Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc).

c) Đối với dự án gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, sửa chữa cải tạo: hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

d) Các dự án đầu tư thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm) để thực hiện đầu tư xây dựng:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

Văn bản thoả thuận nguyên tắc về việc thuê nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có);

Hợp đồng thuê nhà, đất;

Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc);

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Đối với trường hợp tự thực hiện: văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

Hợp đồng; văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện);

Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

Điều 20. Tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng

1. Việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng các dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại và có các quy định khác với quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thì thực hiện theo hợp đồng đã ký.

b) Đối với từng trường hợp cụ thể có tính chất đặc thù cần tạm ứng ở mức cao hơn mức quy định, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện tạm ứng theo đề nghị của cơ quan chủ quản nhưng không vượt vốn kế hoạch được giao trong năm của dự án.

c) Đối với từng trường hợp cụ thể có tính chất đặc thù cần tạm ứng khi chưa có đủ chứng từ tạm ứng theo quy định tại Nghị định này (nguyên nhân do quy định của nước sở tại), cơ quan chủ quản có văn bản giải trình gửi Bộ Tài chính để xem xét, xử lý cụ thể.

2. Hồ sơ tạm ứng:

a) Văn bản đề nghị tạm ứng vốn cho từng nội dung công việc của cơ quan chủ quản (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng);

b) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.nn/TT).

Điều 21. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng, việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải

được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Trường hợp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại và có các quy định khác với quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc thanh toán được thực hiện theo hợp đồng đã ký.

2. Khi có nhu cầu thanh toán vốn, chủ đầu tư gửi cơ quan chủ quản các tài liệu sau (đối với từng lần thanh toán):

a) Đối với dự án xây dựng mới, sửa chữa cải tạo: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (Mẫu số 03.a/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài), Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.nn/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (Mẫu số 03.c/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài).

b) Đối với dự án mua nhà, đất hoặc thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm): việc thanh toán (bao gồm cả thanh toán tiền đặt cọc, nếu có) được thực hiện theo hợp đồng mua bán, thuê nhà, đất, chủ đầu tư gửi cơ quan chủ quản giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.nn/TT).

c) Đối với dự án hỗn hợp gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, sửa chữa cải tạo: hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu được quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.

3. Hồ sơ thanh toán:

Trên cơ sở các tài liệu được chủ đầu tư cung cấp tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ quản lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán, bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng) của cơ quan chủ quản cho từng nội dung công việc (Mẫu số 04.nn/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng);

b) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài) đối với dự án xây dựng mới, sửa chữa cải tạo, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (Mẫu số 03.c/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài).

c) Giấy rút vốn (Mẫu số 05/TT) trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

d) Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (Mẫu số 08/TT) trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng ngoại tệ.

đ) Chứng từ chuyển tiền khác (nếu có).

4. Kiểm soát, thanh toán tại cơ quan kiểm soát, thanh toán:

Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan chủ quản, căn cứ vốn kế hoạch đã được giao hàng năm của dự án, hồ sơ, tài liệu của dự án quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định này, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện công tác kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án theo quy định. Tổng số vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm không vượt vốn kế hoạch được bố trí trong năm cho dự án.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định, chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc (đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” thì thời gian là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản thông báo cho cơ quan chủ quản để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

5. Thanh toán bằng ngoại tệ:

Trường hợp chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu hoặc người bán, cho thuê nhà, đất bằng ngoại tệ thực hiện như sau:

a) Thanh toán ngoại tệ từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước:

Cơ quan chủ quản lập bảng tổng hợp phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trong năm bằng Đồng Việt Nam có quy ra Đô-la Mỹ theo tỷ giá do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm giao kế hoạch trên cơ sở nhu cầu chi ngoại tệ trong năm của các dự án thuộc phạm vi quản lý và không được vượt vốn kế hoạch được giao trong năm gửi Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán (Mẫu số 01.nn/PB).

Cơ quan chủ quản lập Giấy rút dự toán ngân sách bằng ngoại tệ (Mẫu số 08/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán.

Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thanh toán vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua thông báo của Bộ Ngoại giao, lập 02 liên giấy rút vốn kiêm ghi thu ngân sách nhà nước (Mẫu số 06/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán khi thanh toán vốn.

b) Thanh toán bằng ngoại tệ không từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước: cơ quan chủ quản (hoặc chủ đầu tư) sử dụng số tiền đã được cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm ứng, thanh toán để mua ngoại tệ từ ngân hàng để thanh toán cho đơn vị thụ hưởng. Cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục tạm ứng, thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản của ngân hàng thương mại mà cơ quan chủ quản đã ký hợp đồng với ngân hàng thương mại để mua ngoại tệ.

c) Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp ngoại tệ theo đề nghị của cơ quan chủ quản:

Cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ vào phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm bằng Đồng Việt Nam có quy ra Đô-la Mỹ do cơ quan chủ quản gửi đầu năm và Giấy rút dự toán ngân sách bằng ngoại tệ của cơ quan chủ quản theo quy định để thanh toán trong trường hợp chi từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước.

Cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ vào phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bằng Đồng Việt Nam có quy ra Đô-la Mỹ do cơ quan chủ quản gửi đầu năm và các liên chứng từ mà Bộ Ngoại giao đã gửi theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, thực hiện kiểm tra các yếu tố, ký trên các liên chứng từ và xử lý như sau:

- Sử dụng liên số 1 “Giấy rút vốn đầu tư kiêm ghi thu ngân sách nhà nước” để ghi thu ngân sách “Tiền lệ phí lãnh sự hoặc các khoản thu khác ở nước ngoài” và hạch toán ghi chi cho Bộ Ngoại giao (tương ứng với chương, khoản, mục, tiểu mục của Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước hiện hành).

- Các liên còn lại gửi Bộ Ngoại giao để thực hiện hạch toán và thông báo cho Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài trích quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để sử dụng.

Mục 4

Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP

Điều 22. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm

1. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án PPP, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm được thực hiện theo quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định này.

2. Chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với dự án PPP được quy định trong hồ sơ mời thầu để làm cơ sở cho nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Nhà đầu tư được lựa chọn phải hoàn trả các chi phí chuẩn bị đầu tư cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 23. Quản lý, thanh toán đối với phần vốn đầu tư công thực hiện tiểu dự án trong dự án PPP, bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công thực hiện tiểu dự án trong dự án PPP, bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện như đối với dự án nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này. Riêng hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Giá trị khối lượng công việc hoàn thành được thanh toán đến thời điểm tiểu dự án hoàn thành tối đa 50% giá trị dự toán của tiểu dự án được doanh nghiệp dự án PPP phê duyệt; phần giá trị còn lại được thanh toán sau khi tiểu dự án được xác nhận hoàn thành theo quy định của pháp luật về PPP.

3. Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư công thực hiện tiểu dự án trong dự án PPP:

a) Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) nơi giao dịch 01 bộ hồ sơ pháp lý của dự án (chỉ gửi một lần cho đến khi thanh lý hợp đồng dự án PPP, trừ trường hợp có phát sinh điều chỉnh, bổ sung) trước hoặc cùng thời điểm đề nghị thanh toán phần vốn đầu tư công gồm:

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

Quyết định phê duyệt dự án PPP của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án PPP (nếu có);

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật về PPP;

Hợp đồng dự án PPP và các Phụ lục hợp đồng dự án PPP (nếu có);

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp dự án PPP theo quy định của pháp luật về PPP;

Hợp đồng giữa doanh nghiệp dự án và nhà thầu, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có);

Văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ đối với trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP tự thực hiện.

Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán do doanh nghiệp dự án PPP phê duyệt theo quy định của pháp luật về PPP đối với các công việc, hạng mục công trình, công trình của tiểu dự án do nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP tự thực hiện, chỉ định thầu và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

b) Căn cứ khối lượng hoàn thành được nghiệm thu và điều kiện thanh toán trong hợp đồng dự án PPP, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP lập và gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) nơi giao dịch 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán vốn đầu tư công gồm:

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiểu dự án trong dự án PPP đề nghị thanh toán theo hợp đồng dự án PPP do doanh nghiệp dự án PPP lập có xác nhận của cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP (Mẫu số 09/PPP);

Văn bản xác nhận hoàn thành công trình của cơ quan ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật về PPP đối với phần vốn đề nghị thanh toán sau khi doanh nghiệp dự án được xác nhận hoàn thành công trình;

Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư công thực hiện tiểu dự án trong dự án PPP của cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP (Mẫu số 10/PPP);

Chứng từ chuyển tiền theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước.

4. Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư công chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án:

a) Thành phần hồ sơ pháp lý của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung) gồm:

Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về chi phí xử lý khi chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định của pháp luật về PPP;

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư khi chuyển sang đầu tư công;

Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

b) Thành phần hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán):

Giấy đề nghị thanh toán vốn;

Chứng từ chuyển tiền.

Mục 5

Quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công

Điều 24. Mở tài khoản

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư được lựa chọn cơ quan kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng (ngân hàng nhà nước hoặc ngân hàng thương mại) để mở tài khoản.

a) Trường hợp mở tài khoản để thanh toán tại Kho bạc Nhà nước: việc kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

b) Trường hợp mở tài khoản để thanh toán tại ngân hàng: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập kiểm soát để thanh toán vốn theo quy định tại Điều 25 Nghị định này và thực hiện mở tài khoản theo quy định của ngân hàng nơi mở tài khoản.

2. Các chủ đầu tư thực hiện việc mở tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan được cơ quan chủ quản lựa chọn tại khoản 1 Điều này để kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án thuộc thẩm quyền quản lý. Cơ quan được cơ quan chủ quản lựa chọn tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư về việc mở tài khoản để thanh toán vốn theo quy định.

Điều 25. Quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn và báo cáo

1. Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán vốn theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này.

3. Thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

4. Các cơ quan chủ quản báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Chế độ và biểu mẫu báo cáo theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Chương III

QUYẾT TOÁN

Mục 1

Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ)

Điều 26. Nguyên tắc quyết toán theo niên độ

1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ). Đối với vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện việc báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải được đối chiếu, xác nhận với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch.

3. Số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải được phản ánh chi tiết theo từng cơ quan chủ quản, từng nguồn vốn, từng ngành, lĩnh vực, từng dự án (chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài).

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện việc lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, chỉnh lý báo cáo quyết toán theo niên độ với nội dung, nguyên tắc, thời hạn quy định tại Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 27. Thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán theo niên độ

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán khi kết thúc năm ngân sách. Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau. Các khoản tạm ứng được hạch toán, quyết toán vào năm ngân sách khi đã đủ điều kiện thanh toán cho khối lượng công việc đã được giao kế hoạch trong năm được thực hiện và nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 12 năm ngân sách.

Điều 28. Nội dung báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được lập tại báo cáo quyết toán theo niên độ bao gồm:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch năm quyết toán.

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán.

2. Số vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán theo niên độ bao gồm:

a) Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được giao kế hoạch năm quyết toán (kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu - ghi chi, thanh toán bằng ngoại tệ) từ ngày 01 tháng 01 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau.

Trường hợp kế hoạch đầu tư công trong năm được giao có bố trí vốn kế hoạch để thu hồi số vốn kế hoạch đã được ứng trước dự toán ngân sách nhà nước cho dự án (theo kết quả giải ngân thực tế), số vốn quyết toán là tổng số vốn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết thời hạn khóa sổ để quyết toán, bao gồm cả phần vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của phần vốn kế hoạch ứng trước đã thanh toán trước đây chuyển sang.

b) Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán đã được thực hiện từ ngày 01 tháng 02 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

c) Thanh toán khối lượng hoàn thành từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến thời hạn chỉnh lý quyết toán các khoản đã tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán sau khi trừ đi số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán (nếu có).

d) Vốn nước ngoài đưa vào báo cáo quyết toán theo niên độ gồm: số vốn đã được ghi thu - ghi chi cho phần khối lượng hoàn thành và số vốn đã thanh toán cho phần khối lượng hoàn thành (đối với vốn nước ngoài được giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước).

3. Vốn kế hoạch tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán theo niên độ. Hết thời hạn chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại được chuyển sang năm ngân sách sau để thu hồi tạm ứng và quyết toán phần thanh toán khối lượng hoàn thành, cơ quan tài chính không phải làm thủ tục xét chuyển.

4. Vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau không quyết toán theo niên độ.

5. Phần thuyết minh báo cáo quyết toán theo niên độ:

a) Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án) báo cáo tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nước được giao trong năm quyết toán; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện, thanh toán, quyết toán vốn, tăng giảm vốn kế hoạch đầu tư công, đề xuất các biện pháp tháo gỡ.

b) Đối với cơ quan kiểm soát, thanh toán:

- Báo cáo tổng quát đặc điểm, tình hình thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền kiểm soát, thanh toán.

- Đề xuất và kiến nghị tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ.

6. Số liệu quyết toán theo niên độ:

a) Số liệu quyết toán theo niên độ phải được đối chiếu, xác nhận giữa chủ đầu tư với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch về số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đã thanh toán.

b) Các Bộ, cơ quan trung ương, Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu về số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đã thanh toán với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp khi lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

c) Đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã cho đầu tư công, cơ quan kiểm soát, thanh toán phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đối chiếu, bảo đảm khớp đúng số liệu giữa cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp và kế toán xã. Kết quả đối chiếu là cơ sở để ủy ban nhân dân xã báo cáo quyết toán ngân sách cấp xã.

7. Đối với trường hợp cơ quan nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền hoặc cơ quan có vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước: các Bộ, cơ quan trung ương, Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp thực hiện lập riêng báo cáo quyết toán theo niên độ đối với phần vốn này.

8. Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách và hướng dẫn các nội dung liên quan.

Điều 29. Trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án) lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) trước ngày 01 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

b) Bộ, cơ quan trung ương xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp Bộ, cơ quan trung ương phân cấp quản lý, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư được phân cấp quản lý; cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư và tổng hợp báo cáo quyết toán các dự án thuộc phạm vi được phân cấp quản lý gửi Bộ, cơ quan trung ương để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

Bộ, cơ quan trung ương phải thực hiện đối chiếu, xác nhận với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương về số liệu giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm quyết toán kèm theo báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính.

c) Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 năm sau năm quyết toán.

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ của từng Bộ, cơ quan trung ương, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý:

a) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý:

Chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực) lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý xét duyệt báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý phải thực hiện đối chiếu, xác nhận với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp về số liệu giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm quyết toán trong phạm vi của cấp mình quản lý kèm theo báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành để quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo thời hạn quyết toán ngân sách nhà nước.

Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán; cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh tổng hợp, lập và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

Cơ quan tài chính tại địa phương theo phân cấp quản lý thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ gửi từng sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, chủ đầu tư và cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này; tổng hợp số liệu vào quyết toán ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước cho Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý gửi Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách.

b) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và phân cấp của từng địa phương, căn cứ các quy định tại Nghị định này, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật.

Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (phần Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

Điều 30. Nội dung xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Các Bộ, cơ quan trung ương, Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý):

a) Kiểm tra tính đầy đủ, đúng về danh mục dự án, vốn kế hoạch và số vốn giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) của từng dự án thuộc kế hoạch được giao trong năm quyết toán và thuộc kế hoạch các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán.

b) Kiểm tra, so sánh số vốn đã giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) với vốn kế hoạch của từng dự án; xác định số vốn báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau hoặc hủy bỏ.

c) Kiểm tra sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn, ngành, lĩnh vực của từng dự án.

d) Nhận xét về tình hình thực hiện và giải ngân vốn trong năm quyết toán, tình hình chấp hành chế độ chính sách, các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

đ) Yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch

được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chỉ sai chế độ.

2. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về tổng số và chi tiết vốn kế hoạch, cơ cấu nguồn vốn, ngành, lĩnh vực, danh mục dự án trong báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan chủ quản và báo cáo tổng hợp, chi tiết quyết toán theo niên độ của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp.

b) Kiểm tra, so sánh vốn kế hoạch, số vốn giải ngân của từng dự án giữa báo cáo quyết toán theo niên độ của các cơ quan chủ quản với báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp; xác định số vốn được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm ngân sách sau để giữ nguồn và số kế hoạch vốn hủy bỏ.

Trường hợp giữa các báo cáo quyết toán theo niên độ (kể cả báo cáo điều chỉnh, bổ sung, giải trình) của cơ quan lập báo cáo quyết toán theo niên độ và cơ quan kiểm soát, thanh toán có chênh lệch về số liệu thì cơ quan tài chính căn cứ nội dung, số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan kiểm soát, thanh toán để thẩm định và thông báo quyết toán.

d) Yêu cầu cơ quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong năm có trách nhiệm xuất toán, thu hồi các khoản chi không đúng chế độ và nộp ngay các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

e) Các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

Mục 2

Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Điều 31. Vốn đầu tư được quyết toán

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A có nhiều dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng hoặc được phân kỳ đầu tư) có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt: mỗi dự án

thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập.

Dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại. Cơ quan chủ quản được giao quản lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án chịu trách nhiệm báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi dự án hoàn thành toàn bộ.

2. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

a) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong chi phí của dự án đầu tư được duyệt để triển khai thực hiện dự án, việc quyết toán riêng dự án chuẩn bị đầu tư hoặc quyết toán chung với dự án đầu tư do người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quyết định.

b) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí kế hoạch vốn riêng, khi hoàn thành phải quyết toán như tiểu dự án độc lập và tổng hợp quyết toán dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dừng thực hiện vĩnh viễn hoặc thay đổi dẫn đến nội dung chuẩn bị đầu tư không được sử dụng thì chi phí chuẩn bị đầu tư đã thực hiện được quyết toán như dự án dừng thực hiện vĩnh viễn.

3. Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

a) Trường hợp trong chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A được phê duyệt nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tách thành dự án độc lập: việc lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và thẩm tra quyết toán thực hiện như một dự án đầu tư công độc lập.

b) Đối với các trường hợp còn lại: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành và gửi quyết định phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chung của toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt quyết toán, trừ trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư toàn bộ dự án yêu cầu thẩm tra lại chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán.

4. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư công: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu

tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến công trình, hạng mục công trình đó. Chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán được duyệt của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành toàn bộ và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng công trình, hạng mục công trình thuộc dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

5. Đối với dự án có toàn bộ dự án thành phần, tiểu dự án, công trình hoặc hạng mục xây dựng và thiết bị đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng dự án thành phần hoặc tiểu dự án hoặc hạng mục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa hoàn thành: chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho phép thực hiện lập báo cáo quyết toán chi phí đã thực hiện dự án để gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thẩm tra; Dự án thành phần hoặc tiểu dự án hoặc hạng mục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quyết toán là giá trị hợp pháp đã thực hiện. Trường hợp dự án thành phần hoặc tiểu dự án hoặc hạng mục bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục thực hiện bổ sung, chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán bổ sung và gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán để thẩm tra trình phê duyệt quyết toán bổ sung.

Điều 33. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Báo cáo phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:

a) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án (chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể).

b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán hoàn thành, chi tiết theo cơ cấu (bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác).

c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư.

d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản.

đ) Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

2. Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và hướng dẫn các nội dung liên quan.

Điều 34. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

1. Đối với dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này (bản chính).

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng xây dựng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính).

e) Báo cáo kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

g) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.

2. Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính).

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này (bản chính).

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

đ) Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

4. Chủ đầu tư được gửi văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. Văn bản điện tử phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư.

Điều 35. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Dự án hoặc dự án thành phần sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án hoặc dự án thành phần giao bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án hoặc dự án thành phần giao cấp tỉnh quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án hoặc dự án thành phần giao cấp huyện quản lý.

Dự án thành phần không sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Đối với các dự án khác: Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư công là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định khác).

b) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyết định khác).

c) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp công chức chuyên môn không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

d) Đối với các dự án khác: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

đ) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành quyết định thành lập Tổ công tác để thực hiện thẩm tra quyết toán trước khi phê duyệt quyết toán. Thành phần của Tổ công tác gồm đại diện của các đơn vị, cơ quan có liên quan.

3. Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn đầu tư công khi hoàn thành đều phải kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước). Các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định đấu thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng.

Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

b) Nhà thầu kiểm toán độc lập là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các Chuẩn mực kiểm toán hiện hành.

c) Đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra:

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra; không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán.

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí thuê kiểm toán độc lập quy định tại Điều 46 Nghị định này. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra và kết quả báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có quyết định kiểm toán, thanh tra dự án khi nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán thì nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng nội dung của hợp đồng đã ký kết.

Điều 36. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã thực hiện kiểm toán, thanh tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Trường hợp nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán độc lập, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

b) Đối chiếu nội dung báo cáo kết quả kiểm toán của dự án với nội dung kiểm toán theo quy định và chuẩn mực kiểm toán hiện hành về kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp kết quả kiểm toán có sai sót, không đảm bảo yêu cầu, không đủ nội dung theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

c) Kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.

d) Xem xét những kiến nghị của kiểm toán mà chủ đầu tư không thống nhất với kết quả kiểm toán của nhà thầu kiểm toán độc lập.

đ) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định.

2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này:

a) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra với báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư để xác định việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan; số liệu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với kết quả kiểm toán, thanh tra làm cơ sở để trình người có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

b) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định.

Điều 37. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình không kiểm toán, thanh tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41, 42, 43 Nghị định này và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành gồm những nội dung như sau:

1. Hồ sơ pháp lý.
2. Nguồn vốn đầu tư của dự án.
3. Chi phí đầu tư.
4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.
5. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư (chi tiết theo danh mục, số lượng, quy mô, công suất, nguyên giá từng tài sản).
6. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.

7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác (nếu có).

8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.

a) Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư công, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản đầu tư của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.

b) Xác định về giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và xử lý các vấn đề có liên quan.

Điều 38. Thẩm tra hồ sơ pháp lý

Căn cứ báo cáo và các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý với các quy định của pháp luật để có nhận xét về:

1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản.
2. Việc chấp hành trình tự đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.
3. Việc chấp hành trình tự lựa chọn nhà thầu của các gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
4. Việc tuân thủ quy định về pháp luật về hợp đồng trong ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

Điều 39. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án

1. Phân tích, so sánh cơ cấu vốn đầu tư công thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức đầu tư được duyệt.
2. Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán.
3. Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư công của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định.
4. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho thực hiện dự án; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư công của dự án.

Điều 40. Thẩm tra chi phí đầu tư

Căn cứ tổng mức đầu tư được duyệt và báo cáo, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác.

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng mua sắm, xây dựng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; hình thức hợp đồng theo giá ghi trong từng hợp đồng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu) là căn cứ để thẩm tra. Kiểm tra số liệu tổng hợp chi phí và các khoản mục do chủ đầu tư lập trong báo cáo quyết toán. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu theo quy định.

b) Chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được lập thiết kế, dự toán riêng cho hạng mục: thẩm tra như thẩm tra gói thầu xây dựng độc lập.

c) Chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được tính theo tỷ lệ (%) trong gói thầu xây dựng chính (không lập thiết kế, dự toán riêng): thẩm tra việc áp dụng tỷ lệ (%) trên cơ sở kết quả thẩm tra gói thầu xây dựng chính.

d) Trường hợp chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được tính trọn gói: thẩm tra như thẩm tra gói thầu xây dựng theo hình thức hợp đồng trọn gói.

2. Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

a) Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư hoặc tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với dự toán kinh phí trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, dự toán chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện theo quy định hiện hành về việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Giá trị công trình hạ tầng kỹ thuật đã có quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền: Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền, văn bản yêu cầu thanh toán của chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và chứng từ thanh toán để xác định giá trị chi phí cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.

3. Thẩm tra chi phí xây dựng:

a) Đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra gói thầu căn cứ vào hình thức giá hợp đồng và thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư ký thỏa thuận giao việc cho một đơn vị thuộc chủ đầu tư để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra thực hiện như sau:

- Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định của pháp luật về xây dựng.

- Đối chiếu sự phù hợp giữa đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt.

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

b) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "hợp đồng trọn gói":

Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A-B) với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định.

Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bảng tính giá trị hợp đồng. Trường hợp nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng, thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký; không tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

c) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng theo đơn giá cố định":

Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng công việc thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định. Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

d) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh" (hoặc "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh"):

Căn cứ hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng. Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá quyết toán.

Trường hợp có điều chỉnh về khối lượng, phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định.

Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

Trường hợp điều chỉnh theo chính sách của Nhà nước phải căn cứ nội dung trong hợp đồng, các chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng (đã ghi trong hợp đồng) để xác định giá trị được điều chỉnh. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.

đ) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng kết hợp":

Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng kết hợp" phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm b, c, d khoản này.

e) Các trường hợp phát sinh: thẩm tra các trường hợp phát sinh phải căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng tương ứng với từng loại hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thẩm tra chi phí thiết bị:

a) Đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện gói thầu: việc thẩm tra gói thầu căn cứ vào hình thức giá hợp đồng và thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư ký thỏa thuận giao việc cho một đơn vị thuộc chủ đầu tư để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra thực hiện như sau:

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị đề nghị quyết toán với biên bản nghiệm thu, dự toán chi phí thiết bị được phê duyệt để xác định giá trị quyết toán phần mua sắm thiết bị.

- Thẩm tra chi phí gia công, lắp đặt thiết bị đối với thiết bị cần gia công, cần lắp đặt theo dự toán được duyệt và được nghiệm thu đúng quy định. Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

- Thẩm tra các khoản chi phí liên quan: chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về đến chân công trình, chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, chi phí khác.

b) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "hợp đồng trọn gói": Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành của hợp đồng. Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và quy định của hợp đồng thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không tính lại đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

c) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng theo đơn giá cố định":

Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định.

Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bảng tính giá hợp đồng.

Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

d) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh" (hoặc "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh"):

Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định.

Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

Trường hợp điều chỉnh theo chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng và các chính sách được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị được điều chỉnh.

đ) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng kết hợp" cần xác định rõ phạm vi hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: Trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng

phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm b, c, d khoản 4 Điều này.

e) Các trường hợp phát sinh:

Thẩm tra các trường hợp phát sinh phải căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng tương ứng với từng loại hợp đồng.

5. Thẩm tra chi phí quản lý dự án:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối với dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý 01 dự án thực hiện quản lý: Xem xét các chứng từ chi tiêu đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ theo quy định đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Việc quản lý tài sản của ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

6. Thẩm tra chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác:

a) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: kiểm tra các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

b) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.

c) Đối với các khoản chi phí tư vấn, chi phí phi tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian: Đối chiếu đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận trong hợp đồng với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu. Các khoản chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, chi khác căn cứ quy định về phương thức thanh toán ghi trong hợp đồng để thẩm tra (theo chứng từ hoá đơn hợp lệ hoặc theo đơn giá khoán đã thoả thuận trong hợp đồng).

d) Đối với các khoản chi phí tư vấn, chi phí phi tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định, giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, giá hợp đồng kết hợp: thẩm tra áp dụng theo quy định thẩm tra chi phí xây dựng đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định, giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, giá hợp đồng kết hợp tại khoản 3 Điều 40 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản

1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung:

a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại.

b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát, nhà thầu bảo hiểm kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

2. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản để trình cơ quan có thẩm quyền cho phép không tính vào giá trị tài sản như: chi phí đào tạo, tăng cường và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý hoặc cộng đồng, chi phí các Ban quản lý dự án không liên quan trực tiếp đến tài sản được hình thành và bàn giao ở các địa phương, chi phí đầu tư thiệt hại do nguyên nhân chủ quan như khối lượng đầu tư bị hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, chi phí đã thực hiện, không xảy ra thiệt hại, có tạo ra sản phẩm nhưng sản phẩm đó không được sử dụng cho dự án như sản phẩm chi phí khảo sát, thiết kế đã hoàn thành, đạt chất lượng nhưng không được sử dụng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế, chi phí đầu tư xây dựng dở dang (dự án dừng thực hiện vĩnh viễn) không hình thành tài sản; chi phí sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai không được hạch toán tăng giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý tài sản.

Điều 42. Thẩm tra tài sản hình thành sau đầu tư

1. Xác định số lượng và giá trị tài sản hình thành sau đầu tư của dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập, bao gồm: tài sản dài hạn (tài sản cố định) và tài sản ngắn hạn.

2. Việc phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác chung của toàn dự án cho từng tài sản cố định được xác định theo nguyên tắc: chi phí trực tiếp liên quan đến tài sản cố định nào thì tính cho tài sản cố định đó; chi phí chung liên quan đến nhiều tài sản cố định thì phân bổ theo tỷ lệ chi phí trực tiếp của từng tài sản cố định so với tổng số chi phí trực tiếp của toàn bộ tài sản cố định.

3. Tài sản được bàn giao phải xác định đầy đủ danh mục và giá trị cho đơn vị sử dụng.

Điều 43. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng

1. Thẩm tra xác định công nợ:

a) Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, số tiền đã thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng đối tượng.

b) Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa nộp, số dư tiền gửi, tiền mặt tại quỹ để kiến nghị biện pháp xử lý.

2. Kiểm tra xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng:

a) Kiểm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với sổ liệu kiểm kê thực tế.

b) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.

c) Căn cứ biên bản kiểm kê tài sản, sổ kế toán, biên bản đánh giá lại tài sản (trường hợp phải đánh giá lại) tính đến ngày lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, xác định số lượng, nguyên giá tài sản, giá trị đã hao mòn (khấu hao) và giá trị còn lại của tài sản cố định để bàn giao cho đơn vị sử dụng hoặc xử lý theo quy định trong trường hợp dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý một dự án thực hiện quản lý.

Điều 44. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư thực hiện.

3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước. Trường hợp chi phí thực hiện thông qua hợp đồng, việc thẩm tra tương tự quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 40 Nghị định này.

4. Thẩm tra công nợ của dự án.

5. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản để trình cấp có thẩm quyền cho phép không tính vào giá trị tài sản.

6. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành sau đầu tư (nếu có).

7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).

8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.

Điều 45. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành gồm:

a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành.

c) Trường hợp thành lập Tổ công tác thẩm tra quyết toán, người thẩm tra báo cáo Tổ thẩm tra quyết toán kết quả thẩm tra; Tổ thẩm tra quyết toán tham gia hoàn chỉnh, thông qua báo cáo thẩm tra quyết toán của người thẩm tra để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành gồm các nội dung chính sau:

a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.

b) Tóm tắt kết quả thẩm tra theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Nghị định này.

c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về nguồn vốn đầu tư, tài sản và công nợ sau khi quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

3. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan nhận tài sản, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay, cấp vốn đầu tư của dự án (hoặc cơ quan được ủy quyền thanh toán, cho vay, cấp vốn đầu tư đối với các dự án có độ mật cao), người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước).

Điều 46. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Chi phí cho kiểm toán độc lập và chi phí cho thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành thuộc nội dung chi phí khác trong tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án, giá trị quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

1. Chi phí cho kiểm toán độc lập, chi phí cho thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Trường hợp dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập có chi phí nằm trong khoảng chi phí nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này thì tỷ lệ chi phí cho kiểm toán độc lập, chi phí cho thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công được xác định theo công thức sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó:

- K_i : Tỷ lệ chi phí tương ứng với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là phần trăm).

- K_a : Tỷ lệ chi phí tương ứng với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần trên (đơn vị tính là phần trăm).

- K_b : Tỷ lệ chi phí tương ứng với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần dưới (đơn vị tính là phần trăm).

- G_i : Chi phí của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là tỷ đồng).

- G_a : Chi phí của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần trên (đơn vị tính là tỷ đồng).

- G_b : Chi phí của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần dưới (đơn vị tính là tỷ đồng).

b) Bảng tỷ lệ chi phí tối đa cho kiểm toán độc lập vốn đầu tư công:

Chi phí	Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần thuê kiểm toán độc lập						
	≤ 5 tỷ đồng	10 tỷ đồng	50 tỷ đồng	100 tỷ đồng	500 tỷ đồng	1.000 tỷ đồng	≥ 10.000 tỷ đồng
Tỷ lệ kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069

Chi phí (dự toán giá gói thầu) kiểm toán độc lập kiểm toán vốn đầu tư công của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở chi phí của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần thuê kiểm toán và tỷ lệ quy định tại bảng tỷ lệ chi phí kiểm toán độc lập, cộng thêm thuế giá trị gia tăng. Chi phí kiểm toán độc lập tối thiểu là một triệu đồng và cộng thêm thuế giá trị gia tăng

c) Bảng tỷ lệ chi phí tối đa cho thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công:

Chi phí	Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt quyết toán
---------	--

	≤ 5 tỷ đồng	10 tỷ đồng	50 tỷ đồng	100 tỷ đồng	500 tỷ đồng	1.000 tỷ đồng	≥ 10.000 tỷ đồng
Tỷ lệ thẩm tra, phê duyet quyết toán (%)	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở chi phí quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt và tỷ lệ quy định tại bảng tỷ lệ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm nghìn đồng.

d) Dự án có chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng $\geq 50\%$ tổng mức đầu tư được duyệt: Tỷ lệ chi phí kiểm toán độc lập và tỷ lệ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được tính bằng 70% tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này.

đ) Đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư độc lập có quyết định phê duyệt dự án riêng: tỷ lệ chi phí kiểm toán và tỷ lệ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được tính tối đa bằng 50% tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp dự án không tách riêng nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần, tiểu dự án độc lập thì tỷ lệ chi phí kiểm toán độc lập và tỷ lệ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án được tính bằng 50% tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này.

e) Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này: tỷ lệ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được tính bằng 50% tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 47 Nghị định này, cơ quan

chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được hưởng theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán chuyển trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt để giảm trừ giá trị quyết toán vốn đầu tư của dự án.

Chủ đầu tư đề nghị cơ quan thanh toán (kho bạc Nhà nước) thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán được xác định tại khoản 1 Điều này.

b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành bao gồm:

Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.

Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hằng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

d) Nguồn thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không phải thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương; không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hằng năm của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.

Trên cơ sở nguồn thu và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập chứng từ chuyển tiền theo quy định để đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo các

nội dung chỉ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này (trường hợp nhiều nội dung chỉ, đơn vị kê khai trên bảng kê ghi rõ nội dung chỉ kèm theo chứng từ chỉ; bảng kê có chữ ký đóng dấu của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) để thanh toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán không phải gửi chứng từ chỉ, hợp đồng, hóa đơn mua sắm đến cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước). Căn cứ đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

3. Trường hợp chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng kiểm toán nhưng nhà thầu kiểm toán độc lập vẫn không thực hiện một số nội dung công việc, chủ đầu tư căn cứ điều kiện hợp đồng và khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện để điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán độc lập theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện.

4. Trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc của hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán độc lập căn cứ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng để điều chỉnh bổ sung hoặc loại trừ những nội dung công việc của hợp đồng đã ký.

Điều 47. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:

Dự án	Quan trọng Quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	04 tháng	03 tháng
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày

1. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

2. Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 34 Nghị định này) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành

của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (theo quy định tại Điều 47 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Điều 48. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm

1. Số liệu báo cáo năm được tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán là cấp dưới của các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước; Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm báo cáo đến cơ quan được các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì tổng hợp báo cáo. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 01 hàng năm, các cơ quan chủ quản gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính để tổng hợp công khai tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm của cả nước.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định hiện hành.

Điều 49. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Thực hiện nghiêm việc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư của Bộ Tài chính. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư sai quy định, gây lãng phí vốn đầu tư của Nhà nước bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán các cấp:

Rà soát tình hình thực hiện công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án thuộc phạm vi quản lý, trong đó làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán, báo cáo đến Thủ trưởng các đơn vị để có biện pháp xử lý dứt điểm trước ngày 31 tháng 12 năm 2021. Sau thời hạn trên, không xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên đối với người đứng đầu cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán khi trong năm phát sinh từ 01 dự án thuộc phạm vi quản lý chậm thẩm tra, chậm phê duyệt quyết toán trên 24 tháng.

3. Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án:

a) Khẩn trương thực hiện kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến nay chưa thực hiện

quyết toán (đặc biệt là các dự án đã hoàn thành, chậm lập quyết toán); xác định rõ nguyên nhân chậm quyết toán, những khó khăn vướng mắc cụ thể của từng dự án, làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân có liên quan, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét xử lý dứt điểm trước ngày 31 tháng 12 năm 2021 và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau thời hạn trên, không xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên đối với người đứng đầu chủ đầu tư, Ban quản lý dự án khi trong năm phát sinh từ 01 dự án thuộc phạm vi quản lý chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên 24 tháng.

b) Chịu phạt tiền đối với hành vi chậm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình để trình người quyết định đầu tư phê duyệt kể từ ngày công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Nhà thầu:

a) Không được tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới khi đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng.

b) Chịu phạt tiền khi có hành vi chậm quyết toán hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng xây dựng quá thời hạn quy định.

5. Hình thức, mức phạt, thẩm quyền và thủ tục xử phạt:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

KIỂM TRA

Điều 50. Kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Chủ đầu tư tự thực hiện kiểm tra việc thực hiện dự án theo các nội dung được giao quản lý.

2. Cơ quan chủ quản định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hòa thành do đơn vị mình quản lý và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư công và ngân sách nhà nước hiện hành.

Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan chủ quản tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra cơ quan kiểm soát, thanh toán về việc chấp hành chế độ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công, kiểm tra các đơn vị thuộc phạm vi quản lý tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan tài chính cấp trên để xử lý theo thẩm quyền.

4. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc quản lý, thanh toán và sử dụng vốn đầu tư công, tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương cả nước. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, Bộ Tài chính chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Chương V

NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 51. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp

1. Thực hiện quy định về báo cáo thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công theo quy định hiện hành.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ theo quy định hiện hành.

3. Yêu cầu cơ quan kiểm soát, thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước và đầu tư công, bao gồm các tài liệu phục vụ cho công tác quản lý dự án đầu tư công, bố trí vốn kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định này.

4. Thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định này.

5. Tổng hợp vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn trong nước, vốn nước ngoài), vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư trong phạm vi quản lý.

6. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán, đối với các dự án thuộc các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, Bộ Tài chính có văn bản đôn đốc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước gửi các Bộ, cơ quan trung ương để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi; đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi.

7. Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý.

8. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

c) Hướng dẫn việc nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis.

d) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp phát hiện có sai sót trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, yêu cầu cấp phê duyệt quyết toán điều chỉnh lại cho đúng; xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và hướng dẫn các nội dung liên quan.

e) Trường hợp đặc biệt cần thiết phải có quy định khác về hồ sơ của dự án (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán) hoặc quy định khác về cơ chế giải ngân (tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành) khác với các quy định tại Nghị định này, giao Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

9. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định tại Nghị định này.

b) Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán vốn đầu tư công

dự án hoàn thành; chịu trách nhiệm về kết quả trực tiếp thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chủ đầu tư cung cấp.

c) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; không chịu trách nhiệm về đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đơn giá trúng thầu đã được người có thẩm quyền quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, hợp pháp của nội dung chi và giá trị khi thanh toán từ nguồn chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Điều 52. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác có liên quan

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư công đúng mục đích, đúng chế độ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công hiện hành.

2. Đối với quyết toán dự án hoàn thành:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

b) Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý phối hợp với chủ đầu tư xử lý các nội dung còn tồn tại của dự án (nếu có) và hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án trong thời gian 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán, tổng dự toán (nếu có) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

đ) Công bố công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng trên Báo Đấu thầu và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để thông báo cho các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án biết các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng.

e) Không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng được tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới.

g) Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; có biện pháp ngăn ngừa, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định. Yêu cầu các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án rà soát xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc chậm lập báo cáo quyết toán để báo cáo đến Thủ trưởng các đơn vị có biện pháp xử lý.

h) Cụ thể hóa và đưa nội dung thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, cơ quan thẩm tra, cơ quan phê duyệt quyết toán.

3. Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật hiện hành về những quyết định của mình.

Điều 53. Nhiệm vụ của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định này.

2. Có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.

3. Kiểm soát thanh toán trên cơ sở các tài liệu tại hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định tại Nghị định này, không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, không chịu trách nhiệm về tính chính xác đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán.

Trường hợp phát hiện tài liệu tại hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp trái với quy định hiện hành, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất; quá thời hạn quy định mà không được trả lời hoặc được trả lời mà thấy chưa phù hợp với quy định hiện hành, cơ quan kiểm soát, thanh toán báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.

4. Đơn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

5. Đơn đốc chủ đầu tư thanh toán dứt điểm công nợ khi dự án đã quyết toán và tắt toán tài khoản. Hàng năm, báo cáo cơ quan tài chính tình hình tắt toán tài khoản của các dự án để có biện pháp đơn đốc thực hiện.

6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành.

7. Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công.

8. Thực hiện công tác kiểm tra theo quy định hiện hành; được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với quy định quản lý tài chính của nhà nước hiện hành, báo cáo Bộ Tài chính để xử lý.

9. Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu ở các công trình, dự án.

10. Hết năm ngân sách, xác nhận số giải ngân trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý; đối với vốn ngoài nước, cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) xác nhận theo số liệu đề nghị tạm ứng, thanh toán của cơ quan chủ quản (chủ dự án) đã được cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) chấp nhận.

11. Đối với quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư công đã cho vay và thanh toán đối với dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, cơ quan phê duyệt quyết toán về quá trình đầu tư của dự án.

- Đơn đốc chủ đầu tư thanh toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo chế độ quy định và tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, đảm bảo đúng các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định này.

12. Kho bạc nhà nước:

a) Hướng dẫn chủ đầu tư, cơ quan chủ quản (trong trường hợp thực hiện dự án đầu tư công tại nước ngoài và chủ đầu tư không ở trong nước) mở tài khoản để được thanh toán vốn đầu tư công tại kho bạc Nhà nước.

b) Ban hành quy trình thanh toán vốn đầu tư để thực hiện thống nhất trong hệ thống kho bạc Nhà nước; Kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ, thanh toán kịp thời, đầy đủ, thuận tiện cho chủ đầu tư nhưng đảm bảo đơn giản thủ tục hành chính và quản lý chặt chẽ vốn đầu tư của Nhà nước.

Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Chủ đầu tư (ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực):

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý ngân sách nhà nước, tài chính đầu tư công hiện hành.

b) Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá và giá trị đề nghị thanh toán; Đảm bảo tính hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho cơ quan kiểm soát, thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.

d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho cơ quan kiểm soát, thanh toán và cơ quan tài chính các cấp để phục vụ cho công tác quản lý, thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư công và chấp hành chính sách, chế độ về tài chính đầu tư công hiện hành.

đ) Kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng và thu hồi tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện tạm ứng vốn cho các nhà thầu. Hàng quý, các chủ đầu tư chủ trì phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn và thu hồi tạm ứng vốn theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

e) Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư công theo quy định hiện hành. Hết năm ngân sách, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư công hàng năm đối với từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để xác nhận.

g) Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu cơ quan kiểm soát, thanh toán trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

h) Đơn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định.

i) Lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đúng quy định, trình người có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định tại Điều 47 Nghị định này; cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo yêu cầu của kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo quyết toán và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết

toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa để quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

l) Thu hồi của nhà thầu hoặc nhà cung cấp để nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa khi dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án. Thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được phê duyệt khi có kế hoạch vốn, trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho dự án.

m) Thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo quy định và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng nhưng không thu hồi được.

n) Chủ đầu tư (chủ dự án) chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng chứng từ kiểm soát chi điện tử do cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) ban hành đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn nước ngoài

2. Nhà thầu:

a) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng ngay sau khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả sai chế độ quy định.

c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của người có thẩm quyền.

3. Nhà thầu kiểm toán:

a) Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Xử lý chuyển tiếp

1. Quy định về hồ sơ tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn đầu tư công khác đang

thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư; số 131/2019/TT-BTC ngày 01/02/2019 hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư dự án, công trình xây dựng bí mật thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và số 107/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài, trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại các Thông tư này và các văn bản quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

2. Các hợp đồng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định này được áp dụng kể từ công tác quyết toán theo niên độ 2021.

4. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập sử dụng vốn đầu tư công đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

5. Bãi bỏ quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 12 Điều 8, các khoản 4, 5, 6 và 8 Điều 9, nội dung quy định đối với dự án (dự án thành phần) sử dụng vốn nước ngoài thuộc kế hoạch đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ và dự án cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ tại các khoản 4, 6 Điều 10 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc Nhà nước.

Điều 56. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 01 năm 2021.

Điều 57. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này, trường hợp phát sinh các nội dung chưa

được quy định cụ thể tại Nghị định này thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
HỆ THỐNG MẪU BIỂU
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày / /2021 của Chính phủ)

Mẫu số 01/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ...
Mẫu số 01.nn/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ... (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 02/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ... điều chỉnh
Mẫu số 02.nn/PB	Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm ... điều chỉnh (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 03.a/TT	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành
Mẫu số 03.b/TT	Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện
Mẫu số 03.c/TT	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng
Mẫu số 04/TT	Giấy đề nghị thanh toán vốn
Mẫu số 04.nn/TT	Giấy đề nghị thanh toán vốn của cơ quan chủ quản (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài)
Mẫu số 05/TT	Giấy rút vốn
Mẫu số 06/TT	Giấy rút vốn kiểm thu ngân sách nhà nước (áp dụng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)
Mẫu số 07/TT	Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ
Mẫu số 08/SDTU	Báo cáo tổng hợp tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng
Mẫu số 09/PPP	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiểu dự án trong dự án PPP
Mẫu số 10/PPP	Giấy đề nghị thanh toán phần vốn đầu tư công thực hiện tiểu dự án trong dự án PPP

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (cấp, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn gần đây 20...-20...	Vốn đã giải ngân từ ngân sách đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm...			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Tra nợ đọng xây dựng cơ bản	
								Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước	Tổng số						
1	Vốn nước ngoài, trong đó:	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2.2	- Vốn nước ngoài giao ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi														
	Ngành, lĩnh vực ...														
	Dự án.														
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước														
	Ngành, lĩnh vực														
	Dự án ..														
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia														
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Vốn nước ngoài giao ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi														
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...														
2.4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)														
	Ngành vốn.														
	Dự án ..														
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư														
	Ngành														
	Ngành.														

(*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

... ngày ... tháng ... năm ..
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN BẢO CẢO

PHẦN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH
NĂM...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Đưa điểm xây dựng	Đưa điểm mới tại dự án (câu hỏi, câu trả lời)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (theo, kinh)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn (năm 20... - 20...)	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm...			Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm		Chú chú			
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó, phần vốn ngân sách nhà nước	Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm				
								Tổng số	Trong đó, phần vốn ngân sách nhà nước						Thư bài vốn đã ứng trước	Thư bài vốn đang xây dựng cơ bản						
																				Tổng số	Trong đó, phần vốn ngân sách nhà nước	Thư bài vốn đã ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRƯNG ƯƠNG QUẢN LÝ																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
	- Ngân sách nhà nước																					
1	Vốn ngân sách nhà nước của tư theo ngành, lĩnh vực																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
	- Ngân sách nhà nước																					
	+ Nguồn vốn tài chính Chính phủ (tài trợ)																					
	+ Nguồn vốn từ tiền sử dụng đất (tài trợ ngân sách để giải thu ghi thu chi cho các khoản đã thanh toán từ năm 2016 trở về trước nhà có)																					
	Dự án.																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																					
	Chương trình mục tiêu quốc gia...																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
	Chương trình mục tiêu quốc gia...																					

(Ban hành kèm theo Nghị định số

/2020/NĐ-CP ngày

tháng 11 năm 2020)

Mẫu số 02/PS

[illegible]

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tại khuân của dự án (thị trấn, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (theo, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn gần đến 20...20..	Vấn đề giải quyết ưu khó công dân khi kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm...			Điền chính tăng	Điền chính giảm	Kế hoạch đầu tư công năm ... sau điều chỉnh				Câu chủ		
							Số ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Tổng số	Điền			Điền	Tổng số	Tổng số				
								Tổng số	Trong đó phải vốn ngân sách nhà nước										Thư hỏi vốn đầu tư trước	Thư tự động xây dựng cơ bản		Thư hỏi vốn đầu tư trước	Thư tự động xây dựng cơ bản

(*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

... ngày ... tháng .. năm 20 ...
LÀNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới từ khoản của dự án (chủ quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư từ thời công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư CÔNG năm			Kế hoạch chi ngoại tệ năm ... (quy ra USD)	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó phần vốn NSNN				Tỷ lệ nợ đọng xây dựng cơ bản		
1	Dự án...	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	- <i>Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>														
	Ngành, lĩnh vực...														
	Dự án...														
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia														
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- <i>Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi âm ghi chi</i>														
	- <i>Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>														
	Chương trình mục tiêu quốc gia ...														
2.4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)														
	Nguồn vốn...														
	Dự án...														
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư														
	Ngành...														
	Ngành...														

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÀNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

PHẦN BỐ CHÍ TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo công văn số .. ngày .. tháng .. năm của)

Ban hành kèm theo Nghị định số

/2020/MD-CP ngũy

Mẫu số 02.nn/PB
tháng 11 năm 2020)

Đơn vị triệu đồng

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung	Đơn điền vở dùng	Đơn điền mà từ bên còn điền (chữ tối thiểu quên, hoặc)	Mã số dự án	Mã ngành trình tế (Quỹ, bên)	Thời gian khai công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)					Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn từ năm 20...-20...	Vấn đề thành toán trừ (bên công đầu bên Kế hoạch năm trước)	Kế hoạch vốn đầu tư năm...			Dự án chính yếu	Dự án chính yếu	Kế hoạch vốn đầu tư sau điều chỉnh năm...				Kế hoạch chi nguyên tệ năm... (Chị ra USD)					
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số	Trong đó phân vốn NSNN			Tổng số	Trong đó				Dự án chính yếu	Dự án chính yếu	Tổng số	Trong đó						
								Tổng số	Trong đó phân vốn NSNN						Tổng số	Trong đó đầu tư						Dự án chính yếu		Dự án chính yếu	Tổng số	Trong đó đầu tư	Dự án chính yếu	Dự án chính yếu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21								
II																												
Vấn đề nguồn tài trợ pháp các cơ quan nhà nước, đơn vị tự nguyện công																												
Hợp nhất để đầu tư theo quy định																												
Người...																												
Người...																												
Người...																												

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

... ngày ... tháng ... năm ...
LÀNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Tên dự án: Mã dự án: ...

Tên gói thầu: ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ... ngày ... tháng ... năm ...

Chủ đầu tư: ...

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...

Thanh toán lần thứ: ...

Cần cứ xác định: ...

Biên bản nghiệm thu số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: Đồng												
Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện				Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13
Tổng số:												

- Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...
- Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: ...
- Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: ...
- Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: ...
- Thanh toán để thu hồi tạm ứng: ...
- Giá trị để nghị giải ngân kỳ này: ...
- Số tiền bằng chữ: ... (là số tiền để nghị giải ngân kỳ này).
- Lũy kế giá trị giải ngân: ..., trong đó:
 - Tạm ứng: ...
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

... ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 03a

1. Giá trị hợp đồng: là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. Giá trị dự toán được duyệt (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): là giá trị dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình.

3. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng (đã tạm ứng trực tiếp cho chủ đầu tư trường hợp tự thực hiện hoặc đã tạm ứng cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng) chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

4. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu (trực tiếp cho chủ đầu tư trường hợp tự thực hiện hoặc cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng) phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

5. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng (hoặc theo dự toán trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng) đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng ((hoặc theo dự toán) trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*

6. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

Thanh toán thu hồi tạm ứng trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng: là số tiền mà chủ đầu tư thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo dự toán còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

7. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thanh toán cho chủ đầu tư hoặc đơn vị thực hiện theo dự toán được duyệt (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho công việc hoặc dự án trong năm kế hoạch)

8. Lũy kế giá trị giải ngân gồm 2 phần:

- Tạm ứng: Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 5) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 6.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết kỳ trước (khoản 3) cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 5), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành kỳ này (khoản 6).

BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỎI THƯỜNG, HỒ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt	Trong đó mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng		Ghi chú	
		Số ngày, tháng, năm	Số tiền		Tổng số	Số, ngày, tháng hợp đồng bàn giao nhà		Giá trị Biên bản nghiệm thu bàn giao nhà
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I.	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức							
1	...							
2	...							
II.	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân							
1	...							
2	...							

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TỔ CHỨC BỎI THƯỜNG, HỒ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CƯ

Ngày ... tháng ... năm ...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hướng dẫn phương pháp lập Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện:

1. Về phương pháp ghi chép:

Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được lập cho từng dự án. Trường hợp một dự án có nhiều phương án bồi thường được duyệt thì số tiền tạm ứng từ cơ quan kiểm soát, thanh toán được thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, người dân của các phương án nhưng phải thuộc cùng một dự án; cột chỉ tiêu số 2 (nội dung) yêu cầu phải ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức, hộ dân đã nhận tiền bồi thường, số tiền đã nhận theo đúng phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về chữ ký của các thành phần tham gia:

Đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư trực tiếp chi trả (không thông qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì phần chữ ký chỉ yêu cầu chữ ký của chủ đầu tư không yêu cầu chữ ký của tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đối với trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện thì phần chữ ký, đóng dấu gồm: chủ đầu tư và tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... mã số ĐVSDNS: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng : ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
---	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do . . .</i>			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM
 SOÁT, THANH TOÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng : ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
---	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do : ...</i>			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM
SOÁT, THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

(Ban hành kèm theo Nghị định số

/2020/NĐ-CP ngày

Mẫu số 05/TT
/11/2020 của Chính phủ)

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi ☐

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☐

Ứng trước đủ điều kiện thanh toán

Tiền mặt tại ... ☐

Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán

Tiền mặt tại ... ☐

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ...

Mã ĐVQHNS: ...

Tài khoản: ...

Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Số CKC, HĐK: ...

Số CKC, HĐTH ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày ... / ... / ...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...

Mã số thuế: ...

Mã NDKT: ...

Mã chương: ...

Cơ quan quản lý thu: ... Kỳ thuế: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán hạch toán khoản thu: ...

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền: ...

Địa chỉ: ...

Tài khoản: ... Mã CTMT, DA và HTCT: ...

Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (NH): ...

Hoặc người nhận tiền: ...

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): ...

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã CQ thu: ...

Mã ĐBHC: ...

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LĨNH TIỀN MẶT

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ QUÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
KIỂM SOÁT, THANH
TOÁN**

(Ký, ghi họ tên, chức vụ,
đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

(Ban hành kèm theo Nghị định số

/2020/NĐ-CP ngày

/11/2020 của Chính phủ)

Mẫu số 06/TT

BỘ NGOẠI GIAO
GIẤY RÚT VỐN KIỂM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi ☐

Tạm ứng ☐

Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ...

Tài khoản: ... tại ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán)

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày .../.../...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KH	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
								Nguyên tệ	Quy ra VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng:									

Đồng thời ghi thu ngân sách nhà nước chi tiết như sau:

Cơ quan quản lý khoản thu: ...

Mã chương: ... Mã số thuế: ... Kỳ nộp phí, lệ phí: ...

Nội dung	Mã NDKT	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
				Nguyên tệ	Quy ra VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

**PHẦN CƠ QUAN KIỂM
SOÁT, THANH TOÁN GHI**

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

Mã CQT: ...

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...

Tổng số tiền VND ghi bằng chữ: ...

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ
họ tên)

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ
họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ
QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN**
(Ký, ghi họ tên, chức vụ,
đóng dấu)

BỘ NGOẠI GIAO

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên, chức
vụ, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẰNG NGOẠI TỆ

Thực chi ☐ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
Tiền mặt ☐

Đơn vị rút dự toán: ...

Tài khoản: ...

Tại (cơ quan kiểm soát, thanh toán): ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Số CKC, HDTH: ... Số CKC, HĐK: ...

Người lĩnh tiền: ...

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Nội dung chi: ...

PHẦN KBNN GHI

Mã ĐBHC: ...

1. Nợ TK: ...

Có TK: ...

2. Nợ TK: ...

Có TK: ...

Tỷ giá hoạch toán: ...

Chi tiết	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền bằng ngoại tệ	Số tiền quy ra VND
Tiền mặt:							
Phí ngân hàng:							
Tiền chuyển khoản							
Số tài khoản: ...							
Tên tài khoản: ...							
Tại ngân hàng: ...					SWIFT: ...		
Tên ngân hàng trung gian: ...					SWIFT: ...		
Tổng cộng:							

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...

Tổng số tiền VND ghi bằng chữ: ...

Phần Cơ quan kiểm soát, thanh toán duyệt chi:

Kính gửi: Ngân hàng ...

(Cơ quan kiểm soát, thanh toán) đề nghị Ngân hàng ...

Trích tài khoản số: ... của (cơ quan kiểm soát, thanh toán) ...

Số tiền nguyên tệ ghi bằng số: ...

Ghi bằng chữ: ...

Chi tiết	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền quy ra VND
Tiền mặt:			
Phí ngân hàng:			
Tiền chuyển khoản			
Số tài khoản: ...			
Tên tài khoản: ...			
Tại ngân hàng: ... SWIFT: ...			
Tên ngân hàng trung gian: ... SWIFT: ...			
Tổng cộng			

Nội dung chi: ...

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ
họ tên)

KẾ TOÁN

TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

KIỂM SOÁT, THANH

TOÁN
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN

TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên, đóng
dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TẠM ỨNG VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Nội dung	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo	Trong đó, các khoản tạm ứng quá hạn, khó khả năng thu hồi					Đề xuất hướng xử lý thu hồi tạm ứng
			Tổng số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo	Nguyên nhân				
				Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư giải thể	Nhà thầu phá sản	Dự án đình hoãn, không thực hiện	Nguyên nhân khác (ghi cụ thể)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG SỐ								
1	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)							
2	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ							
A	Nguồn vốn thuộc bộ, cơ quan trung ương quản lý							
BỘ/CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG...								
I	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)							
Dự án...								
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ							
Dự án...								
B	Nguồn vốn do địa phương quản lý							
TỈNH/THÀNH PHỐ ...								
I	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)							
Dự án...								
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ							
Dự án...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH TIÊU DỰ ÁN TRONG DỰ ÁN PPP

Tên dự án: Mã dự án: ...

Tên gói thầu: ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ... ngày ... tháng ... năm ...

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...

Thanh toán lần thứ: ...

Cần cứ xác định: ...

Biên bản nghiệm thu số ... ngày ... tháng ... năm ...

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện				Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13
Tổng số:												

1. Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...

2. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: ...

3. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: ...

4. Giá trị để nghị giải ngân kỳ này: ...

Số tiền bằng chữ: ... (là số tiền để nghị giải ngân kỳ này).

5. Lũy kế giá trị giải ngân:

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP DỰ ÁN PPP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

BỘ, NGÀNH, UBND CẤP TỈNH
CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày / /2021 của Chính phủ)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GDN-(1)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN PHẦN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN TRONG DỰ ÁN PPP

Tên dự án, công trình:.....
Doanh nghiệp dự án PP:
Số tài khoản của Doanh nghiệp dự án PPP:
Mã dự án đầu tư:
Mã số DVSDNS:

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).
- Vốn trong nước (TN): tại:
- Vốn nước ngoài (NN): tại:
Căn cứ hợp đồng dự án giữa cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP và nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án PPP số ngày tháng ... năm
Căn cứ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiêu dự án trong dự án PPP đề nghị thanh toán số ngày tháng ... năm
Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành của tiêu dự án trong dự án PPP đề nghị thanh toán: đồng
Số tiền đề nghị thanh toán:
Thuộc nguồn vốn:
Thuộc kế hoạch vốn: Năm:

Nội dung	Tổng giá trị phần vốn đầu tư công thực hiện dự án tiêu dự án trong dự án PPP	Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành từ khởi công đến cuối kỳ trước	Lũy kế phần vốn đầu tư công đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước				Số đề nghị thanh toán phần vốn đầu tư công kỳ này	
			Vốn TN	Vốn NN			Vốn TN	Vốn NN
Thanh toán cho dự án ...								
Cộng								

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng số:
Bằng chữ:
Tên đơn vị thụ hưởng:
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: tại:

..... ngày tháng ... năm
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
(1) Tên viết tắt của Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp thuận	Thanh toán	Theo nội dung
---	------------	---------------

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp thuận thanh toán như sau:

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp thuận			
Mục, tiểu mục			
Mục, tiểu mục			
Mục, tiểu mục			
Các năm trước			
Năm nay			
Thuế giá trị gia tăng			
...			
Số đơn vị thụ hưởng			
Bảng chữ			
Từ chối			
Lý do:			

Ghi chú: ...

CHUYÊN VIÊN KIỂM SOÁT CHU/GIAO
DỊCH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TỜNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRƯNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTT-BTC ngày tháng năm 2021 của Bộ Tài chính)

DỰ THẢO

Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Số đơn vị tham gia ý kiến: 94.

Số đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo: 51.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
1	2	3	3	4
A	Các đơn vị thống nhất với dự thảo của Bộ Tài chính			
I	Các Bộ, cơ quan trung ương			
1	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bộ Nội vụ	
2	Thông nhất với nội dung dự thảo		Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
3	Thông nhất với nội dung dự thảo		Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
4	Thông nhất với nội dung dự thảo		Tòa án Nhân dân tối cao	
5	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bộ Khoa học và Công nghệ	
6	Thông nhất với nội dung dự thảo		Dài Truyền hình Việt Nam	
7	Thông nhất với nội dung dự thảo		Thanh tra Chính phủ	
8	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bộ Công thương	
9	Thông nhất với nội dung dự thảo		Dài Tiếng nói Việt Nam	
10	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
11	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bộ Y tế	
12	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
13	Thông nhất với nội dung dự thảo		Thông tấn xã Việt Nam	
14	Thông nhất với nội dung dự thảo		Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	
15	Thông nhất với nội dung dự thảo		Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	
16	Thông nhất với nội dung dự thảo		Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	
17	Thông nhất với nội dung dự thảo		Ủy ban dân tộc	
18	Thông nhất với nội dung dự thảo		Văn phòng Trung ương Đảng	
19	Thông nhất với nội dung dự thảo		Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	
II	Các Địa phương			
1	Thông nhất với nội dung dự thảo		Kiên Giang	
2	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bến Tre	
3	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bắc Kan	
4	Thông nhất với nội dung dự thảo		Hòa Bình	
5	Thông nhất với nội dung dự thảo		Hà Giang	
6	Thông nhất với nội dung dự thảo		Long An	
7	Thông nhất với nội dung dự thảo		Quảng Bình	
8	Thông nhất với nội dung dự thảo		Kon Tum	
9	Thông nhất với nội dung dự thảo		Sơn La	
10	Thông nhất với nội dung dự thảo		An Giang	
11	Thông nhất với nội dung dự thảo		Điện Biên	
12	Thông nhất với nội dung dự thảo		Vĩnh Long	
13	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bình Định	
14	Thông nhất với nội dung dự thảo		Thái Nguyên	

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC, TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
15	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bắc Giang	
16	Thông nhất với nội dung dự thảo		Hải Dương	
17	Thông nhất với nội dung dự thảo		Hưng Yên	
18	Thông nhất với nội dung dự thảo		Vĩnh Phúc	
19	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bắc Ninh	
20	Thông nhất với nội dung dự thảo		Hà Nam	
21	Thông nhất với nội dung dự thảo		Nam Định	
22	Thông nhất với nội dung dự thảo		Thái Bình	
23	Thông nhất với nội dung dự thảo		Thanh Hóa	
24	Thông nhất với nội dung dự thảo		Quảng Trị	
25	Thông nhất với nội dung dự thảo		Gia Lai	
26	Thông nhất với nội dung dự thảo		Đồng Nai	
27	Thông nhất với nội dung dự thảo		Tây Ninh	
28	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bà Rịa - Vũng Tàu	
29	Thông nhất với nội dung dự thảo		Trà Vinh	
30	Thông nhất với nội dung dự thảo		Hàn Giang	
31	Thông nhất với nội dung dự thảo		Bạc Liêu	
32	Thông nhất với nội dung dự thảo		Cà Mau	
B Các ý kiến góp ý, bổ sung, giải trình				
I Về quản lý, thanh toán				
I.1 Các ý kiến thống nhất tiếp thu tại dự thảo				
1	Đề nghị bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	Căn cứ pháp lý	Tỉnh Quảng Ngãi	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
2	Đề nghị bổ sung điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên là căn cứ pháp lý để thực hiện việc quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài.	Điều 6	Tỉnh Hà Tĩnh	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
3	Tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định, đề nghị điều chỉnh "Đổi với các chi phí được tính theo tỷ lệ (%) trong tổng mức đầu tư(hoặc dự toán được duyệt) được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cơ quan Kiểm soát, thanh toán kiểm soát, thanh toán đảm bảo không vượt tỷ lệ quy định. "	Điều 7	Tỉnh Hà Tĩnh	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
4	Đổi với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án hay chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án sẽ không có quyết định giao quyền tư chủ của cấp có thẩm quyền va cũng không có hợp đồng. Do vậy, đề nghị loại trừ danh mục tài liệu trên tại trường hợp này.	Điều 9	Tỉnh Ninh Bình	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
5	Đề nghị bổ sung Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao và dự toán chi phí thực hiện tại hồ sơ pháp lý đổi với nhiệm vụ quy hoạch; bổ sung quyết định phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư tại hồ sơ pháp lý đổi với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.	Điều 9	Tỉnh Nghệ An, Tỉnh Quảng Ngãi	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
6	Đề nghị sửa điểm d khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: "Hợp đồng, thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng)".	Điều 9	Bộ Giao thông vận tải	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
7	Tại điểm a khoản 7 Điều 10, đề nghị không yêu cầu trường hợp tạm ứng cho chỉ phí ban quản lý dự án phải thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng	Điều 10	Bộ Giao thông vận tải	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
8	Tại điểm a khoản 1 Điều 10, đề nghị quy định như nội dung quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc Nhà nước, cụ thể: đối với hợp đồng thi công xây dựng, trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (một phần hoặc toàn bộ) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng	Điều 10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
9	Đề nghị điều chỉnh nội dung điểm a khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định về bảo lãnh tạm ứng theo hướng bảo lãnh tạm ứng phải có giá trị và loại tiền tương đương với khoản tiền tạm ứng hợp đồng.	Điều 10	Bộ Xây dựng	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
10	Đề nghị xem xét quy định cụ thể các hồ sơ gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán đảm bảo cho việc cơ quan kiểm soát, thanh toán chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của chứng từ tài vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư.	Điều 15	TP. Đà Nẵng	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
11	Tại khoản 6 Điều 51, đề nghị điều chỉnh "Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trên cơ sở báo cáo ..." để phù hợp với quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị định.	Điều 51	Tỉnh Bình Thuận	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
12	Đề nghị bổ sung trách nhiệm của chủ đầu tư tại điểm m khoản 1 Điều 54 Thu hồi hết số vốn đã tạm ứng và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng nhưng không thu hồi được.	Điều 54	Tỉnh Quảng Ngãi	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
13	Bổ sung "ngày . . . tháng ... năm ..." vào phần ghi của cơ quan kiểm soát, thanh toán để có căn cứ xác định việc kiểm soát, thanh toán giữa ngày nhận giấy đề nghị thanh toán và ngày kiểm soát xong hồ sơ của cơ quan kiểm soát, thanh toán có đúng theo quy định tại Nghị định này hay không	Mẫu biên	Tỉnh Lạng Sơn	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
14	Việc thanh toán công việc không thông qua hợp đồng là căn cứ vào dự toán được duyệt, do vậy việc lập bảng Mẫu số 03.a/TT là chưa phù hợp với các chỉ tiêu theo mẫu vì các chỉ tiêu khối lượng, đơn giá là theo hợp đồng	Mẫu biên	Tỉnh Nghệ An	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC, TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
15	Đề nghị bổ sung hướng dẫn cách ghi Mẫu số 03 a/TT đối với trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng hoặc ban hành mẫu biểu riêng	Mẫu biểu	Tỉnh làm Đồng	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
16	Đề nghị bỏ nội dung không thực hiện nhập và phê duyệt vốn kế hoạch cho các dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý trên Tabmris để Khoa bạc Nhà nước có thể thực hiện được giải ngân cho dự án.	Điều 16	Tỉnh Quảng Ngãi	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
17	Đề nghị bỏ Lệnh khẩn cấp hoặc quyết định tình huống khẩn cấp của cấp có thẩm quyền	Điều 17	Tỉnh Quảng Ngãi	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo
1.2 Các ý kiến giải trình, bổ sung:				
1.2.1 Về phạm vi điều chỉnh:				
1	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét đưa vào khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán đối với nguồn kinh phí cải tạo sửa chữa nhỏ đối với các cơ quan, đơn vị không làm thay đổi công năng, quy mô của công trình và quy định rõ tổng mức tối đa bố trí kinh phí thực hiện.	Điều 1	Tỉnh Tuyên Quang	Các công trình cải tạo sửa chữa nhỏ không sử dụng vốn đầu tư công, do vậy không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Do vậy, không cần thiết bổ sung vào dự thảo Nghị định.
2	Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị bổ sung quy định cụ thể các loại quy hoạch nào theo quy định hiện hành của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư công.	Điều 1	TP. Hồ Chí Minh	Nghị định này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán với nhiệm vụ quy hoạch đã được bố trí vốn đầu tư công để thực hiện. Việc xác định loại quy hoạch thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này. Do vậy, trường hợp cần thiết, đề nghị làm việc với các Bộ, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn cụ thể
3	Đề nghị bổ sung nội dung quy định hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công đối với các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định đang được nêu tại khoản 5 Điều 1	Điều 1	TP. Hồ Chí Minh	Các nội dung này đã có các văn bản quy phạm pháp luật đặc thù ở cấp Nghị định quy định cụ thể. Do vậy, không cần thiết phải quy định tại Nghị định này
4	Đề nghị các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp, trong khu kinh tế, khu công nghệ cao do nhà đầu tư thực hiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Đầu tư thì có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này hay không?	Điều 1	Tỉnh Quảng Ninh	Việc xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công không cần có Luật Đầu tư, do vậy các dự án được hỗ trợ theo Luật này không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
1.2.2	Các khái niệm, giải thích từ ngữ:			
1	Đề nghị định nghĩa rõ khái niệm dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.	Điều 3	Tỉnh Đồng Tháp, TP. Hà Chi Minh	Theo quy định của Luật Đầu tư công, vốn đầu tư công bao gồm vốn ngân sách nhà nước và vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được giao chủ trì, quản lý nhà nước về đầu tư công, do vậy trường hợp cần thiết, đề nghị làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xác định nguồn vốn cho phù hợp. Tại Nghị định này, trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công mà nguồn vốn thực hiện dự án không phải vốn ngân sách nhà nước phải áp dụng quy định tại Mục 5 Chương II
2	Bộ Quốc phòng Đề nghị bỏ khoản 3 Điều 3 do không có khái niệm "độ mật cao" trong Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước; sử dụng khái niệm Dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước thay cho dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng; Bộ Công an quản lý nhiều dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước nhưng chưa được thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ nhưng vẫn cần đảm bảo bí mật khi kiểm soát, thanh toán. Bộ Công an. Đề nghị khái niệm về dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý là dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.	Điều 3	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	- Thống nhất bỏ quy định khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định về Khái niệm dự án đầu tư công có độ mật cao. - Do yêu cầu của quản lý và đặc thù của một số dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cần cơ quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Luật Đầu tư công, Điều 16 dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, thanh toán đối với dự án đầu tư công mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán thực hiện, cơ quan Khoa học Nhà nước chỉ làm nhiệm vụ giải ngân cho dự án trên cơ sở đề nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán (Khoa học Nhà nước không kiểm soát về nội dung thanh toán mà do cơ quan kiểm soát, thanh toán chịu trách nhiệm).
3	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích khái niệm dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước theo mức độ mật, tối mật, tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước nhưng khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định lại giải thích khái niệm Dự án đầu tư công có độ mật cao là dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư không gần với mức độ Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước là không thống nhất, rõ ràng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, nghiên cứu lại quy định này	Điều 3	Bộ Tư pháp	Do yêu cầu của quản lý và đặc thù của một số dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, trên cơ sở nội dung về dự án có yêu cầu bảo mật cao tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cần cơ Luật Đầu tư công, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, dự thảo Nghị định quy định một số nội dung đặc thù riêng về tam ứng, thanh toán đối với dự án đầu tư công mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (Điều 16 dự thảo Nghị định). Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước (ngoài các dự án trên) đã được quy định tại Điều 15 theo hướng đảm bảo bí mật nhà nước khi kiểm soát, thanh toán vốn, việc kiểm soát, thanh toán vẫn do cơ quan khoa học Nhà nước thực hiện.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
4	Đề nghị bổ sung cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công bao gồm cả Sơ Kế hoạch và Đầu tư	Điều 3	Tỉnh Quảng Nam	Theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng, việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công là nhiệm vụ của cơ quan tài chính. Không phải của cơ quan kế hoạch và đầu tư, mặt khác, cơ quan tài chính các cấp không có Sơ Kế hoạch và Đầu tư, do vậy việc đưa cơ quan Sơ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công là chưa phù hợp
1,2,3	Về cơ quan kiểm soát, thanh toán và nguyên tắc kiểm soát, thanh toán vốn:			
1	Về cơ quan kiểm soát, thanh toán, chỉ nên quy định Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, còn đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư thì giao các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán để tạo quyền chủ động trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Đối với Ngân hàng Nhà nước có đặc thù là Sơ Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chỉ nhánh các tỉnh/thành phố đều tham gia ở thống nhất toàn liên ngân hàng nên có thể thực hiện kiểm soát, thanh toán, chuyển vốn cho các dự án tại đơn vị Ngân hàng Nhà nước chỉ nhánh các tỉnh/thành phố thực hiện dự án mà không cần mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hay tổ chức tín dụng. Do vậy, tại khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định nên quy định thông thoáng hơn, không nên quy định chỉ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tổ chức tín dụng để tạo thuận lợi, rút ngắn thủ tục. Theo đó, khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm đối tượng mở tài khoản cho phù hợp với đặc thù của đơn vị, như đối với Ngân hàng Nhà nước thì được phép thực hiện trên hệ thống thanh toán và tài khoản của mình hoặc mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng.	Điều 4 và Điều 24	Ngân hàng Nhà nước	- Đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán được quy định tại dự thảo Khoản 1 Điều 24, trong đó cơ quan kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn này không phải chỉ có Kho bạc Nhà nước mà có thể thành toán tại ngân hàng (ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại). Việc quy định này đã tạo chủ động và điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chủ quản trong việc lựa chọn cơ quan kiểm soát, thanh toán. - Về đề xuất của Ngân hàng Nhà nước về việc nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước không cần thiết phải thanh toán tại Kho bạc Nhà nước hoặc Tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo cho phù hợp với đặc thù của Ngân hàng Nhà nước
2	Đề nghị điều chỉnh nội dung điểm b khoản 6 Điều 6 dự thảo: "Cơ quan chủ quản thay mặt chủ đầu tư đề nghị để chủ đầu tư thực hiện giao dịch thanh toán vốn đầu tư công với cơ quan kiểm soát, thanh toán"	Điều 6	Bộ Xây dựng	Đối với các dự án đầu tư công tại nước ngoài, chủ đầu tư không ở trong nước, do vậy đề thuận tiện cho việc kiểm soát, thanh toán vốn, Bộ Tài chính dự thảo quy định theo hướng cơ quan chủ quản của dự án sẽ thay mặt chủ đầu tư thực hiện giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán. Nội dung này cũng đang được quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BTC hiện hành, trong quá trình áp dụng trong thực tế chưa có vướng mắc phát sinh

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỘP Ý
3	Tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Nghị định, việc giao Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia nếu chưa đúng thủ tục hành chính sẽ không phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Điều 6	Bộ Tư pháp	Chỉ tương về từng Chương trình mục tiêu quốc gia đối với từng giai đoạn kế hoạch đầu tư công tương hạn được thay đổi theo định hướng của cấp có thẩm quyền đối với từng giai đoạn Đối với mỗi loại Chương trình thì cần được quản lý khác nhau, tùy thuộc vào định hướng và cách thức nhằm nâng cao hiệu quả từng Chương trình Do các thủ tục hành chính là hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án đã được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định này. Đồng thời, dự thảo đã quy định Bộ Tài chính căn cứ quy định tại Nghị định này để có hướng dẫn, vì vậy, nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có) sẽ đảm bảo không có thủ tục hành chính
4	Đề nghị quy định rõ hơn về chi đầu tư phát triển, xây dựng cơ bản.	Điều 6	Tỉnh Tây Ninh	Chi đầu tư phát triển, chi đầu tư xây dựng cơ bản đã được quy định chi tiết tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Luật Ngân sách Nhà nước.
5	Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “tổng dự toán” trong nội dung khoản 2 Điều 7 “tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư, tổng dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.	Điều 7	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các nội dung về dự toán xây dựng được quy định cụ thể tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trong đó khoản 2 Điều 8 quy định dự toán được chủ đầu tư xác định đối với từng chi phí, công trình (đối với dự án có nhiều công trình), tổng dự toán gồm tổng các dự toán xây dựng công trình và chi phí. Như vậy, có thể tại thời điểm, thực hiện và giải ngân chưa thể xác định được tổng dự toán hoặc nhiều dự án không phê duyệt tổng dự toán nên việc bổ sung quy định yêu cầu tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng dự toán là chưa phù hợp.
6	Đề nghị thực hiện nguyên tắc kiểm soát trước, thanh toán sau cho tất cả các lần tạm ứng, thanh toán nhằm đảm bảo tránh rủi ro trong kiểm soát chi và không mất nhiều thời gian kiểm soát trong quá trình thực hiện thanh toán	Điều 7	Tỉnh Tuyên Quang	Việc quy định về thanh toán trước, kiểm soát sau nhằm tạo thuận lợi cho các chủ đầu tư trong việc thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm, phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và chủ trương của Chính phủ trong quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng đang được quy định tại các Thông tư hiện hành của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và không có vướng mắc phát sinh. Ngoài ra, nhằm hạn chế rủi ro trong kiểm soát chi vốn ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã dự thảo quy định theo hướng Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán đến khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng thì chuyển sang hình thức “kiểm soát trước, thanh toán sau” cho từng lần thanh toán của hợp đồng

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
7	Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, đối với các dự án được cấp kinh phí theo hình thức lãnh chi tiền, cần cứ lệnh chi ngân sách do Bộ Tài chính lập, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ vào tài khoản tiền gửi do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an làm chủ tài khoản tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán, cấp phát. Do vậy, để tránh chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất giữa các quy định của Chính phủ về cùng nội dung, đề nghị bổ sung nội dung Bộ Tài chính thực hiện cấp kinh phí (theo tiến độ thực hiện dự án) cho cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán.	Điều 7	Bộ Công an	Điều 7 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán. Đối với dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý thì Kho bạc Nhà nước không phải là cơ quan kiểm soát, thanh toán. Quy định về việc kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý đã được quy định cụ thể tại Điều 16 dự thảo Nghị định.
1.2.4 Về phân bổ và kiểm tra phân bổ:				
1	Tại khoản 1 Điều 8, đề nghị bổ nội dung điểm b vì trùng với nội dung điểm a	Điều 8	Tỉnh Quảng Ngãi	02 nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 8 không trùng nhau, điểm a là quy định về việc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các dự án để gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm, trong khi đó, điểm b là quy định về việc các cơ quan chủ quản này giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cho các chủ đầu tư để thực hiện
2	Tại điểm b khoản 2 Điều 8, trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch chi tiết từng dự án cho các chủ đầu tư thì cơ quan tài chính có thực hiện công tác kiểm tra phân bổ không?	Điều 8	Tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh Thừa Thiên - Huế	Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đơn vị dự toán cấp 1 là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách. Điểm b khoản 2 Điều 8 chỉ quy định đối với trường hợp việc phân bổ chi tiết được phân cấp cho đơn vị dự toán cấp 1 ở địa phương thì cơ quan tài chính cùng cấp sẽ thực hiện kiểm tra phân bổ, không quy định cho trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ thì Sở Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ (do Sở Tài chính là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh)
3	Kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền giao đầu năm (hoặc giao bổ sung trong năm) thì không thể nhập Tabmis hết một lần theo kế hoạch mà phải căn cứ vào nguồn thu, nguồn huy động của địa phương để nhập kế hoạch vốn vào hệ thống Tabmis. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.	Ý kiến chung	Tỉnh Phú Yên	Nghị định này không quy định quy trình nhập và phê duyệt Tabmis.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
1.2.5	Về hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán:			
1	Đề nghị bỏ quy định về thành phần hồ sơ pháp lý của dự án là kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao do khi phân bổ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán, đồng thời nhập dư toàn của các dự án trên Tabmis	Điều 9	Tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, điều kiện để chi ngân sách nhà nước là phải có dự toán ngân sách nhà nước được giao (kế hoạch năm).
2	Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tại hồ sơ pháp lý của dự án	Điều 9	Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Khánh Hòa, Tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài chính Quảng Nam	Tài liệu này là cơ sở xem xét hợp đồng ký giữa chủ đầu tư với nhà thầu có phù hợp với các chỉ tiêu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được cấp thẩm quyền phê duyệt như về loại hợp đồng, tiến độ thực hiện hợp đồng,... Mặt khác, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cũng là căn cứ để cơ quan kiểm soát, thanh toán có căn cứ để biết hợp đồng thuộc gói thầu thực hiện đầu thầu hay chỉ định thầu để yêu cầu gửi dự toán và quyết định phê duyệt dự toán đối với tương hợp chỉ định thầu. Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên như dự thảo.
3	Đề nghị bỏ sung tài liệu tại hồ sơ pháp lý của dự án là kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền giao	Điều 9	Tỉnh Tuyên Quang	Hồ sơ pháp lý của dự án đã bao gồm kế hoạch đầu tư công hàng năm (thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn). Mặt khác, nhằm đảm bảo không tăng về số lượng tài liệu tại hồ sơ pháp lý của dự án, Bộ Tài chính đã bỏ sung cột kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án tại các Mẫu biểu phần hồ kế hoạch hàng năm. Do vậy, không cần thiết phải bỏ sung tài liệu tại hồ sơ pháp lý của dự án
4	Đề nghị bỏ nội dung hồ sơ đối với Chi phí quản lý dự án	Điều 9	Tỉnh Tuyên Quang	Chi phí quản lý dự án là bộ phận cần thành trong tổng mức đầu tư dự án, tuy nhiên việc thanh toán chi phí quản lý dự án phụ thuộc vào hình thức tổ chức quản lý dự án. Điều với tương hợp chủ đầu tư quản lý nhiều dự án hoặc chủ đầu tư ủy thác một phần quản lý dự án cho ban quản lý dự án nếu không có hướng dẫn sẽ có vướng mắc tương triển khai thực hiện, đặc biệt là đối với các ban quản lý dự án tư chủ hoàn toàn
5	Đề nghị bỏ sung quy định về trường hợp có thay đổi nội dung hợp đồng	Điều 9	Tỉnh Hà Tĩnh	Việc điều chỉnh hợp đồng đã được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định, theo đó việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo các quy định hiện hành về hợp đồng

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
6	- Về hồ sơ pháp lý của dự án, đề nghị đối với giải phóng mặt bằng chỉ cần có dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp cơ thẩm quyền, không cần gửi cơ quan Kiểm soát, thanh toán phương án giải phóng mặt bằng - Đề nghị bỏ tài liệu dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại hồ sơ pháp lý của dự án.	Điều 9	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội dung này đã được quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc Nhà nước, trong quá trình triển khai chưa gửi nhận vướng mắc phát sinh. Nhằm thông nhất giữa các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, việc quy định như tài dự thảo là phù hợp
7	Đề nghị bổ sung bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành vào hồ sơ pháp lý của dự án	Điều 9	Tỉnh Quảng Ngãi	Tại liên này đã được quy định tại hồ sơ thành toán của dự án.
8	Đề nghị làm rõ nội dung quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư tại hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.	Điều 9	TP. Đà Nẵng	Điểm a khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định: Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp quyết định. Như vậy, nội dung này đã quy được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công.
9	Đề nghị làm rõ nội dung tài liệu Hợp đồng, thỏa thuận liên doanh (trường hợp hợp đồng liên doanh mà các thỏa thuận liên doanh không quy định trong hợp đồng)	Điều 9	TP. Đà Nẵng	Theo dự thảo, quy định này bao gồm 02 tài liệu là Hợp đồng và Thỏa thuận liên doanh (bao gồm các nội dung không quy định trong hợp đồng)
1,2,6	Về tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành: Về tạm ứng, thu hồi tạm ứng:			
1	- Đề nghị bổ sung nguyên tắc tạm ứng vốn đối với các loại hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng công trình - EC, hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ - EP, hợp đồng EPC được quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. - Đề nghị bổ sung quy định mức tạm ứng hợp đồng xây lắp không vượt quá chi phí xây dựng của phần đã giải phóng mặt bằng	Điều 10	Kiểm toán Nhà nước	Hình thức hợp đồng EPC được quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng được Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng chủ trì, soạn thảo, hướng dẫn. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Do vậy, trường hợp cần thiết, đề nghị Kiểm toán Nhà nước có ý kiến với Bộ Xây dựng đề xuất, bổ sung cho phù hợp
				Thực tế tất cả dự án hoàn thành toàn bộ giải phóng mặt bằng mới thi công xây lắp. Thay vào đó các dự án được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, giải phóng mặt bằng đến đâu thi công đến đó. Việc quy định như kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước sẽ gây phát sinh rất nhiều thủ tục và khó thực hiện trong thực tế.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
2	Tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định đề nghị quy định rõ trường hợp nào được tạm ứng cao hơn mức 30%, căn cứ để xác định mức tạm ứng cao hơn; hồ sơ thủ tục để tạm ứng ở mức cao hơn; quy định về quản lý sử dụng phần vốn tạm ứng cao hơn; trách nhiệm của người cho phép tạm ứng ở mức cao hơn.	Điều 10	Kiểm toán Nhà nước, tỉnh Tuyên Quang	Nội dung quy định này nhằm tạo sự chủ động cho người quyết định đầu tư trong việc điều hành, quản lý vốn đầu tư công cho những trường hợp cần thiết phải tạm ứng cao hơn do ở mức 30% giá trị hợp đồng không đủ trong một số trường hợp đặc thù để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai các công việc theo hợp đồng hoặc trên khai giải đoạn được nghiệm thu thanh toán. Do vậy, đối với từng trường hợp cụ thể, việc quy định người quyết định đầu tư sẽ xem xét đồng ý cho tạm ứng ở mức cao hơn 30% và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình là phù hợp. Ngoài ra, nguyên tắc tạm ứng, việc tạm ứng, sử dụng vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng và chế tại thu hồi vốn tạm ứng đã được quy định cụ thể tại Điều 10 dự thảo Nghị định đã đảm bảo việc quản lý đối với vốn tạm ứng.
3	Đề nghị xem xét quy định tỷ lệ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán để đảm bảo công bằng giữa nhà thầu, các dự án. Việc chủ đầu tư và nhà thầu tư thông nhất tỷ lệ thu hồi tạm ứng có thể dẫn đến cơ chế xin cho.	Điều 10	Kiểm toán Nhà nước	Mục tiêu của các quy định về tạm ứng, thu hồi tạm ứng là nhằm đảm bảo việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công (đặc biệt là nguồn vốn ngân sách nhà nước), đồng thời tạo sự chủ động cho chủ đầu tư, nhà thầu trong việc thương thảo và ký kết hợp đồng. Ngoài ra, quy định này cũng phù hợp với quy định của Chính phủ về hợp đồng xây dựng (do Bộ Xây dựng chủ trì, xây dựng), đảm bảo thông nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
4	Đề nghị xem xét để thống nhất về mức tạm ứng giữa Nghị định về hợp đồng xây dựng và Nghị định này	Điều 10	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Tỉnh Lào Cai, Tỉnh Lai Châu, Tỉnh Phú Thọ, Tỉnh Nghệ An, Văn phòng Chính phủ	Về nội dung này, hiện nay Bộ Tài chính đang tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về hợp đồng xây dựng theo hướng việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư công theo quy định của Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Nhân quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn tạm ứng, giám sát tình trạng chiếm dụng vốn ngân sách nhà nước trong suốt quá trình thực hiện dự án, gần việc tạm ứng vốn phải phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng hàng năm, từng hiện quả sử dụng vốn, đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính dự thảo quy định về mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết, thấp hơn so với quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP (đang quy định là 50% giá trị hợp đồng). Đồng thời, vốn tạm ứng sử dụng ngân sách nhà nước còn phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao cho dự án nên có thể gây ra vi phạm hợp đồng khi giao kế hoạch hàng năm không đủ mức tạm ứng tối thiểu, do vậy Bộ Tài chính dự kiến không quy định mức tạm ứng tối thiểu đối với vốn ngân sách nhà nước như tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
5	Đề nghị xem xét không quy định về không chế mức tam ứng chỉ phi quản lý dự án đề các Ban Quản lý dự án có sự tư chủ trong thực hiện công tác chỉ tiêu.	Điều 10	Bộ Giao thông vận tải, Tỉnh Tiền Giang, tỉnh Hà Tĩnh, Tỉnh Lai Châu, Tỉnh Nghệ An, Thành phố Đà Nẵng	Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu đề quy định mức tam ứng đối với trường hợp này không vượt kế hoạch đầu tư công hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế, lao sư chủ động cho các Ban Quản lý dự án trong công tác chỉ tiêu nội bộ.
6	Tại điểm a khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều 10, đề nghị sửa thành: "... đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng trừ hợp đồng cung cấp hoặc thuê thiết bị, công nghệ hoặc dịch vụ công nghệ".	Điều 10	Bộ Quốc phòng	Hiện nay, việc thuê thiết bị, dịch vụ công nghệ đều sử dụng vốn chi thường xuyên, do vậy không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này
7	Đề nghị tần suất báo cáo đánh giá tình hình tam ứng và thu hồi tam ứng vốn của các cơ quan chủ quản là 1 năm/1 lần.	Điều 10	Bộ Quốc phòng	Việc theo dõi tình hình tam ứng và thu hồi tam ứng là nội dung quan trọng trong việc quản lý vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước nhằm đánh giá hiệu quả trong việc tam ứng và sử dụng vốn tam ứng tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trên cơ sở đó có phương hướng điều hành ngân sách trong năm kế hoạch và các năm sau. Quy định hiện nay đang yêu cầu các đơn vị phải báo cáo hàng Quý, tuy nhiên, để giảm số lượng báo cáo, Bộ Tài chính đã dự thảo chỉ yêu cầu báo cáo 6 tháng và 1 năm
8	Đề giảm bớt khối lượng công việc cho chủ đầu tư, tại điểm b khoản 7 Điều 10, đề nghị hàng quý chỉ báo cáo các khoản tam ứng quá hạn chưa thu hồi đến thời điểm báo cáo.	Điều 10	Tỉnh Thừa Thiên - Huế	Để có đầy đủ thông tin về tình hình tam ứng và thu hồi tam ứng làm căn cứ để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với các khoản tam ứng quá hạn chưa thu hồi nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn tam ứng, việc quy định chủ đầu tư báo cáo về tình hình tam ứng và thu hồi tam ứng (trong đó báo cáo cụ thể về các khoản tam ứng quá hạn chưa thu hồi) là phù hợp.
9	Tại điểm a khoản 6 Điều 10, đề nghị sửa theo hướng vốn tam ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân (bao gồm cả tam ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.	Điều 10	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỉnh Tây Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Khoản 5 Điều 3 đã quy định giải ngân vốn đầu tư công bao gồm tam ứng, thu hồi tam ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành. Do vậy, việc dùng từ giải ngân là đã đầy đủ ý nghĩa.
10	Mức tam ứng vốn được quy định tại khoản 3 Điều 10 là không vượt qua 30% giá trị hợp đồng, như vậy nếu quy định tam ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng tại khoản 5 Điều 10 là trái với quy định tại khoản 3 Điều 10	Điều 10	Tỉnh Lạng Sơn	Tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định đã quy định trường hợp đặc biệt cần tam ứng ở mức cao hơn 30% giá trị hợp đồng thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép. Trường hợp người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tam ứng cao hơn do người đứng đầu của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án quyết định. Do vậy, việc quy định tại khoản 5 Điều 10 là không trái với quy định tại khoản 3 Điều 10
11	Tại điểm a khoản 6 Điều 10 đề nghị xem xét bỏ nội dung tương hợp được tam ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng.	Điều 10	Tỉnh Lào Cai	Nội dung này quy định cho các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép tam ứng ở mức trên 80% giá trị hợp đồng, như vậy ngay sau khi tam ứng vốn xong đã phải thu hồi hết, nên không có quy định này sẽ gây vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
12	Tại điểm b khoản 6 Điều 10, đề nghị thay "Kể từ ngày chi trả cho người thu hưởng" bằng "Kể từ thời điểm tạm ứng vốn"	Điều 10	Tỉnh Lào Cai	Việc chi trả cho người thu hưởng được thực hiện từ tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, không phải là tài khoản dự toán của dự án (đã tạm ứng từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi). Do vậy, nội dung trên quy định thời hạn hoàn thiện hồ sơ để hoàn tạm ứng là phù hợp
13	- Đề nghị bổ sung thêm điều khoản xử lý chuyển tiếp nhằm đảm bảo không mâu thuẫn với mức vốn tạm ứng tối đa được quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. - Đề nghị quy định mức trần được tạm ứng tối đa đối với trường hợp đặc biệt.	Điều 10	Tỉnh Ninh Bình	- Tại Điều 55 dự thảo Nghị định đã quy định về điều khoản chuyển tiếp, trong đó đã có nội dung này - Với mỗi trường hợp đặc biệt cần tạm ứng ở các mức khác nhau, việc quy định mức trần là chưa có cơ sở. Mặt khác, nhằm tạo sự chủ động trong việc quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công, nội dung này được giao cho người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định này
14	Tại điểm d khoản 7 Điều 10 quy định vốn tạm ứng quá hạn thu hồi 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi tạm ứng theo quy định của hợp đồng; tuy nhiên, trong thực tế hợp đồng không có quy định rõ thời điểm và mức thu hồi tạm ứng, do đó việc xác định quá thời hạn 03 tháng là không xác định được.	Điều 10	Tỉnh Nghệ An	Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định, mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, việc thu hồi tạm ứng (trong đó có mức thu hồi tạm ứng và thời điểm thu hồi tạm ứng) và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thông nhất với nhà thầu theo đúng quy định phải được ghi cụ thể trong hợp đồng. Do vậy, trường hợp hợp đồng chưa có quy định về thời điểm thu hồi tạm ứng là chưa phù hợp với quy định
Về thanh toán khối lượng hoàn thành:				
15	Tại điểm khoản 1 Điều 11 đề nghị xem xét, bổ sung như sau: "Trường hợp trong hợp đồng quy định tạm giữ, chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành và chuyển vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc tài khoản hàng thương mại (phục vụ cho quyết toán dự án hoàn thành) thì việc thanh toán được thực hiện theo quy định của hợp đồng. "	Điều 11	Bộ Giao thông vận tải	Nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ, an toàn đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chỉ quy định về trường hợp thỏa thuận tại hợp đồng về việc giữ lại một khoản hoặc tỷ lệ nhất định để phục vụ cho công tác quyết toán thì phải gửi vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại cơ quan kiểm soát, thanh toán. Quy định này cũng nhằm tránh việc lạm dụng để giữ lại tiền của nhà thầu
16	Đề nghị bổ sung danh mục hồ sơ thanh toán bao gồm cả bản sao hóa đơn giá trị gia tăng nhằm kiểm soát việc kê khai thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu	Điều 11	Tỉnh Ninh Bình	Các nội dung về danh mục hồ sơ thanh toán được quy định thống nhất với quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP đang có hiệu lực, trong quá trình triển khai thực hiện đơn ghi nhận vương miễn phát sinh. Hiện nay, Chính phủ đang có chủ trương đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đồng thời việc phát sinh tài liệu tại hồ sơ sẽ gây khó khăn cho các đơn vị thực hiện. Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên như dự thảo.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
17	Đề nghị quy định tại Nghị định tỷ lệ tạm giữ để chờ quyết toán	Điều 11	TP Đà Nẵng	Việc quy định về tỷ lệ tạm giữ chưa thanh toán phục vụ cho công tác quyết toán hoàn thành sẽ do chủ đầu tư thông nhất với nhà thầu và quy định cụ thể tại hợp đồng, nội dung này đã được quy định tại Điều 11 dự thảo Nghị định này
18	Tại điều 13, đề nghị điều chỉnh như sau. - Khoản 1: "... tạm ứng đến hết ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch". - Khoản 2: "... thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch".	Điều 13	Bộ Quốc phòng	- Đối với vốn ngân sách nhà nước, Luật Ngân sách nhà nước là luật chuyên ngành, do vậy các quy định về việc quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải thống nhất tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. - Luật Ngân sách nhà nước quy định về thời hạn nghiệm thu khối lượng chỉ được thực hiện từ ngày 31/12 năm kế hoạch trở về trước mới được quyết toán vào năm ngân sách. Khối lượng công việc được nghiệm thu sau ngày 31/12 năm kế hoạch sẽ được quyết toán vào năm sau. Đề thống nhất việc quyết toán theo niên độ ngân sách chung báo cáo Quốc hội (bao gồm chỉ đầu tư, chỉ thường xuyên), Vụ Đầu tư trình Bộ dự thảo quy định về thời hạn thanh toán theo hướng vốn kế hoạch hàng năm của dự án được thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31/12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch (hiện nay, các Thông tư quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hiện hành đang quy định tạm ứng, thanh toán theo thời hạn này và không có vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện).
12.7	Về quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công đặc thù:			
1	Luật Đầu tư công không có khái niệm "Công trình tạm", đề nghị bổ sung khái niệm này.		Tỉnh Thừa Thiên - Huế	Công trình tạm đã được quy định cụ thể tại Điều 128, Điều 131 Luật Xây dựng và khoản 49 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Do vậy không cần thiết phải giải thích từ ngữ tại Nghị định này
12.8	Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP:			
1	Đề nghị cơ quan soạn thảo không đưa nội dung quản lý, thanh toán, quyết toán đối với nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư do đã có dự thảo Nghị định hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP.		Tỉnh Tuyên Quang	Đề thống nhất về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, việc quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho dự án đầu tư theo phương thức PPP là cần thiết. Trong quá trình soạn thảo, Bộ Tài chính sẽ xây dựng nội dung quy định tại 02 Nghị định dân báo thông nhất, để áp dụng, tương đó các nội dung không được quy định tại Nghị định này sẽ được dẫn chiếu sang Nghị định kia cho phù hợp

TT	NHÒM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
2	Đối với dự án PPP có thể có một hoặc một số nguồn vốn khác. Ngoài ra, việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư tại các dự án PPP có quan hệ mật thiết với các nội dung hợp đồng thực hiện dự án, hợp đồng xây dựng thuộc dự án. Vì vậy, việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP sẽ phức tạp hơn dự án đầu tư công bình thường. Trong dự thảo đã có những quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP. Tuy nhiên, đơn vị soạn thảo cần nghiên cứu, quy định chi tiết hơn để thuận lợi trong quá trình thực hiện	Điều 22, 23	Bộ Xây dựng	Do tính chất đặc biệt về các nguồn vốn trong dự án PPP, dự thảo Nghị định chỉ quy định về việc quản lý, thanh toán đối với vốn đầu tư công trong dự án PPP để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tam theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý tái định cư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
3	Để nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể trong Nghị định này nội dung quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức PPP, thanh toán cho doanh nghiệp thực hiện dự án theo hợp đồng, BTL, BLT theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Đầu tư theo phương thức PPP.	Điều 23	Tỉnh Quảng Ninh	Hiện nay, Bộ Tài chính đang được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định về cơ chế quản lý tái định cư dự án đầu tư theo phương thức PPP, dự kiến sẽ trình Chính phủ ban hành và có hiệu lực cùng với Luật Đầu tư theo phương thức PPP, trong đó sẽ bao gồm các nội dung theo đề xuất của Tỉnh Quảng Ninh.
4	Để nghị bổ sung quy định về việc kiểm soát, thanh toán vốn nhà nước trong dự án PPP	Mục 4 Chương II	Tỉnh Lào Cai	Phạm vi của Nghị định này chỉ là quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Vốn nhà nước trong dự án PPP theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức PPP rất đa dạng, do vậy trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định này chỉ quy định cho quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP. Mặt khác, Bộ Tài chính đang được Chính phủ giao xây dựng Nghị định quy định về cơ chế quản lý tái định cư dự án đầu tư theo phương thức PPP, trong đó đã bao gồm các quy định đối với nội dung này
I.2.9	Quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:			
1	Để nghị điểm b khoản 1 sửa thành "Trường hợp mở tài khoản để thanh toán tại tổ chức tín dụng; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản".	Điều 24	Bộ Quốc phòng	Luật Đầu tư công quy định Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, trong đó có nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành cho đầu tư. Tài dự thảo xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có nội dung: "Trường hợp mở tài khoản để thanh toán tại tổ chức tín dụng; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập kiểm soát để thanh toán vốn theo quy định tại Nghị định này và thực hiện thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản."

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
2	Đề nghị thống nhất mở tài khoản thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư tại Kho bạc Nhà nước	Điều 24	Tỉnh Thừa Thiên - Huế	Hiện nay, căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, Bộ Tài chính đã dự thảo quy định theo hướng phân cấp, phân quyền, tăng sự chủ động cho các cơ quan chủ quản trong việc thực hiện dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn này (Mục 5 Chương I). Cụ thể, cơ quan chủ quản có nguồn vốn này được phép lựa chọn cơ quan kiểm soát, thanh toán Dự thảo Nghị định chỉ quy định cụ thể trường hợp cơ quan kiểm soát, thanh toán là Kho bạc Nhà nước, đối với các trường hợp khác sẽ theo quy định của cơ quan được cơ quan chủ quản lựa chọn làm cơ quan kiểm soát, thanh toán.
3	Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã quy định hành lang pháp lý thông thoáng, thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cơ quan chủ quản trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả đầu tư. Do vậy, đối với việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư tại Nghị định này cần kế thừa, tiếp tục phát huy chủ trương nêu trên, tạo sự chủ động cho các cơ quan chủ quản. Và nên bổ sung quy định giao các đơn vị xây dựng ban hành quy định riêng để quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho phù hợp với đặc thù của các đơn vị.		Ngân hàng Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hiện nay, căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, Bộ Tài chính đã dự thảo quy định theo hướng phân cấp, phân quyền, tăng sự chủ động cho các cơ quan chủ quản trong việc thực hiện dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn này (Mục 5 Chương I). Cụ thể, cơ quan chủ quản có nguồn vốn này được phép lựa chọn cơ quan kiểm soát, thanh toán. Dự thảo Nghị định chỉ quy định cụ thể trường hợp cơ quan kiểm soát, thanh toán là Kho bạc Nhà nước, đối với các trường hợp khác sẽ theo quy định của cơ quan được cơ quan chủ quản lựa chọn làm cơ quan kiểm soát, thanh toán
4	Đề nghị làm rõ nội dung đối với nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập để lai cho đầu tư đã đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm thuộc nguồn vốn đầu tư công thì có phải tổng hợp báo cáo quyết toán theo niên độ ngân sách hàng năm hay không.	Điều 26	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Việc quyết toán theo niên độ là một nội dung nhằm phục vụ công tác quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để báo cáo Quốc hội phê duyệt. Do vậy, chỉ có vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện quyết toán theo niên độ. Mục 1 Chương III dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, trong đó có nội dung: "Đối với vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện việc báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán theo quy định của Bộ Tài chính" (khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định)

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
1.2.10	Về điều khoản thi hành:			
1	Đề nghị cần nhắc quy định Trường hợp đặc biệt cần thiết phải có quy định khác về hồ sơ (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài chính, hồ sơ thanh toán) hoặc quy định khác về cơ chế giải ngân (tạm ứng vốn, thanh toán vốn) khác với các quy định tại Nghị định này, giao Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định do việc giao Thủ tướng Chính phủ quy định khác với Nghị định là không bảo đảm đúng thẩm quyền quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Điều 51	Bộ Tư pháp	Sau khi rà soát, nghiên cứu, để tạo hình hoạt trong việc xử lý tình huống, Bộ Tài chính điều chỉnh nội dung này theo hướng giao Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.
2	Sau khi Nghị định được ban hành thì các Thông tư của Bộ Tài chính có bị bãi bỏ và hết hiệu lực hay không? Nếu bãi bỏ thì khoảng thời gian từ khi Nghị định có hiệu lực đến khi các Bộ ban hành Thông tư hướng dẫn thì thực hiện theo quy định nào?	Ý kiến chung	Tỉnh Yên Bái	Theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định là văn bản có giá trị pháp lý cao hơn Thông tư, do vậy trường hợp Nghị định được ban hành sẽ phủ lên các quy định tại các Thông tư hiện hành (không cần thiết phải có điều khoản bãi bỏ các Thông tư tại Nghị định). Đồng thời, Thông tư hướng dẫn chi tiết Nghị định (dự kiến là 01 Thông tư) sẽ được ban hành và có hiệu lực cùng ngày với Nghị định này
1.2.11	Về mẫu biểu			
1	Đề nghị ban hành kèm theo Nghị định này các mẫu biểu quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.	Mẫu biểu	Tỉnh Hà Tĩnh	Bộ Tài chính dự kiến ban hành Thông tư quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.
2	Đề nghị thống nhất các Biểu mẫu giữa Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và Nghị định này	Mẫu biểu	Bộ Giao thông vận tải	Các mẫu biểu tại Nghị định này được thiết kế với các nội dung thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật và kế thừa từ các quy định hiện hành để tránh gây khó khăn cho các đơn vị khi áp dụng thực hiện
3	Đề nghị quy định mẫu biểu quyết toán niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành ngay tại dự thảo Nghị định	Mẫu biểu	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỉnh Yên Bái	Công tác quyết toán quy định tại dự thảo Nghị định bao gồm: quyết toán theo niên độ và quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, hệ thống mẫu biểu phục vụ cho các công tác quyết toán rất lớn. Do vậy, để giảm số lượng mẫu biểu tại dự thảo Nghị định, thuận lợi trong quá trình sửa đổi, bổ sung khi triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành tài chính, qua rà soát, Bộ Tài chính dự kiến ban hành 01 Thông tư về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (bao gồm: quyết toán theo niên độ và quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành). Hệ thống mẫu biểu sẽ được thiết kế đơn giản, khoa học, logic để các cơ quan, đơn vị thuận tiện trong áp dụng

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DƯ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
II	Về quyết toán theo niên độ:			
1	Tài khoản 9 Điều 28, đề nghị soạn thảo rõ hơn để có căn cứ thực hiện, tương hợp chưa quy định được cụ thể để nghị chỉnh sửa: "Bộ Tài chính quy định hệ thống mẫu biểu, bảng xác nhận số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ theo quy định hiện hành. "	Điều 28	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nội dung này đã được Bộ Tài chính quy định tại khoản 8 Điều 28, cụ thể "Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách và hướng dẫn các nội dung liên quan. " Bộ Tài chính dự kiến sẽ ban hành Thông tư quy định về nội dung này.
2	Theo quy định của Luật Đầu tư công thì thời điểm trước ngày 01/8 hàng năm các Bộ, ngành phải lập, thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau. Do vậy, đề nghị quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ trước ngày 01/10 hàng năm để tránh dồn đống lượng công việc vào thời điểm tháng 8.	Điều 29	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Việc quyết toán theo niên độ (được thực hiện sau năm kế hoạch là 01 năm) là nhiệm vụ độc lập với việc lập kế hoạch đầu tư công năm sau (được thực hiện từ 15/5 năm kế hoạch, đến tháng 11 Thủ tướng Chính phủ mới giao kế hoạch vốn năm sau, 31/12 các cơ quan chủ quản mới phải phân bổ chi tiết vốn). Do vậy, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, phân công công việc cho các cán bộ cho phù hợp đối với 02 nhiệm vụ độc lập này.
3	Đề nghị bổ sung hướng dẫn đối với trường hợp quyết toán công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.		Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 92/2017/TT-BTC là nguồn vốn chi thường xuyên, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
II	Về quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:			
II.1	Đối với các nội dung dự thảo Nghị định:			
1	(1). Đề nghị đổi cụm từ "phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành" thành "phê duyệt quyết toán hạng mục chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư". (2). Đề nghị giao tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chung toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt quyết toán.	Điều 32	TP Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ, Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu và sửa thành: Đối với các trường hợp còn lại, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành và gửi quyết định phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chung toàn bộ dự án. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư toàn bộ dự án có quyền yêu cầu thẩm tra lại chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán. Lý do: để thuận tiện trong quá trình thực hiện dự án, vì nhiều dự án có chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không tách thành hạng mục (hợp phần) độc lập trong QĐ phê duyệt DADT thì quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vẫn phải thực hiện như tách thành hạng mục riêng. Đồng thời cũng quy định trường hợp cần thiết thì vẫn thẩm tra lại chi phí này.
2	Đề nghị sửa thành: Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập, gói thầu độc lập, hợp đồng hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư công: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định	Điều 32	Tỉnh Lai Châu, Tỉnh Đắk Lắk	Không tiếp thu, vì quyết toán gói thầu (hay quyết toán hợp đồng) thuộc trách nhiệm hướng dẫn tại Nghị định quy định về hợp đồng xây dựng (hiện nay là Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP).
3	- Tái điểm a khoản 1 Điều 33, đề nghị sửa thành: "Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án". - Tái điểm b khoản 1 Điều 33, đề nghị sửa thành "Tổng chi phí đầu tư để nghỉ quyết toán hoàn thành".	Điều 33	Tỉnh Hà Tĩnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tiếp thu, vì trong dự án đầu tư công có thể có nhiều nguồn vốn, không chỉ riêng vốn đầu tư công
4	(1). Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ (bản gốc và File mềm điện tử) đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. (2) Đề nghị gửi đến người phê duyệt QTDADT thì chỉ gửi các văn bản pháp lý và báo cáo QTDADT.	Điều 34	Tỉnh Hà Tĩnh, TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Sóc Trăng, Tỉnh Ninh Bình	Không tiếp thu, vì tăng thêm số lượng hồ sơ (gửi File mềm) và hồ sơ gửi đến người phê duyệt QTDADT và cơ quan chủ trì thẩm tra phải thống nhất để thông nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Lưu trữ (Hồ sơ phải được lưu tại nơi xử lý).
5	Đề nghị bổ sung "đình hoãn hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn" tại khoản 1 Điều 34	Điều 34	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì đã giải thích ở trên

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
6	Tại điểm a khoản 1 Điều 34, đề nghị bổ sung “xem các tài liệu có liên quan”.	Điều 34	Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, vì không rõ tài liệu có liên quan là gì?, trường hợp thiếu tài liệu thì cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị chủ đầu tư cung cấp (đã quy định tại khoản 3 Điều 34).
7	Đề nghị bỏ điểm g khoản 1 Điều 34 do đã có tại điểm a	Điều 34	Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, vì đây là 02 nội dung khác nhau: Nội dung tại điểm a là Tổ trình của chủ đầu tư, nội dung tại điểm này là hồ sơ chủ đầu tư phải nộp kèm theo Tờ trình
8	Tại điểm d khoản 2 Điều 34, đề nghị tách thành 1 điểm riêng: “Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bàn chính), văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bàn chính hoặc bàn do chủ đầu tư sao y bản chính) đối với công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình hoặc bộ phận độc lập hoàn thành, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đình hoãn hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn (bàn chính hoặc bàn do chủ đầu tư sao y bản chính) trường hợp dự án, công trình đình hoãn hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, thiết bị.”	Điều 34	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì quy định như dự thảo là đã đủ; trường hợp cần thiết thì cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị chủ đầu tư bổ sung (Khoản 3 Điều 34). Về quyết toán dự án định hoãn đã giải thích ở trên.
9	Đề nghị bỏ: “Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên” tại điểm e khoản 2 Điều 34.	Điều 34	Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, vì đây là tài liệu chứng minh là chủ đầu tư đã thực hiện ý kiến kết luận của các cơ quan liên quan
10	Đề nghị bổ sung việc yêu cầu bổ sung hồ sơ của cơ quan chủ trì thẩm tra tại Phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán tại khoản 3 Điều 34.	Điều 34	Tỉnh Ninh Bình	Không tiếp thu, vì Phiếu giao nhận hồ sơ QTD/HT là những hồ sơ ban đầu giữa CĐT và CQ chủ trì thẩm tra Còn quy định ở khoản 3 Điều 34 là trong quá trình thẩm tra, cơ quan chủ trì thẩm tra thấy hồ sơ thiếu, cần xác minh rõ thêm thì sẽ yêu cầu CĐT cung cấp bằng văn bản
11	Điều 35. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.	Điều 35	Tỉnh Lạng Sơn, TP. Hồ Chí Minh	Tiếp thu, cho phù hợp với nội dung khoản 2
12	Tại điểm a khoản 1 Điều 35 có nội dung: “Dự án thành phần không sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.” Đề nghị bỏ cụm từ “vốn đầu tư công”.	Điều 35	TP. Hồ Chí Minh	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
13	Tại điểm b khoản 1 Điều 35, đề nghị sửa: “Ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp” thành “Ủy quyền hoặc phân cấp cho cơ quan cấp dưới trực tiếp”	Điều 35	Tỉnh Quảng Ninh	Không tiếp thu, vì đây là trách nhiệm của người quyết định phê duyệt dự án đầu tư (chủ ủy quyền, không phân cấp).
14	Tại điểm d khoản 2 Điều 35, đề nghị sửa: “Đối với các dự án khác: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trước khi phê duyệt. Trường hợp đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý không đủ chức năng thẩm tra quyết toán thì người quyết định đầu tư yêu cầu chủ đầu tư thực hiện KTĐL trước khi phê duyệt.”	Điều 35	Tỉnh Đắk Lắk	Không tiếp thu, vì nội dung liên quan đến thẩm quyền thuế KTDL đã được nêu tại khoản 3 Điều 35.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
15	Tại điểm a khoản 3 Điều 35: (1). Đề nghị thẩm quyền quyết định thuế kiểm toán độc lập thuộc thẩm quyền cơ quan phê duyệt quyết toán sẽ phù hợp hơn, vì chỉ có cơ quan quyết toán mới xem xét tính chất phức tạp của từng dự án để cho phép chủ đầu tư thực hiện thuế kiểm toán (2). Đề nghị sửa thành " "Các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu KTDL trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án" (3). Bổ sung: "người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quy định công việc thuế kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư (4). Sửa cụm từ "lựa chọn" thành "thực hiện" cho phù hợp với quy định của Luật Đầu thầu	Điều 35	Tỉnh Đồng Tháp, Tỉnh Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Quảng Ngãi, Bộ Giao thông vận tải	(1) Không tiếp thu, vì nếu quy định như kiến nghị thì việc thuế kiểm toán chỉ thực hiện sau khi chủ đầu tư lập xong Báo cáo QTD/AHT; việc này sẽ làm tăng thời gian quyết toán DAHT, vì đến thời điểm này mới thuế KTDL. Quy định này đảm bảo phù hợp với Điều 9, Điều 10 Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 (Điều 9 (Kiểm toán bắt buộc là kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các thông tin tài chính khác của đơn vị được kiểm toán quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan), điểm b, Khoản 2 Điều 37 (Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước, trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc Bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành) và Điều 10 (Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức thuế doanh nghiệp kiểm toán, chỉ nhanh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các công việc kiểm toán khác trước khi nộp cho cơ quan nhà nước)). (2) và (3): Không tiếp thu, vì viết như dự thảo của Nghị định là đã rõ (thẩm quyền thuộc người quyết định phê duyệt DABT) (4) tiếp thu, sửa thành cụm từ "Đầu thầu" theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Đầu thầu.
16	Đề nghị làm rõ nội dung, không cần thiết phải kiểm toán. Đề nghị sửa cụm từ "không cần thiết" thành "không phải" tại điểm c khoản 3 Điều 35.	Điều 35	Tỉnh Cao Bằng, Tỉnh Ninh Bình	Tiếp thu, để tránh tình trạng có CBT hiểu "không cần thiết" là vẫn có thể thuế KTDL và sửa thành: <i>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra; không cần thiết phải thuế kiểm toán độc lập để kiểm toán.</i>

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
17	Đề nghị sửa tại điểm c khoản 3 Điều 35: (1). Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung trình người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định nội dung kiểm toán bổ sung và làm cơ sở để chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung. (2). căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Chỉ phí kiểm toán bổ sung... (3) Sửa khoản 1 thành điểm a khoản 3 Điều này	Điều 35	Tỉnh Sóc Trăng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Quảng Nam, Bộ Giao thông vận tải	(1) và (2): Không tiếp thu, vì việc xác định KTDL bổ sung thuộc trách nhiệm của CĐT. Quy định CĐT trình người phê duyệt DADT chấp thuận sau đó mới thuê KTDL sẽ làm kéo dài thời gian, thêm thủ tục hành chính không cần thiết. (3) Tiếp thu.
18	Đề nghị bổ sung tại điểm c khoản 3 Điều 35 quy định trường hợp những nội dung kiểm toán độc lập chưa thực hiện theo hợp đồng đã ký nhưng đã được KTTN thực hiện kiểm toán thì Chủ đầu tư thương thảo với nhà thầu kiểm toán độc lập để giảm trừ chi phí kiểm toán độc lập (không làm lại nội dung đã được KTTN kiểm toán).	Điều 35	Kiểm toán Nhà nước	Không tiếp thu vì trái với quy định về hợp đồng.
19	Làm rõ quy định kiểm tra tính pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng tại điểm c khoản 1 Điều 36.	Điều 36	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không tiếp thu, vì: Nội dung này đã được quy định tại chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (hiện nay là chuẩn mực số 1000 ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC), khi kiểm toán báo cáo QTDADT (trong đó có kiểm tra hồ sơ pháp lý, Kiểm toán viên phải tuân thủ quy định tại chuẩn mực này.
20	Tại điểm d khoản 1 Điều 36, đề nghị sửa: "Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thông nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định".	Điều 36	Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, thuộc thẩm quyền của người phê duyệt quyết toán.
21	Tại khoản 2 Điều 36, đề nghị sửa: "Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này".	Điều 36	Tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Tiếp thu, cho phù hợp với nội dung Điều 37.
22	Tại điểm b khoản 2 Điều 36, đề nghị sửa: "Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thông nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định".	Điều 36	Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, thuộc thẩm quyền của người phê duyệt quyết toán
23	Bổ sung thẩm tra quyết toán đối với hợp đồng EPC.	Điều 40	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì trách nhiệm hướng dẫn quyết toán hợp đồng thuộc Bộ Xây dựng (hiện nay là Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP).
24	Tại điểm a khoản 1 Điều 40, đề nghị ghi rõ trường hợp nào cơ quan chủ trì thẩm tra, quyết toán được kiểm tra hồ sơ hoàn công và quy định rõ trình tự, thủ tục, hồ sơ, trách nhiệm của người kiểm tra, cơ quan chủ trì thẩm tra, quyết toán.	Điều 40	Kiểm toán Nhà nước	Không tiếp thu, vì về nguyên tắc, việc quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu là phải có đủ hồ sơ, trong đó có hồ sơ hoàn công (Điều 22 Nghị định 37/2015/NĐ-CP), do vậy, việc có kiểm tra hồ sơ hoàn công hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ trì thẩm tra

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
25	Đề nghị nghiên cứu quy định về quyết toán các khoản chi phí GPMB mà cơ quan chức năng chuyển vào tài khoản tạm giữ do đối tượng chưa nhận phải cưỡng chế hoặc đã bàn giao mặt bằng nhưng chưa nhận tiền tiếp tục kiến nghị kéo dài.	Điều 40	Tỉnh Quảng Ninh	Nội dung này đã quy định tại khoản 5 Điều 32 dự thảo
26	Đề nghị cấp nhất nguyên tắc thẩm tra chi phí xây dựng công trình tạm để ở và điều hành thi công theo quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD	Điều 40	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Không tiếp thu, vì nội dung dự thảo tại Nghị định còn phải áp dụng cho các ngành vụ phát sinh tại thị trấn Uớc Nghi định số 68/2019/NĐ-CP và Thông tư số 09/2019/TT-BXD có hiệu lực. Mặt khác chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công vẫn phải xác định theo tỷ lệ (%) hoặc lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BXD.
27	Đề nghị sửa điểm b khoản 3 Điều 40 theo hướng: <i>Trước hợp nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và được giải quyết trong hợp đồng, bằng tính giá hợp đồng - thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trị gọi của hợp đồng đã ký</i>	Điều 40	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Không tiếp thu, vì viết như dự thảo rõ ràng và cụ thể hơn và đây chỉ là việc đối chiếu số học giữa quyết toán và hồ sơ dự thầu.
28	Tại khoản 5 Điều 40, đề nghị: (1). Đề nghị sửa thành: thẩm tra theo định mức tỷ lệ % theo quy định; kiểm tra việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí QLDA. (2). Bổ sung quy định thẩm tra đối với BQLDA 1 dự án (như TT 10/220/TT-BTC).	Điều 40	Tỉnh Đắk Lắk, Tỉnh Ninh Bình	(1). Không tiếp thu, vì việc thẩm tra chi phí QLDA (trong đó có quyết toán chi phí QLDA trong năm) được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính (hiện nay là TT số 72/2017/TT-BTC và 06/2019/TT-BTC), tại các Thông tư này đã hướng dẫn cụ thể (2). Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư 10/2020/TT-BTC.
29	Tại khoản 1 Điều 42, đề nghị bổ sung hướng dẫn việc quy đổi vốn đầu tư	Điều 42	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không tiếp thu, vì hướng dẫn quy đổi vốn đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (biện nay là Thông tư số 18/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019).
30	Tại khoản 3 Điều 42, đề nghị hướng dẫn việc xác định tài sản hình thành sau đầu tư theo quy định của Luật TSC, hướng dẫn việc điều chuyển tài sản từ TW về địa phương và ngược lại, xác định đơn vị tiếp nhận tài sản các dự án ETC có nguồn vốn NSTW nhưng trong dự án có phần xây dựng, hoàn trả các công trình của địa phương.	Điều 42	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, mục đích quyết toán DAHT là để xác định chi phí hợp pháp, hợp lý hợp lệ đã thực hiện. Việc xác định và bàn giao tài sản thực hiện theo quy định của Luật Quản lý tài sản công.
31	Tại khoản 3 Điều 44, đề nghị Bổ sung: " <i>Trường hợp chi phí thực hiện thông qua hợp đồng, thì thẩm tra tương tự quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 40 Nghị định này</i> ".	Điều 44	Tỉnh Quảng Nam	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo
32	Tại khoản 3 Điều 45, đề nghị bổ sung: " <i>cơ quan liên quan</i> " trước đoạn " <i>và gửi Thủ tướng Chính phủ, ...</i> ".	Điều 45	Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, vì quy định như dự thảo là đã đủ; mặt khác quy định cơ quan liên quan là rất rộng, không rõ những cơ quan nào, sẽ gây khó khăn khi thực hiện.

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
33	Tại khoản 1 Điều 46, đề nghị: (1) Chỉ phi kiểm toán độc lập và chỉ phi thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là một trong các chỉ phi cấu thành trong TMDT của dự án (điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP), do vậy khi lập dự án, xác định chỉ phi TMDT của dự án thì phải xác định ngay các chỉ phi này để đưa vào TMDT của dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt được duyệt (lúc này chưa thể có dự toán, vì dự toán sẽ được xác định sau khi dự án đầu tư, trong đó có TMDT được duyệt). Mặt khác theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BXD thì dự án có nhiều công trình thì chỉ phi khác trong dự toán xây dựng công trình không bao gồm chỉ phi lao vay trong thời gian xây dựng, chỉ phi rà phá bom mìn, vật nổ, chỉ phi kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, chỉ phi nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến dự án; vốn lùn đồng ban đầu đối với các dự án đầu tư xây dựng nhằm mục đích kinh doanh, chỉ phi cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao (từ giá trị sản phẩm thu hồi được); các khoản phí, lệ phí và một số chỉ phi khác đã tính cho dự án. Do vậy, đề nghị sửa: Chỉ phi kiểm toán độc lập và chỉ phi thẩm tra, phê duyệt bảo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chỉ phi tối đa được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chỉ phi dự phòng (sau đây gọi chung là tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chỉ phi kiểm toán độc lập và chỉ phi thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây: (2) Đề nghị tăng chỉ phi kiểm toán và thẩm tra như quy định tại Thông tư số 64/2018/TT-BTC do trượt giá.	Điều 46	Tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh Bình Dương, Tỉnh Khánh Hòa, Tỉnh Cao Bằng, Tỉnh Phú Thọ, Tỉnh Bình Phước, Tỉnh Ninh Bình, Tỉnh Nghệ An, Tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, TP. Cần Thơ, Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Bình Thuận, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	(1) Theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, chỉ phi kiểm toán độc lập và chỉ phi thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công, dự án hoàn thành là một trong các nội dung của chỉ phi khác của tổng mức đầu tư của dự án. Việc hướng dẫn chỉ phi trong đó có các chỉ phi nêu trên trong tổng mức đầu tư thuộc trách nhiệm của Bộ Xây dựng (khoản 4 Điều 162 Luật Xây dựng và khoản 61 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi). Tuy nhiên, để kiểm soát chặt chẽ các chỉ phi này, tránh việc chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán, cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính các chỉ phi này cao thì Bộ Tài chính cần quy định chỉ phi tối đa của chỉ phi (dự toán giá gói thầu) kiểm toán độc lập là trên cơ sở định mức và giá trị cần thuế kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiền dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập và chỉ phi thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên cơ sở định mức và giá trị quyết toán vốn đầu tư công dự án, dự án thành phần, tiền dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt. (2) Không tiếp thu vì khi trượt giá (giá vật liệu, nhân công) thì các chỉ tiêu này đã được bổ sung vào TMDT, chỉ phi kiểm toán và thẩm tra QTDHT được tính trên cơ sở TMDT, nên không ảnh hưởng.
34	Tại điểm g khoản 1 Điều 46, đề nghị hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp cơ quan kiểm toán, thanh tra chỉ thực hiện kiểm toán, thanh tra một số thành phần chỉ phi hoặc kiểm toán, thanh tra khi dự án chưa hoàn thành	Điều 46	Tỉnh Lào Cai, Tỉnh Khánh Hòa	

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
35	Tại điểm b khoản 2 Điều 46, đề nghị: (1) Đề nghị quy định mức hỗ trợ bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của các nhân đó, số tháng được tính hỗ trợ là số tháng thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối đa theo quy định. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi cá nhân trong năm không vượt quá số tiền lương và phụ cấp lương một năm của cá nhân đó. (2) Đề nghị hướng dẫn Tò chức tư vấn thẩm tra đo cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép, hướng dẫn nguyên tắc mức chi trả. (3) Đề nghị bỏ nội dung chi công tác phí, vận phòng phẩm, ăn, ăn, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vì các chi phí này đã được hỗ trợ chi chung trong chi phí quản lý chung của đơn vị, khó phân tách. (4) Bổ sung thêm nội dung" Chi hỗ trợ cho bộ phận phối hợp phục vụ công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán". Đề nghị hướng dẫn rõ có được sử dụng cho chi không thường xuyên của đơn vị hay không và phân bổ chi phí. (5) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập dự toán chi phí thẩm tra không vượt tỷ lệ quy định, trình người phê duyệt quyết toán phê duyệt dự toán chi phí thẩm tra. Cần cơ dự toán được duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị chủ đầu tư chuyển kinh phí thẩm tra theo dự toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. (6) Đề nghị hướng dẫn rõ việc mở sổ theo dõi, hạch toán nguồn kinh phí thẩm tra theo dự án. Việc quyết toán DAHT đối với chi phí thẩm tra quyết toán theo tỷ lệ % (như quyết toán chi phí BQLDA), phần kinh phí thẩm tra không sử dụng hết do không còn nhiệm vụ chi, cơ quan thẩm tra quyết toán nộp NSNN, không phải điều chỉnh lại giá trị đã phê duyệt quyết toán DAHT.	Điều 46	Bộ Giao thông vận tải, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tỉnh Ninh Thuận	(1) và (2) Không tiếp thu, vì thuộc trách nhiệm của cấp trên trực tiếp của cơ quan chủ trì thẩm tra. (3) Không tiếp thu, vì đây là chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán; chi phí này nằm ngoài chi phí hành chính chung của đơn vị (là các chi phí đã được khoản chi cho đơn vị) (4) Không tiếp thu, vì nội dung này đã nằm trong gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 2 Điều 46 (các Khoản chi khác có liên quan...), trách nhiệm xác định nội dung chi thuộc cấp trên trực tiếp của cơ quan chủ trì thẩm tra. (5) Không tiếp thu, vì quy định tại dự thảo Nghị định rõ rằng hơn, việc chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã được quy định cụ thể tại điểm a khoản 2 Điều này. (6) Việc theo dõi hạch toán nguồn thu, chi do cơ quan thực hiện chi trả thực hiện, trường hợp chi phí không sử dụng hết mà không còn nhiệm vụ mà không xác định được dự tại dự án cụ thể thì sẽ nộp NSNN (không điều chỉnh giá trị quyết toán), trường hợp xác định được khoản kinh phí không sử dụng hết thuộc dự án cụ thể thì sẽ điều chỉnh giá trị quyết toán của dự án đó
36	Tại khoản 1 Điều 47, đề nghị bổ sung thêm: Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng kèm văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của người quyết định đầu tư đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán	Điều 47	TP. Hồ Chí Minh	Không tiếp thu, vì trước theo quy định hiện hành (khoản 4 Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) thì trước khi bàn giao đưa vào sử dụng là đã phải có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải của người quyết định phê duyệt DADT)

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TÀI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
37	Tại khoản 3 Điều 47, đề nghị điều chỉnh: "Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định này) nhân đi hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (theo quy định tại Điều 45 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành".	Điều 47	Tỉnh Lạng Sơn	Tiếp thu, điều chỉnh lại Điều dẫn chiếu cho phù hợp
38	Tại khoản 2 Điều 48, đề nghị sửa thành "Chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán DAHT gần cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 02 năm sau năm báo cáo, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo tình hình quyết toán DAHT sử dụng vốn DTC năm báo cáo do đơn vị mình quản lý."	Điều 48	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì thời hạn hơn 01 tháng để đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo là quá dài.
39	Tại điểm d Điều 52, đề nghị sửa thành: "Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định hoặc tham gia thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đầu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán, tổng dự toán (nếu có) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật."	Điều 52	Tỉnh Đắk Nông	Không tiếp thu vì đối tượng tham gia thẩm tra, thẩm định là rất rộng. Chỉ quy định những đối tượng trực tiếp thực hiện thẩm tra, thẩm định.
40	Tại điểm i khoản 1 Điều 54, đề nghị sửa thành: "Lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đúng quy định, trình người có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định tại Điều 47 Nghị định này, cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo yêu cầu của kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo quyết toán và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán."	Điều 54	Tỉnh Lạng Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo

TT	NHÓM Ý KIẾN	ĐIỀU, MỤC TẠI DỰ THẢO	CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỘP Ý
2	Về các nội dung ngoài dự thảo Nghị định:			
1	Đề nghị bổ sung trường hợp chủ đầu tư không cung cấp đủ hồ sơ do nhà thầu không phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ quyết toán, thất lạc hồ sơ quyết toán, hồ sơ không còn bản chính, thiếu biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn , nhất ký in công...		Tỉnh Bình Dương	Không tiếp thu, vì đây là trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện dự án (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP là hợp đồng dân sự, thuộc trách nhiệm của Bộ Xây dựng, là mối quan hệ dân sự do vậy phải điều chỉnh theo Bộ luật Dân sự thuộc trách nhiệm hướng dẫn của Bộ Tư pháp) Nội dung này đã quy định cụ thể tại Điều 54 dự thảo Nghị định
2	Bổ sung Biểu mẫu quyết toán A-B các hợp đồng xây dựng, tư vấn, QLDA, GPMB		Tỉnh Khánh Hòa	Không tiếp thu vì không thuộc trách nhiệm của Bộ Tài chính (Bộ Xây dựng hướng dẫn)
3	Bổ sung các tình chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án nghiệm thực hiện vĩnh viễn (chỉ quyết toán các chi phí CBĐT, GPMB...) do thực tế có nhiều DA có TMĐT lớn nhưng khi tính thực hiện vĩnh viễn kinh phí bỏ rất thấp hơn TMĐT được duyệt		Tỉnh Khánh Hòa, Tỉnh Cao Bằng	Không tiếp thu, vì các nội dung này đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 32 và Điều 44 dự thảo Nghị định.
4	Bổ sung thêm trách nhiệm của cơ quan khác vào Điều 54 Nghị định (như TT số 10/2020/TT-BTC)		TP. Hồ Chí Minh	Không tiếp thu, vì đã quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 52
5	Đề nghị hướng dẫn quyết toán các dự án bị đình hoãn lâu ngày chưa có kế hoạch triển khai tiếp được người quyết định đầu tư cho phép quyết toán điểm dừng kỹ thuật.		Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì việc thực hiện dự án phải theo DADT đã được duyệt và nội dung này thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư và người quyết định phê duyệt dự án.
6	Thông tư số 92/2017/TT-BTC quy định các dự án sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ 500 triệu đồng trở lên thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC. Tuy nhiên hiện nay thông tư này đã hết hiệu lực, đề nghị hướng dẫn nội dung này trong dự thảo Nghị định.		Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất không thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định Trường hợp áp dụng quyết toán theo quy định tại Nghị định sẽ được quy định tại Thông tư quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất
7	Đề nghị hướng dẫn quyết toán các dự án sử dụng vốn ĐTC tham gia đầu tư tương đương dự án PPP. DA ĐTC đang thực hiện dở dang được người quyết định đầu tư chuyển sang đầu tư theo hình thức PPP		TP. Hải Phòng, Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu, vì quy định tại Dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
8	Bổ sung điểm d, "Lưu trữ hồ sơ quyết toán đã giao nhận với chủ đầu tư theo quy định tại Điều 34 Nghị định này theo thời hạn như sau: 10 năm đối với dự án nhóm A, 07 năm đối với dự án nhóm B, 05 năm đối với dự án nhóm C."		Tỉnh Quảng Nam	Không tiếp thu, việc lưu trữ hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ (Điều 9 khoản 4 Điều 17 Luật Lưu trữ (Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định thời hạn)), khoản 3 Điều 88 Luật Xây dựng, khoản 6 Điều 33 Nghị định 40/2020/NĐ-CP
9	Bổ sung khoản 7 Điều 44: "Thẩm tra, xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).		Tỉnh Quảng Nam	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 20/11/2020 13:41

Số: **8797** /BCT-KH

Hà Nội, ngày **16** tháng 11 năm 2020

V/v ý kiến dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, sau khi nghiên cứu Bộ Công Thương thống nhất với nội dung dự thảo do Bộ Tài chính chuẩn bị.

Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ TC;
- Lưu: VT, KH (quanbt).

**KT-BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Cao Quốc Hưng

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2819/TNVN-KHTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán
dự án sử dụng vốn đầu tư công

M 8/12

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 109109
Ngày:	08-12-2020
Chuyên:	VU DT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định nêu trên, Đài Tiếng nói Việt Nam nhận thấy dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công đã quy định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ và dự án hoàn thành nhằm đáp ứng các quy định của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019. Dự thảo Nghị định cũng quy định rõ các nội dung kiểm tra về tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và nhiệm vụ của các cơ quan liên quan.

Đài Tiếng nói Việt Nam nhất trí với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. / ✓

Nơi nhận: *CL*

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Hùng

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2012/TTCP-PC

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>103.981</u> <u>ĐT</u>
Ngày:	<u>23</u> - <u>11</u> - <u>2020</u>
Chuyên:	<u>VN</u> <u>ĐT</u>
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

Dự thảo Nghị định được cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xây dựng công phu, quy định một cách toàn diện, thống nhất hoạt động quản lý nhà nước trong việc thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trên cơ sở quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Nội dung của dự thảo Nghị định nhằm hoàn thiện đồng bộ cơ chế quản lý thanh toán, quyết toán với phạm vi nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, thống nhất giữa các quy định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công, xây dựng và ngân sách nhà nước hiện hành. Thanh tra Chính phủ nhất trí với nội dung và bố cục của dự thảo Nghị định.

Kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

Nơi nhận: Hà Nội

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

KT. TỔNG THANH TRA

PHÓ TỔNG THANH TRA



Nguyễn Văn Thanh

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1297/THVN-VP
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Vụ Đầu tư - Bộ Tài chính

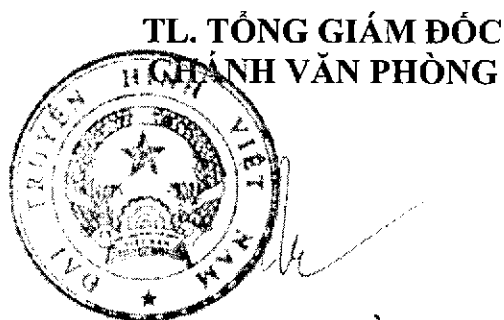
Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (gọi tắt Dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Dự thảo đưa ra.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/cáo);
- VP (P.TC-HC&PC);
- Lưu: VT, VP.



Lê Quyền



Ký bởi: Bộ Khoa học và Công nghệ
Ngày ký: 18.11.2020 14:08:50
+07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~449~~ /BKHCN-KHTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Quý Bộ về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí với dự thảo Nghị định và các biểu mẫu hướng dẫn gửi kèm theo.

Bộ Khoa học và Công nghệ xin gửi Quý Bộ ý kiến góp ý dự thảo Nghị định nói trên để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ KHTC NHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 374/TANDTC- KHTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý kiến vào dự thảo Nghị
định quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư
công.

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số:.....**102899**.....

Ngày: **18 -11- 2020**

Chuyên:.....**VN**.....**Đ**.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Tòa án nhân dân tối cao nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, Tòa án nhân dân tối cao nhất trí với nội dung của Dự thảo. Tòa án nhân dân tối cao gửi Bộ Tài chính tổng hợp để trình Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Lưu: VT Cục KHTC.

**TL.CHÁNH ÁN
CỤC TRƯỞNG
CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Lương Văn Việt

**ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1994 /UBQLV-TH

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định quản
lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 13639/BTC-ĐT của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, sau khi rà soát dự thảo Nghị định, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về dự thảo Nghị định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban: Chủ tịch, các PCT,
- Các Vụ: PC&KSNB, NN, CNHT, NL, CN;
- Lưu: VT, TH (XT).

12



Hồ Sỹ Hùng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6033 /BNV-KHTC
V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Thông nhất các nội dung trong Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Bộ Tài chính.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Thừa

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2252/VHL-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 101440/BT
Ngày:	17-11-2020
Chuyển:	VHL
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi nghiên cứu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhất trí với dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính, không có ý kiến gì thêm.

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam xin gửi tới Quý Bộ lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC. K.Th.05.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Minh

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2932 /STC-TCĐT

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 5635/VPUBND-KTTH ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Tài chính nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, có văn bản góp ý gửi Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính An Giang có ý kiến như sau:

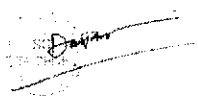
Thống nhất nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sở Tài chính An Giang có ý kiến như trên, kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.TCĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Người ký: Sở Tài chính
Email: sotai chinh@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Thời gian ký: 21.11.2020
11.24:52 +07:00

Nguyễn Điền Tân

UBND TỈNH SƠN LA
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 4155 /STC-TCĐT

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	104407
Ngày:	23-11-2020
Chuyên:	M.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Thực hiện Công văn số 1306/VPUB-TH ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (Kèm theo Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Dự thảo Tờ trình về việc dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính soạn thảo).

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính soạn thảo. Sở Tài chính tỉnh Sơn La nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu VT, TCĐT, Ttra.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Thị Ngọc Yến

UBND TỈNH LONG AN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 5141 /STC-ĐT
V/v tham gia góp ý kiến dự thảo
Nghị định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công.

Long An, ngày 16 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 102531 /STC-ĐT
Ngày:	20-11-2020
Chuyển:	V.V.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ Công văn số 1296/VP-KTTC ngày 09/11/2019 của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh về việc tham gia góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia góp ý kiến về nội dung dự thảo Nghị định theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Long An thống nhất nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công đính kèm Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính. Kính chuyển Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp. / *me*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT/Mai.



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Đô

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2279~~ /STC-ĐT
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Hà Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	102972
Ngày:	18-11-2020
Chuyên:	Vy.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Văn bản số 3757/UBND-KTTH ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về việc giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính xây dựng.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính xây dựng.

Sở Tài chính Hà giang tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, ĐT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Kiều Vân



UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **88.96** /STC-TCĐT

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán
dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Bến Tre, ngày **16** tháng **11** năm **2020**

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số 102422 BT
Ngày:	18-11-2020
Chuyên:	 V.V. Phú
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Thực hiện nội dung Công văn số 5922/UBND-TCĐT ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

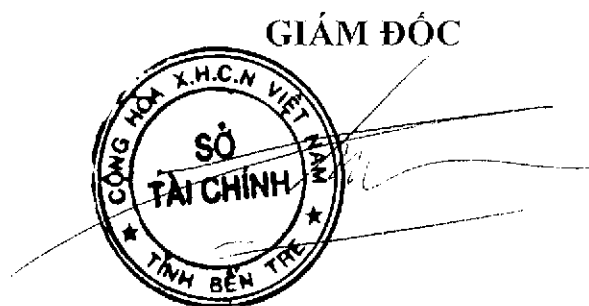
Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Thống nhất dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, trong đó có nội dung dự thảo phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm toàn bộ các hoạt động về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019.

Sở Tài chính Bến Tre kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Lưu: VT, TCĐT (4b).



Võ Văn Phú

UBND TỈNH KON TUM
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 4261 /STC-TCĐT

Về tham gia góp ý dự thảo các
Nghị định của Chính phủ theo
đề nghị của Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Văn bản số 3111/VP-KTTH và số 3112/VP-KTTH ngày 10 tháng 11 năm 2020⁽¹⁾ về việc về việc góp ý dự thảo các Nghị định của Chính phủ theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và số 13578/BTC-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP.

Thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi phối hợp với các đơn vị tham gia góp ý⁽²⁾, Sở Tài chính thống nhất với các nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13639/BTC-ĐT và số 13578/BTC-ĐT nêu trên.

Sở Tài chính tỉnh Kon Tum báo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thay báo cáo);
- Lưu: VT, TCĐT, HTH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



U Thị Thanh

(1). Trong đó: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến và gửi trực tiếp về Bộ Tài chính theo thời gian quy định đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi.

(2). Sở Tài chính đã có Văn bản số 4206/STC-TCĐT đề nghị các đơn vị tham gia góp ý.



Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 18/11/2020 15:27:23

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 2121 /UBND-TH

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định nêu trên, UBND tỉnh Quảng Bình thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính chuẩn bị.

UBND tỉnh Quảng Bình báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp. / *k*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang

Anh Long

Có 10/10 R

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1719 /STC-TCĐT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 11 năm 2020

Về việc góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu
tư công

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 101040-BĐT
Ngày:	16-11-2020
Chuyên:	Vu.ĐT.2b
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi:

- Bộ Tài chính

- Vụ Đầu tư, Bộ Tài chính

Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang nhận được công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Kiên Giang tại Công văn số 7089/VP-KT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sở Tài chính Kiên Giang đã lấy ý kiến các Sở, ngành liên quan về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

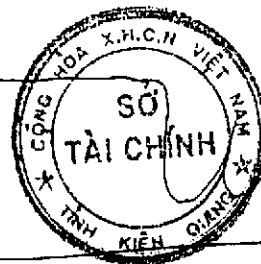
Qua nghiên cứu Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang về dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công./. *KL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- BGĐ sở;
- Lưu: VP, P.TC-ĐT.

GIÁM ĐỐC GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tuấn

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2044/STC-ĐT

Điện Biên, ngày 24 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý vào dự thảo Nghị định
của Chính phủ quy định về quản
lý, thanh toán, quyết toán dự án
sử dụng vốn đầu tư công.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 105641
Ngày:	26-11-2020
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Vụ Đầu tư - Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 4355/UBND-KT ngày 17/11/2020 về việc tham mưu nội dung tham gia góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính soạn thảo và các Văn bản có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành. Sở Tài chính tỉnh Điện Biên nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và không có ý kiến tham gia vào nội dung của dự thảo.

Sở Tài chính tỉnh Điện Biên kính gửi Vụ Đầu tư - Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**SỞ
TÀI CHÍNH**

Đinh Bảo Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6013/UBND-KTNV

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý nội dung dự thảo Nghị
định quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Đã ký 10/12/20

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 108.996.60T
Ngày:	08-12-2020
Chuyên:	Đ.T.
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 và Công văn số 14880/BTC-ĐT, ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thống nhất nội dung dự thảo Nghị định.

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long gửi đến Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CVP, PVP Quản trị;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.04.05.



Lê Quang Trung

A Long

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4607/BVHTTDL-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

W 14/12

Kính gửi: Vụ Đầu tư, Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 1099.99-PT
Ngày:	11-12-2020
Chuyên:	M. DT
Số và ký hiệu HS:	van số 14880/BTC-DT

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nhận được công văn số 14880/BTC-DT ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ. Bộ Tài chính được giao tổng hợp, hoàn thiện, ý kiến gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Việc ban hành dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành là cần thiết.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất ý kiến với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính soạn thảo.

Đề nghị Vụ Đầu tư, Bộ tài chính tổng hợp hoàn thiện Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC, QA(3).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH**



Trần Hoàng

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3606/STC-TCĐT

Bình Định, ngày 16 tháng 12 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối với dự
thảo Nghị định quy định về quản
lý, thanh toán, quyết toán dự án
sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại công văn số 8217/UBND-TH ngày 10/12/2020 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (theo văn bản đề nghị của Bộ Tài chính số 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020). Về vấn đề này, Sở Tài chính Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định, Sở Tài chính Bình Định nhận thấy những quy định chính sách về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hiện hành đã được thực hiện hiệu quả và ổn định tại các Thông tư của Bộ Tài chính đã được ban hành, đang có hiệu lực. Việc quy định Nghị định thống nhất về quản lý thanh toán, quyết toán đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công là cần thiết để đảm bảo tính thống nhất nhằm quản lý chặt chẽ nguồn vốn này.

Do đó, Sở Tài chính Bình Định thống nhất với nội dung của Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính xây dựng.

Sở Tài chính Bình Định kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TC-HCSN, TCĐT.



Nguyễn Thị Tuyết Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14156/UBND-VP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư).

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và không có ý kiến đóng góp khác.

Kính báo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH(2)

CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Khánh

An Long

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VĂN PHÒNG**

*

Số 5291-CV/VPTW/nb

*V/v góp ý nội dung dự thảo
Nghị định quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công*

ju 24/12

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 113184
Ngày:	14-12-2020
Chuyên:	M.Đ.
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính,

Trả lời Công văn số 14880/BTC-ĐT, ngày 03/12/2020 góp ý nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Bộ Tài chính, Văn phòng Trung ương Đảng thống nhất với nội dung của bản dự thảo Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Văn phòng Trung ương Đảng thông báo để đơn vị biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Cục Tài chính và Quản lý đầu tư,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/L CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ**



Vũ Hồng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14156/UBND-VP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư).

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 112541/BTC
Ngày:	25-12-2020
Chuyên:	MM DT
Số và ký hiệu HS:	

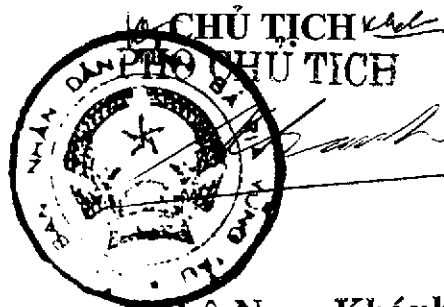
Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và không có ý kiến đóng góp khác.

Kính báo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH(2)



Lê Ngọc Khánh

alog

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

Số: 5715 /VKSTC-C3
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

26/12/20

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>114976</u>
Ngày:	<u>24-12-2020</u>
Chuyên:	<u>V4</u>
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được Công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với các nội dung của bản dự thảo nêu trên.

Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng - PVT (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Hà - CT C3 (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.KHNS. Thao.05b

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Mai Văn Út

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10692/VPCP-KHTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định về
quản lý, thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>113542</u> (113542)
Ngày:	21-12-2020
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Phúc đáp Công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, thống nhất nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ do Bộ Tài chính soạn thảo được gửi kèm theo tại các công văn số: 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 và 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020.

2. Ngoài ra, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau:

- Mục a, Khoản 3, Điều 10 của Dự thảo quy định về mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng, thấp hơn so với quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (đang quy định mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng). Đề nghị, Bộ Tài chính nghiên cứu để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước hiện hành.

Văn phòng Chính phủ có một số ý kiến như trên, xin gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: PCN Nguyễn Xuân Thành (để b/c),
- Lưu: VT, KHTC (2), Tr.

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**



Nguyễn Đức Cường

Am ly

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4608 BTP-PLDSKT
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

pon 12/12/20

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>140802</u> BTP
Ngày:	<u>11-12-2020</u>
Chuyên:	<u>VV. DT</u>
Số và ký hiệu HS:	<u>Cong</u>

Trả lời Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 12/6/2020 của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính rà soát tổng thể dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua để hoàn thiện dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm dự thảo Nghị định thể chế hóa đầy đủ các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua. Về nội dung Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nêu rõ việc thể chế hóa các chính sách xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua (nêu rõ các chính sách đã được Chính phủ thông qua, đã thể hiện trong dự thảo Nghị định đầy đủ chưa, có thêm hay thay đổi chính sách nào thì cần báo cáo rõ để Chính phủ quyết định); trường hợp có phát sinh chính sách mới thì cần bổ sung đánh giá tác động đối với chính sách này.

2. Về nội dung Nghị định, Bộ Tư pháp sẽ có ý kiến thẩm định chính thức theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo sau khi đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định theo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương. Qua nghiên cứu sơ bộ dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý thêm một số vấn đề sau đây:

a) Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để tránh chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật có liên quan. Ví dụ, theo quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị định, Nghị định này điều chỉnh cả về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Tuy nhiên, hiện nay, hướng dẫn Luật Đầu tư theo phương

thức đối tác công tư năm 2020, Bộ Tài chính cũng đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trong đó cũng quy định về quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để tránh chồng chéo, mâu thuẫn giữa nội dung của 02 Nghị định.

b) Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích khái niệm "*Dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước*" theo mức độ Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, nhưng khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định lại giải thích khái niệm "*Dự án đầu tư công có độ mật cao là dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư*" không gắn với mức độ Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước là không thống nhất, rõ ràng. Trong khi đó, khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án không căn cứ vào mức độ mật của dự án đầu tư công. Vì vậy, nếu xác định dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư để xác định là dự án đầu tư công có độ mật cao là không hoàn toàn chính xác. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu lại quy định này.

c) Đề nghị cân nhắc lại quy định "*Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, trường hợp có quy định đặc thù, giao Bộ Tài chính căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền đối với từng giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các quy định tại Nghị định này quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia*" tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Nghị định. Việc giao Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia nếu chứa đựng thủ tục hành chính sẽ không phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (cấm quy định thủ tục hành chính trong thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp được giao trong luật).

d) Về các quy định liên quan đến hồ sơ, trình tự, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham khảo ý kiến các Bộ, ngành, địa phương để rà soát, quy định đầy đủ, rõ ràng, thống nhất để bảo đảm thuận tiện trong quá trình áp dụng Nghị định.

e) Khoản 8 Điều 51 dự thảo Nghị định quy định giao Bộ Tài chính "*Chủ trì hướng dẫn những nội dung cần thiết đảm bảo việc thực thi Nghị định này và*

các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định này". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định rõ nội dung giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trong các điều khoản cụ thể để làm căn cứ ban hành thông tư; không quy định chung chung như quy định trên.

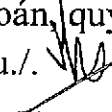
g) Đề nghị cần nhắc quy định *"Trường hợp đặc biệt cần thiết phải có quy định khác về hồ sơ (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán) hoặc quy định khác về cơ chế giải ngân (tạm ứng vốn, thanh toán vốn) khác với các quy định tại Nghị định này, giao Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định"* tại điểm e khoản 8 Điều 51 dự thảo Nghị định. Việc quy định giao Thủ tướng Chính phủ quy định khác với Nghị định là không bảo đảm đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại, nếu cần thiết để tạo linh hoạt trong việc xử lý tình huống, có thể quy định giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với trường hợp cụ thể.

h) Về điều khoản chuyển tiếp, đề nghị xem lại quy định *"Quy định về hồ sơ tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn đầu tư công khác đang thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính..., trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại các Thông tư này và các văn bản quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực"* tại khoản 1 Điều 55 dự thảo Nghị định. Trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì hành thì đương nhiên vẫn thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó có các thông tư của Bộ Tài chính; do đó, quy định như trên là không cần thiết.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu lại quy định *"Các hợp đồng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành"* tại khoản 2 Điều 55 dự thảo Nghị định cho phù hợp. Về nguyên tắc, các hợp đồng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì không phải điều chỉnh, ký lại nhưng khi thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì có thể thực hiện theo Nghị định này.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung dự thảo Nghị định theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chương V về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó lưu ý rà soát, loại bỏ các quy định mang tính khẩu hiệu, chung chung trong dự thảo Nghị định. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến

của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, xin gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c),
- TT Phan Chí Hiếu (để b/c);
- PVT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Đ.Vinh).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú



Người ký: BỘ KẾ
HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Email: bkhdt@mpi.gov.vn
Cơ quan: BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ
Thời gian ký: 17.12.2020
13:53:20 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~8204~~ /BKHĐT-VP

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
Quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu
tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Đề nghị sửa lại Khoản 11, Điều 3: "...không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều này".

Lý do: Khoản 11 dẫn chiếu về Khoản 9 là nội dung về Tabmis, không đúng

2. Đề nghị cần quy định rõ từng loại giấy tờ là bản chính hay bản sao y hay photocopy để thuận tiện trong thực hiện nêu tại Điều 9.

Lý do: dự thảo quy định các tài liệu là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư. Tuy nhiên cần xem xét chủ đầu tư được phép sao y bản chính các loại giấy tờ nào? Mặt khác hiện nay và xu hướng sẽ là gửi văn bản điện tử, không phải bản giấy.

3. Đề nghị bổ sung nội dung hồ sơ đối với nhiệm vụ lập quy hoạch tại Khoản 1, Điều 9.

Lý do: Theo Khoản 1, Điều 7 Luật Quy hoạch năm 2017 thì nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt trước khi tổ chức lập quy hoạch.

4. Đề nghị xem xét bổ sung Khoản 2, Điều 9 nội dung quy định về hồ sơ pháp lý gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán với trường hợp thanh toán các nội dung công việc thuộc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch vốn thực hiện dự án (không được giao vốn chuẩn bị đầu tư).

Lý do: Trường hợp dự án không được bố trí kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư nhưng do yêu cầu cấp thiết, người quyết định đầu tư cho phép chủ đầu tư thực hiện một số nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (khảo sát địa chất, địa hình; lập chủ trương đầu tư, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình...) và được thanh toán từ kế hoạch vốn thực hiện dự án được giao.

5. Đề nghị sửa lại Điểm b, Khoản 2, Điều 9 "Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư"

Lý do: Luật đầu tư công 2019 không quy định thủ tục này; việc giao nhiệm vụ có thể thể hiện bằng một số hình thức văn bản khác (Ví dụ: Thông báo giao nhiệm vụ, người có thẩm quyền ký bút phê vào Tờ trình của cơ quan đề xuất...)

6. Đề nghị bổ sung thỏa thuận liên danh vào Điểm d, Khoản 3, Điều 9

Lý do: Liên doanh và liên danh là 02 hình thức khác nhau, trong quá trình đấu thầu nhiều nhà thầu thực hiện việc liên danh để thực hiện.

7. Đề nghị xem xét lại hạn mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng nêu tại Điểm a, Khoản 3, Điều 10 và nên quy định trần tỷ lệ % cho người quyết định đầu tư được quyết định trong trường hợp đặc biệt.

Lý do: Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định tại Khoản 5, Điều 18 mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có). Nếu không quy định trần tỷ lệ % trong trường hợp đặc biệt thì người quyết định đầu tư không có căn cứ để quyết định.

8. Đề nghị bổ sung quy định về quyết toán các dự án, công trình có tổng mức đầu tư lớn hơn 500 triệu đồng sử dụng từ nguồn chi thường xuyên

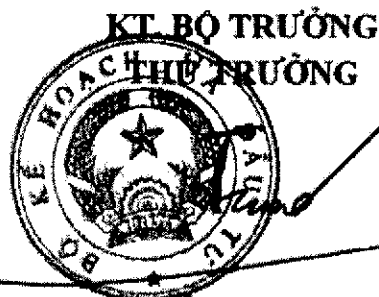
Lý do: Theo Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính có quy định tại Khoản 2, Điều 5 là các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên từ nguồn chi thường xuyên thì phải thực hiện quyết toán theo Thông tư 09/2016/TT-BTC tức là như dự án chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, Thông tư 09/2016/TT-BTC đã hết hiệu lực.

9. Đề nghị xem xét, bổ sung quy định điều khoản thay thế các quy định tại Chương VI, Nghị định 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để đảm bảo tính thống nhất giữa các Nghị định.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề nghị Quý Bộ tổng hợp báo cáo theo quy định./. *ĐM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ: TH, KCHT, GSTĐ, KTĐN, QLQH, QLKKT, TCTT;
- TCTK, Cục QLĐT;
- Lưu: VT, KHIC₂



Nguyễn Văn Trung

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4771** /LĐTBXH-PC

Hà Nội, ngày **04** tháng **12** năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 108163 /ĐT
Ngày:	07-12-2020
Chuyên:	Vu B
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính ✓

Trả lời Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của quý Bộ về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến đối với dự thảo Nghị định như sau:

- Khoản 3 Điều 10: Để thống nhất với quy định về mức vốn tạm ứng tại Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, đề nghị quy định thống nhất mức vốn tạm ứng cho tất cả các công việc, hợp đồng trong dự án (bao gồm cả dự án có cấu phần xây dựng và không có cấu phần xây dựng) **tối đa là 50%** giá trị hợp đồng hoặc chi phí cho khối lượng công việc cần thực hiện.

- Điểm a Khoản 6 Điều 10: Để làm rõ ý hơn, đề nghị sửa đổi theo hướng vốn tạm ứng được thu ~~hết~~ khi giá trị giải ngân **(bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành)** đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Điều 26: Để ~~ngăn chặn~~ rõ nội dung đối với nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập để lại cho đầu tư đã được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm thuộc nguồn vốn đầu tư công có phải tổng hợp báo cáo quyết toán theo niên độ ngân sách hàng năm hay không?

- Điều 28: (1) Để thuận tiện cho công tác báo cáo quyết toán niên độ ngân sách hàng năm, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính để không phải ban hành Thông tư riêng hướng dẫn mẫu biểu, đề nghị quy định mẫu biểu quyết toán niên độ ngân sách hàng năm ngay tại dự thảo Nghị định; (2) Để thuận lợi cho công tác quyết toán vốn ODA, đề nghị bổ sung quy định việc xác nhận ghi thu - ghi chi từ Cục Quản lý nợ, Bộ Tài chính trước thời điểm các Bộ, ngành phải gửi báo cáo quyết toán niên độ ngân sách về Bộ Tài chính.

- Điều 29: Theo quy định của Luật Đầu tư công thì thời điểm trước ngày 01/8 hàng năm, các Bộ, ngành phải lập, thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau. Vì vậy, để tránh dồn khối lượng công việc vào thời điểm tháng 8, đề nghị quy định thời hạn các Bộ, ngành phải tổng hợp, báo cáo quyết toán niên độ ngân sách gửi Bộ Tài chính **trước ngày 01/10** hàng năm.

- Khoản b, c, d Khoản 1 Điều 40: Đề nghị cập nhật nguyên tắc thẩm tra chi phí xây dựng công trình tạm để ở và điều hành thi công theo quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

- Gạch đầu dòng thứ 2, Điểm b Khoản 3 Điều 40 và Điểm b Khoản 4 Điều 40: Đề nghị sửa đổi việc quyết toán hợp đồng trọn gói theo hướng “Trường hợp nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung, đúng khối lượng theo quy định của hợp đồng thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trị trọn gói của hợp đồng đã ký”.

- Điều 46: Đề phù hợp với tình hình trượt giá hiện nay, đề nghị tăng định mức chi phí thẩm tra quyết toán tương tự như đã áp dụng tại Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành.

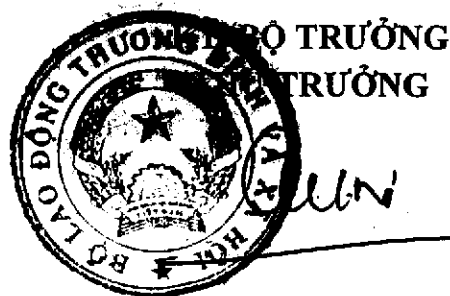
- Mục 2, Chương III: Để thuận tiện cho công tác quyết toán dự án hoàn thành, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính để không phải ban hành Thông tư riêng hướng dẫn mẫu biểu, đề nghị quy định mẫu biểu quyết toán dự án hoàn thành ngay tại dự thảo Nghị định.

- Dự thảo Nghị định chỉ quy định quyết toán nguồn vốn đầu tư công (bao gồm vốn ODA), đề nghị sớm nghiên cứu, xây dựng quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán đối với nguồn vốn ODA không thuộc đầu tư công.

Trên đây là ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.



Lê Tấn Dũng

Am Long

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3799/CV-BHXXH

V/v ý kiến tham gia dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 107.287... BDT
Ngày:	03-12-2020
Chuyên:	Vu DT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính ✓

Ngày 07/11/2020, Bảo hiểm xã hội (BHXXH) Việt Nam nhận được Văn bản số 13639/BTC-ĐT của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến tham gia dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu dự thảo, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cơ bản thống nhất với nội dung của dự thảo.

Riêng đối với nội dung "*chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán*" thuộc nội dung chỉ cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành nêu tại điểm b, Khoản 2, Điều 46 của Dự thảo Nghị định, BHXXH Việt Nam đề nghị:

- Giữ lại nội dung chỉ "*dịch thuật, hội nghị, hội thảo phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán*" vì: thực tế có thể phát sinh chi phí này và được xem xét quyết toán khi chi phí này phục vụ trực tiếp công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

- Đề nghị bỏ nội dung hoặc điều chỉnh lại cho phù hợp nội dung chỉ "*chi công tác phí, văn phòng phẩm, in ấn, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán*". Lý do: thực tế các chi phí này đã được bố trí chung trong cho chi phí quản lý chung của đơn vị, khó phân tách và trùng lặp.

Kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu VT, KHĐT (3b).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Việt Ánh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6406 /BTNMT-KHTC

V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định kèm theo Công văn số 13639/BTC-ĐT, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

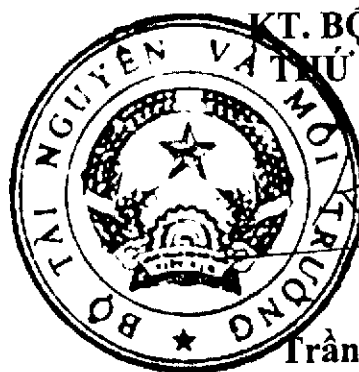
1. Tại điểm b khoản 2 Điều 46 của Dự thảo: Cần quy định cụ thể hơn về các nội dung chỉ cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ định mức chỉ cho các cán bộ tham gia thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

2. Tại Điều 50 của Dự thảo: Cần xác định rõ nguồn kinh phí để phục vụ công tác kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Hiện nay, nguồn kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan quản lý đang rất hạn hẹp, nên cần cân nhắc tính khả thi nếu chỉ trả cho các hoạt động kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn kinh phí quản lý hành chính.

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu VT, KHTC, PMH..



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trần Quý Kiên

BỘ NGOẠI GIAO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4029 /BNG-QTTV

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 1028.21.../ĐT
Ngày:	18-11-2020
Chuyên:	Vu...DT
Số và ký hiệu HS:	

Phúc công văn số 13639/BTC-ĐT, ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bộ Ngoại giao xin có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định, dự thảo đã quy định đầy đủ về việc thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành để các dự án áp dụng thực hiện.

2. Đối với nội dung tạm ứng hợp đồng tại khoản 3 điều 10 dự thảo Nghị định quy định: mức tạm ứng hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết và không quy định mức tối thiểu. Tuy nhiên tại khoản 5 điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/4/2015 (đang có hiệu lực) quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, mức tạm ứng tối thiểu và không vượt quá 50% giá trị hợp đồng. Vì vậy đề nghị Quý Bộ cần xem xét để có sự thống nhất với Nghị định trên.

Bộ Ngoại giao trân trọng tham gia ý kiến và cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, QTTV

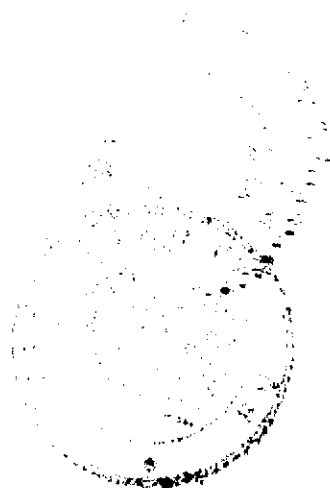
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**Đặng Minh Khôi**

100-100000

100

100-100000

100-100000



**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8465/NHNN-TCKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nhận được Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi rà soát, NHNN có ý kiến, như sau:

1. Về ý kiến chung:

Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã có hiệu lực thi hành. Trong đó, đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư đã được quy định hành lang pháp lý thông thoáng, thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả đầu tư. Do vậy, đối với việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư tại Nghị định này cần kế thừa, tiếp tục phát huy chủ trương nêu trên, tạo sự chủ động cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong quá trình triển khai dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án. Và nên bổ sung quy định giao các đơn vị xây dựng ban hành quy định riêng để quản lý, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho phù hợp với đặc thù của các đơn vị.

2. Về một số nội dung cụ thể trong dự thảo Nghị định:

- Tại Điều 4 Chương II dự thảo Nghị định – Cơ quan kiểm soát, thanh toán: Chỉ nên quy định Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán đối với dự án sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước; Còn đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư giao các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán để tạo quyền chủ động trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng chủ trương của Nhà nước, Chính phủ. Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa đổi thành: "*1. Cơ quan Kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công*

đối với dự án sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước theo thẩm quyền.

+ Bổ sung nội dung: "Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo thẩm quyền".

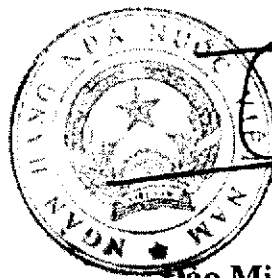
- Đối với NHNN, có đặc thù là Sở Giao dịch NHNN và NHNN chi nhánh các tỉnh/thành phố đều tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng (có hệ thống tài khoản riêng) nên NHNN có thể thực hiện kiểm soát, thanh toán, chuyển vốn cho các dự án tại đơn vị NHNN chi nhánh các tỉnh/thành phố thực hiện dự án mà không cần mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hay tổ chức tín dụng. Do vậy, tại khoản 1 Điều 24 của dự thảo Nghị định nên quy định thông thoáng hơn, không nên quy định chỉ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tổ chức tín dụng, để tạo thuận lợi, rút ngắn thủ tục, không phát sinh thêm hồ sơ, thủ tục cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có tính đặc thù, để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thuận tiện trong quá trình triển khai dự án. Theo đó, khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm đối tượng mở tài khoản cho phù hợp với đặc thù của các đơn vị, như đối với các đơn vị NHNN thì được phép thực hiện trên hệ thống thanh toán và tài khoản của mình hoặc mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng.

Trên đây là ý kiến của NHNN gửi Quý Bộ để tổng hợp, xử lý. *ue*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu VP, TCKT6. *ue*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5389 /BGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định về
quản lý, thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 và Công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến góp ý Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi nghiên cứu, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công:

Theo quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, vốn đầu tư công gồm: vốn ngân sách nhà nước và vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành cho đầu tư. Do đó dự thảo Nghị định cần nghiên cứu quy định thống nhất về quản lý thanh toán đối với nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành cho đầu tư phù hợp với nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước và đảm bảo tính đặc thù tạo sự chủ động của các đơn vị theo đúng tinh thần của Luật Đầu tư công.

2. Về quyết toán dự án hoàn thành:

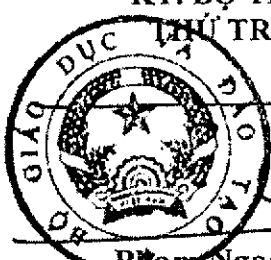
Các Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành về cơ bản đều căn cứ vào quy định tại các Nghị định hướng dẫn Luật Xây dựng (Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, số 37/2015/NĐ-CP và số 59/2015/NĐ-CP). Hiện nay, cùng với sự phát triển công nghệ số, các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công được triển khai mạnh mẽ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó có hướng dẫn việc quản lý dự án đầu tư và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Để có cơ sở thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, dự thảo Nghị định cần quy định hướng dẫn trình tự, phương pháp thực hiện quyết toán dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, bổ sung để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG ✓

Phạm Ngọc Thương

Anlog

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2550 /STC-ĐT

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư
công

Ph 26/11 B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 104/12.101
Ngày:	25-11-2020
Chuyên:	Nh.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 9128/UBND-KH ngày 10/11/2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020: “*Giao Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu dự thảo để góp ý theo đề nghị của Bộ Tài chính, thừa ủy nhiệm của UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính đồng thời gửi UBND tỉnh để theo dõi*”.

Sau khi phối hợp với các Sở, ngành, địa phương nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, Sở Tài chính có thêm một số ý kiến như sau:

1. Đề nghị bỏ điểm a “a) *Kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao*” thuộc các khoản 2,3,4,5 Điều 9.

Lý do: khi kiểm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp đã gửi thông báo đến cơ quan kiểm soát, thanh toán đồng thời thực hiện nhập dự toán của các dự án vào hệ thống TABMIS theo quy định. Do đó, khi thực hiện thanh toán tại KBNN, chủ đầu tư hay Ban QLDA không phải gửi cho cơ quan kiểm soát, thanh toán. Trường hợp cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn là NH thương mại thì thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định của ngân hàng.

2. Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “*Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*” được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 9.

Lý do: Theo quy định hiện hành, cơ quan Kho bạc kiểm soát, thanh toán theo hợp đồng được ký giữa chủ đầu tư với nhà thầu. Mặt khác, Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước không quy định cơ quan kiểm soát thanh toán nhận “*Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*” khi kiểm soát chi.

3. Đề nghị điều chỉnh Điểm a, Khoản 6, Điều 10 thành: “*Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (Bao gồm cả tạm ứng và thanh toán). Trường hợp đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng thì thu hồi hết tạm ứng khi giá trị giải ngân ở mức đã được cấp có thẩm quyền cho phép*”

4. Đề nghị bổ sung hướng dẫn cách ghi chép Mẫu số 03.a/TT đối với trường hợp “*thực hiện không thông qua hợp đồng*” hoặc ban hành mẫu riêng đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (bảng kê).

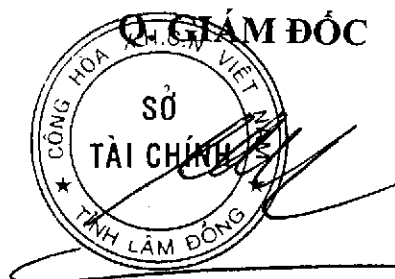
Lý do: Mẫu số 03.a/TT chỉ hướng dẫn đối với trường hợp theo hợp đồng ban đầu và phân phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu.

5. Về các mẫu biểu của dự thảo Nghị định so với Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/ 01/2020 về nội dung và kết cấu không thay đổi nên cần thống nhất về ký hiệu tránh sử dụng nhiều mẫu biểu cho 01 nội dung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị giao dịch và cơ quan kiểm soát thanh toán.

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của tỉnh Lâm Đồng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung. / *mm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT.



Phạm Thị Tường Vân

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3143 /STC-TCĐT

Yên Bái, ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 104819
Ngày: 24-11-2020	
Chuyển: M.Đ.	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; được sự ủy quyền của UBND tỉnh Yên Bái, Sở Tài chính tỉnh Yên Bái tham gia một số ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, cụ thể như sau:

1. Về cơ bản Sở Tài chính tỉnh Yên Bái nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính soạn thảo.

2. Để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu thêm một số nội dung sau:

2.1 Đối với quy định về Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nội dung Nghị định có quy định mẫu biểu kèm theo; tuy nhiên đối với quy định về Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) và Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, nội dung Nghị định không có mẫu biểu kèm theo mà giao cho Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu; đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét theo hướng ban hành biểu mẫu kèm theo Nghị định.

2.2 Hiện nay, quy định về Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đang thực hiện theo các Thông tư của Bộ Tài chính số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Quy định về Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) đang được thực hiện theo Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính; Công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước; theo nội dung dự thảo của Nghị định (tại điều 55) thì có quy định xử lý chuyển tiếp, theo đó trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại các Thông tư này và các văn bản quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực; vậy sau khi Nghị định này có hiệu

lực thì tất cả những Thông tư trên có bị bãi bỏ và hết hiệu lực hay không? Và nếu bãi bỏ thì khoảng thời gian từ khi Nghị định có hiệu lực đến khi các Bộ ban hành thông tư hướng dẫn thì thực hiện theo quy định nào? Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, bổ sung làm rõ việc xử lý các công việc chuyển tiếp trước và sau khi Nghị định có hiệu lực.

Sở Tài chính tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Lưu: VT, Phòng TCĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Vinh

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 3318 /STC-TCĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia góp ý Dự thảo
Nghị định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Công văn số 5786/UBND-ĐTĐD ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Phú Yên về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Ngày 11/11/2020, Sở Tài chính có Công văn số 3256/STC-TCĐT gửi các sở, ban, ngành lấy ý kiến dự thảo Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất theo Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Để thuận lợi trong quá trình thực hiện, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét một số ý kiến sau:

1. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang hoàn thiện Dự thảo Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trình Chính phủ ban hành thay thế Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong Dự thảo Nghị định có nội dung quy định về thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng (Chương I của dự thảo Nghị định), nội dung này trùng với một số nội dung quy định trong Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Do vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính rà soát các nội dung quy định giữa 02 Dự thảo Nghị định nêu trên để đảm bảo thống nhất, tránh chồng chéo khi ban hành áp dụng.

2. Về thanh toán khối lượng hoàn thành: Hiện nay Chính phủ ban hành Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước, trong đó một số mẫu biểu trùng với nội dung mẫu biểu (tại Khoản 1 Điều 11) Dự thảo Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Do vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính rà soát

các mẫu biểu giữa Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và Dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất khi ban hành áp dụng.

3. Về quyết toán dự án hoàn thành: Dự thảo Nghị định chưa có mẫu biểu (kèm theo) quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Chính phủ Dự thảo Nghị định có kèm theo mẫu biểu quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, để địa phương có cơ sở thực hiện kịp thời.

4. Tại Khoản 3, Điều 8 Dự thảo Nghị định có nêu: “*Các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành*”. Qua thực tế cho thấy kế hoạch vốn đầu tư công được các cấp có thẩm quyền giao đầu năm (hoặc giao bổ sung) trong năm thì không thể nhập Tabmis hết một lần theo kế hoạch, mà phải căn cứ vào các nguồn thu, nguồn huy động của địa phương để nhập kế hoạch vốn vào hệ thống Tabmis. Do đó kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh cho phù hợp với điều hành tại địa phương.

Sở Tài chính kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh, bổ sung cho thuận lợi trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (bc);
- GD, PGD Sở (Đc Đệ);
- Lưu: VT, TCĐT, (Danh).

(Bản điện tử)

KT. GIÁM ĐỐC
ĐẠI GIÁM ĐỐC



Hồ Quang Đệ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH
Số: 3389/STC-TCĐT-DN

Anubg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tiền Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 10.7541... BDT
Ngày:	03-12-2020
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Công văn số 5522/UBND-KTTC ngày 17/11/2020, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan nghiên cứu, có ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020.

Sau khi nghiên cứu, lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị liên quan (Kho bạc Nhà nước Tiền Giang; Ban QLDA ĐTXD công trình: Dân dụng và Công nghiệp, Giao thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang; Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã), Sở Tài chính Tiền Giang có ý kiến như sau:

1. Thống nhất một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Một số ý kiến đóng góp:

a) Tại Khoản 3 Điều 7:

- Dự thảo nêu:

“Đối với chi phí được tính theo tỷ lệ (%) trong tổng mức đầu tư được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cơ quan kiểm soát, thanh toán kiểm soát, thanh toán không vượt tỷ lệ qui định”.

- Đề nghị điều chỉnh:

“Đối với chi phí các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, cơ quan kiểm soát, thanh toán kiểm soát, thanh toán đảm bảo không vượt dự toán chi phí thực hiện công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Lý do: Đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 11. Do các chi phí này đã được cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định trước khi dự án được phê duyệt, cơ quan kiểm soát thanh toán không chịu trách nhiệm kiểm tra lại.

b) Tại Điểm b, Khoản 3, Điều 10:

- Dự thảo nêu:

“Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá 50% dự toán chi phí quản lý dự án ... được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

- Đề nghị điều chỉnh:

Không quy định không chế về tỷ lệ tạm ứng nhằm phù hợp với Điểm c Khoản 6, Điều 10 và Điểm đ, Khoản 1, Điều 11 về thu hồi tạm ứng chi phí quản lý dự án.

c) Tại Điểm b, Khoản 6, Điều 10:

- Dự thảo nêu:

“Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, căn cứ vào quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng”.

- Đề nghị điều chỉnh:

“Chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký, đóng dấu của chủ đầu tư) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng”.

Lý do: Nhằm giúp làm thủ tục thu hồi tạm ứng, báo cáo quyết toán kế hoạch vốn, tất toán công trình kịp thời, không để kéo dài.

d) Đối với mẫu số 03a/TT-Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

- Tại nội dung: “7. Lũy kế giá trị thanh toán:... ”:

- Đề nghị chi tiết thêm 2 dòng, cụ thể:

“7. Lũy kế giá trị thanh toán: ... đồng, trong đó:

+ Tạm ứng: đồng

+ Thanh toán: ... đồng”

Lý do: Giúp Kho bạc Nhà nước kiểm tra số liệu lũy kế đến hết kỳ thanh toán số dư tạm ứng còn lại bao nhiêu và thanh toán khối lượng bao nhiêu để thuận tiện trong kiểm soát tiếp các lần thanh toán sau.

Kính gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, TCĐT-DN(Hiền).04b.



Số: 2521/STC-QLĐT

Lào Cai, ngày 20 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về các nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Được sự ủy quyền của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (tại Văn bản số 1049/VPUBND-QLĐT ngày 09/11/2020), sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định và các văn bản có liên quan, Sở Tài chính có ý kiến tham gia như sau:

1. Tại khoản 11 Điều 3 dự thảo, đề nghị sửa lại: “... không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại **khoản 10 Điều này**”.

2. Tại Điều 10 dự thảo:

- Tại điểm a khoản 6, đề nghị xem xét bỏ nội dung “...Trường hợp đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng thì thu hồi hết tạm ứng khi quá giá trị giải ngân ở mức đã được cấp có thẩm quyền cho phép”.

Lý do: Việc quy định mức thu hồi tạm ứng khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng, đây là mức quy định tối đa trong Nghị định, đảm bảo cho một khoản tạm ứng được thu hồi hết. Nếu thêm các trường hợp khác sẽ gây khó khăn trong việc tính toán mức thu hồi và không đảm bảo việc thu hồi hết được số vốn tạm ứng.

- Tại điểm b khoản 6, đề nghị sửa lại như sau: “Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất 30 ngày kể từ thời điểm tạm ứng vốn, không chờ đến khi hoàn thành toàn bộ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng”

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm d khoản 7, đề nghị sửa lại như sau: “Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng và hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng): Vốn tạm ứng quá hạn thu hồi 03 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn mà nhà thầu chưa thực hiện ...”.

Lý do: Cơ quan kiểm soát, thanh toán không thể xác định được ngày chi trả cho người thụ hưởng và trong hợp đồng không quy định thời điểm phải thu hồi. Do đó, gây khó khăn cho việc đôn đốc chủ đầu tư thu hồi tạm ứng (trách nhiệm của cơ quan kiểm soát thanh toán đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp chủ đầu tư thực hiện kiểm tra số vốn đã tạm ứng để thu hồi các khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích... được quy định tại điểm a, b, c khoản 7 Điều 10).

3. Tại mục 4 Chương II dự thảo, đề nghị bổ sung quy định về phần vốn nhà nước trong dự án PPP.

Lý do: Một số dự án phê duyệt phần vốn thực hiện dự án nhà nước tham gia dự án PPP. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể việc kiểm soát, thanh toán cho phần vốn này.

4. Tại mục 2 Chương III dự thảo, đề nghị bổ sung hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư công dự án đầu tư công đặc thù sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư công do nhà nước tham gia trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Tại điểm g khoản 1 Điều 46 dự thảo, quy định về định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với trường hợp dự án, dự án thành phần... đã được kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán hoặc cơ quan kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 37 dự thảo thì tính 50% định mức quy định. Tuy nhiên, chưa hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp cơ quan kiểm toán, thanh tra chỉ thực hiện kiểm toán, thanh tra một số thành phần chi phí hoặc kiểm toán, thanh tra khi dự án chưa hoàn thành.

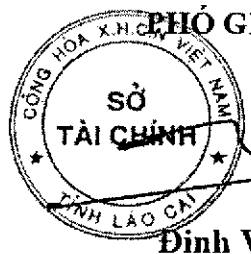
6. Tham gia khác: Để tránh chồng chéo, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến với Bộ Xây dựng tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a, b, c khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, để thống nhất thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (Vụ đầu tư, Bộ Tài chính);
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TC HCSN, QLNS, QLĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Sở Tài chính
Tỉnh Lào Cai
20-11-2020 13:18:58 +07:00
Đinh Văn Tâm

Anh Long

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4048/STC-ĐĐT

Bình Dương, ngày 18 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án
sử dụng vốn đầu tư công.

Handwritten signature

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 103215/ĐĐT
Ngày:	25-11-2020
Chuyên:	Vu...ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 5542/UBND-KT ngày 12/11/2020 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công,

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Sở Tài chính thống nhất theo nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét một số nội dung sau:

1. Tại Khoản 1, Điều 46 dự thảo Nghị định, đề nghị hướng dẫn xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên cơ sở **tổng mức đầu tư** được duyệt hoặc **tổng mức đầu tư** điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là **Tổng mức đầu tư** của dự án sau loại trừ) không xác định trên dự toán.

Nguyên nhân: Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là một trong các khoản mục thuộc chi phí khác cấu thành trong tổng mức đầu tư của dự án. Do vậy, khi lập dự án, xác định chi phí tổng mức đầu tư của dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt (lúc này chưa thể có dự toán vì dự toán sẽ được xác định ở bước thiết kế kỹ thuật, sau khi dự án đầu tư được duyệt).

2. Tại điểm e, Khoản 1, Điều 46 dự thảo Nghị định, đề nghị cho ví dụ cụ thể để hướng dẫn chi tiết cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cả dự án trong trường hợp dự án bao gồm cả khoản mục chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không tách riêng khoản mục bồi thường giải phóng mặt bằng để quyết toán riêng hay tách riêng bồi thường thành dự án thành phần, tiểu dự án độc lập).

3. Tại điểm a, Khoản 2, Điều 46 dự thảo Nghị định có quy định “Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 47 Nghị định này; cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc

điều chỉnh tại dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.” Nội dung này sẽ khó triển khai thực hiện trong thực tế vì cơ quan Tài chính không thể theo dõi được hết các danh mục dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán trong trường hợp Chủ đầu tư không báo cáo. Ngoài ra, việc thu phí trước khi hồ sơ quyết toán được lập hoàn chỉnh và nộp cơ quan thẩm tra quyết toán cũng ảnh hưởng đến việc theo dõi quá trình thu – chi chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán của đơn vị.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm trường hợp quyết toán dự án hoàn thành nhưng Chủ đầu tư không cung cấp đủ hồ sơ do nhà thầu không phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ quyết toán, thất lạc hồ sơ, hồ sơ không còn bản chính, thiếu biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công...

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét và hoàn chỉnh dự thảo theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT (L).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Ngọc Huân

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2808 /STC-TCĐT
V/v đóng góp ý kiến dự thảo
Nghị định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu
tư công

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 103115
Ngày:	18-11-2020
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư)

Căn cứ Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 917/VPUBND-ĐTXD ngày 1/11/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao Sở Tài chính tổng hợp ý kiến các ngành đóng góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sở Tài chính Đồng Tháp xin đóng ý kiến như sau:

Đồng Tháp cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trên cơ sở gồm các quy định về thanh toán, quyết toán năm và quyết toán dự án công trình hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công. Tuy nhiên, đề nghị xem xét bổ sung, sửa đổi một số nội dung như:

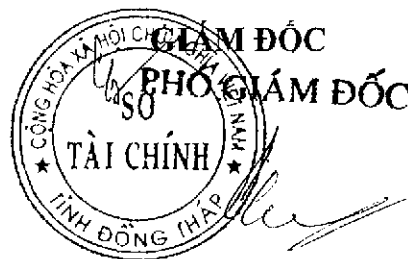
- Đề nghị định nghĩa rõ khái niệm “dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư” tại khoản 1, Điều 1 của dự thảo Nghị định. Nhằm giúp địa phương dễ xác định nguồn vốn nào phải thực hiện theo Luật Đầu tư công và tổ chức thực hiện như thế nào.

- Đối với nội dung kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Như trong dự thảo Nghị định hiện nay qui định: “Người có thẩm quyền quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập...” . Đề nghị thẩm quyền quyết định cho phép thực hiện kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền cơ quan phê duyệt quyết toán nó sẽ phù hợp hơn, vì chỉ có cơ quan quyết toán mới xem xét tính chất phức tạp của từng dự án để cho phép chủ đầu tư thực hiện thuê kiểm toán độc lập.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính Đồng Tháp kính gửi Vụ Đầu tư Bộ Tài chính xem xét tổng hợp. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCĐT.



Nguyễn Văn Cả

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3342/STC-QLGCSĐT

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 101784 B.ĐT
Ngày:	18-11-2020
Chuyển:	ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Tiếp nhận Văn bản số 4288/VPUB-KTTH ngày 09/01/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sở Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu góp ý dự thảo Nghị định theo Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định này, Sở Tài chính có ý kiến cụ thể sau:

Tại Khoản 11, Điều 3 có nêu “Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 9 Điều này” đề điều chỉnh thành “Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều này” để phù hợp với trình tự các khoản.

Tại điểm b, Khoản 2, Điều 46 nên bổ sung thêm “Chi hỗ trợ cho bộ phận phối hợp phục vụ công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán” (cụ thể là Văn phòng Sở cùng tham gia ban hành văn bản gửi chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân tỉnh, theo dõi nguồn thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán,).

Sở Tài chính Ninh Thuận báo cáo Bộ tài chính biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu VT-QLGCSĐT. VNB.T

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Trọng Luật

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 4681/STC-TCĐT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2020

Về việc góp ý dự thảo Nghị định về
quản lý, thanh toán, quyết toán dự án
sử dụng vốn đầu tư công

ĐẾN Số: 102902

Ngày: 18-11-2020

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 11956/UBND-XDND ngày 11/11/2020 v/v góp ý dự thảo Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, giao Sở Tài chính nghiên cứu, tham gia ý kiến gửi Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính cơ bản thống nhất các nội dung như dự thảo Nghị định và tham gia góp nội dung sau:

1. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công:

- Theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN, thành phần hồ sơ pháp lý chủ đầu tư gửi đến KBNN không gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Vì vậy, nghị định này nên bỏ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trong Hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát (Điều 9).

- Thu hồi vốn tạm ứng: nên thống nhất việc thu hồi hết tạm ứng khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thanh toán và tạm ứng) kể cả hợp đồng xây lắp, mua sắm máy móc và thiết bị. (Khoản 6 Điều 10).

- Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm: Khi tạm ứng cho dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm nên bỏ Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) (Khoản 2 Điều 17).

2. Quyết toán theo niên độ ngân sách:

Nội dung tại khoản 1, Điều 7: “Đối với trường hợp cơ quan nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền hoặc cơ quan có vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước: các Bộ, cơ quan trung ương, Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập riêng báo cáo quyết toán theo niên độ đối với phần vốn này.”

Đề xuất bổ sung, điều chỉnh như sau: “Đối với trường hợp cơ quan nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền hoặc cơ quan có vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước, theo phương thức ghi thu - ghi chi: các Bộ, cơ quan trung ương, Sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập riêng báo cáo quyết toán theo niên độ đối với phần vốn này.”

3. Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

3.1 Đề nghị bổ sung Biểu mẫu quyết toán A-B các hợp đồng: xây dựng, tư vấn, quản lý dự án, đền bù, hỗ trợ, tái định cư ... để thống nhất cho các chủ đầu tư thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

3.2. Về chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, chi phí kiểm toán độc lập quy định tại Điều 46:

- Xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công:

"1. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây..."

Tuy nhiên tại nội dung công thức, cách xác định các chi phí như sau:

+ Chi phí kiểm toán độc lập của dự án = Định mức chi phí kiểm toán độc lập * TMĐT của dự án sau khi loại trừ * Thuế GTGT

+ Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán của dự án = Định mức chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán của dự án * TMĐT của dự án sau khi loại trừ

Do đó, đề nghị thống nhất cách xác định cơ sở tính toán là tổng mức đầu tư sau khi loại trừ.

- Tại mục g): "Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này: định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính bằng 50% định mức quy định tại khoản 1 Điều này."

Đề nghị bổ sung cách tính chi phí thẩm tra quyết toán trong trường hợp các dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình được kiểm toán nhưng không đầy đủ (chỉ kiểm tra, thanh tra một số gói thầu mà không kiểm toán toàn bộ dự án).

- Đề nghị bổ sung cách tính chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án ngừng thực hiện vĩnh viễn (chỉ quyết toán các chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chi phí đền bù, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...)

Sở Tài chính Khánh Hòa kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp. / *Val*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCDT. *fun*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bé

Số: 2009/STC-TCĐT

Cao Bằng, ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối với dự
thảo Nghị định quy định về quản
lý, thanh toán, quyết toán dự án
sử dụng vốn đầu tư công.

Kính gửi: Vụ Đầu tư - Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính và Công văn số 1899/VP-TH ngày 10/11/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến của các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng gửi một số ý kiến tham gia như sau:

- Đề nghị xem xét thống nhất cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán tại Khoản 1 Điều 46 do dòng thứ nhất quy định "*Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành*". Tuy nhiên tại Điểm a Khoản 1 Điều 46 lại quy định "*Chi phí thuê kiểm toán độc lập của dự án = Định mức chi phí kiểm toán độc lập của dự án x Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ + Thuế giá trị gia tăng; Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán của dự án = Định mức chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán của dự án x Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ*".

- Đề nghị xem xét bổ sung thêm cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán đối với dự án dừng thực hiện vĩnh viễn. Do thực tế có nhiều dự án tổng mức đầu tư được duyệt với số kinh phí lớn nhưng khi triển khai vì lý do khách quan đã dừng thực hiện vĩnh viễn và số kinh phí bố trí đến lúc dừng thực hiện ít hơn nhiều so với tổng mức đầu tư đã duyệt.

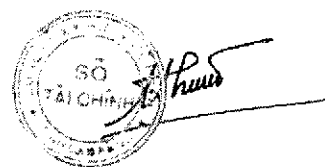
- Tại điểm c Khoản 3 Điều 35 đề nghị làm rõ nội dung "Không cần thiết phải kiểm toán".

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TCDT(T').

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng Thúy

Số: 1868 /STC-TCĐT

Phú Thọ, ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính, văn bản số 4965/UBND-KTTH ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công gửi Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ tổng hợp một số ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ và các đơn vị liên quan nhất trí với các căn cứ pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị định và các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng.

2. Bên cạnh đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh bổ sung một số nội dung sau cho thống nhất và phù hợp hơn, cụ thể như sau:

2.1. Về việc tạm ứng vốn tại Điều 10 dự thảo, một số nội dung đã thay đổi so với Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; tuy nhiên việc dẫn chiếu các quy định được bãi bỏ, sửa đổi bổ sung chưa được trích dẫn điều khoản thi hành. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp.

2.2. Về nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, tại Khoản 6 Điều 51 có quy định: ***“Định kỳ hàng quý, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán, đối với các dự án thuộc UBND các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo, đề xuất UBND cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi”***

Tuy nhiên, tại Khoản 7 Điều 10 về tạm ứng vốn, quy định: ***“Định kỳ 06 tháng và hàng năm, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các cơ quan chủ quản, gửi cơ quan tài chính đồng cấp.... làm cơ sở để Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo, đề xuất UBND cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi”***.

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi cho thống nhất, phù hợp để triển khai thực hiện.

2.3. Về hồ sơ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, tại Điều 34 Dự thảo quy định ***“Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì***

thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành...”. Tuy nhiên tại Khoản 1 Điều 45 và Khoản 2 Điều 47, hồ sơ và thời gian quy định chủ đầu tư nộp hồ sơ trình duyệt quyết toán cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chưa được đề cập.

Do vậy, đề xuất bổ sung vào dự thảo quy định về hồ sơ và thời gian chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền làm cơ sở phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

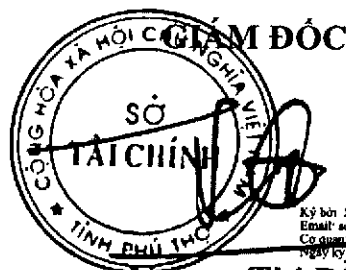
2.4. Về chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, chi phí kiểm toán độc lập, tại Khoản 1, Điều 46 Dự thảo nghị định quy định: “Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ)...”. Tuy nhiên tại Điểm a Khoản 1 Điều 46 diễn giải chi tiết công thức nội suy tính chi phí thuê kiểm toán độc lập của dự án hoàn thành, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, dự thảo quy định chi phí được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ.

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu thống nhất cơ sở (tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ hay dự toán của dự án sau loại trừ) để xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Đồng thời đề xuất dự thảo bổ sung cách tính chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án dừng thực hiện.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- GD, PGD (Ô. Quyền);
- Lưu: VT, TCĐT.



Ký bởi Sở Tài chính
Email: soc@phutho.gov.vn
Cơ quan Tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 16-11-2020 14:37:42 +07:00

Vương Thị Bảy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4407~~ /UBND-TH

Bình Phước, ngày 01 tháng 12 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính.
(Vụ Đầu tư)

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 107199 BT
Ngày:	07-12-2020
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công,

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cơ bản thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, đối với nội dung cách xác định chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dựa trên dự toán dự án được duyệt có ý kiến như sau:

- Tại khoản 1 Điều 135 Luật Xây dựng 2014 có quy định: “*Dự toán xây dựng là chi phí cần thiết để xây dựng công trình, thực hiện gói thầu, công việc xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng tính toán từ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, yêu cầu công việc phải thực hiện và định mức, giá xây dựng*”.

- Theo quy định khoản 6 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng thì đối với các dự án có nhiều công trình, chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình không bao gồm chi phí kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Như vậy, nếu xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sẽ gây khó khăn cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trong việc xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán do chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán công trình (đối với dự án có nhiều công trình).

Do đó, đề nghị điều chỉnh nội dung tại khoản 1 Điều 46 mục 2 Chương III của dự thảo: “*Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ)*”, thành “*Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư*”.

được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ)".

UBND tỉnh Bình Phước báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT, (158Bình).

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Mi

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3316 /STC-TCĐT

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 11 năm 2020

Về việc góp ý dự thảo Nghị định
của Chính phủ quy định về quản
lý, thanh toán, quyết toán dự án
sử dụng vốn đầu tư công

11/12/20

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số 106629
Ngày:	30-11-2020
Chuyên:	M.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Sở Tài chính Đắk Lắk nhận được Văn bản số 10115/UBND-KT ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Tài chính Đắk Lắk có ý kiến tham gia góp ý như sau:

1. Dự thảo Nghị định gồm 93 trang (trong đó 66 trang nội dung và 27 trang biểu mẫu) về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; đề nghị Bộ xem xét dự thảo ngắn gọn, xúc tích; phần quy định cụ thể nên thể hiện trong Thông tư hướng dẫn của Bộ để thuận lợi cho việc bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế từng thời điểm (việc bổ sung, sửa đổi Nghị định sẽ phức tạp hơn Thông tư).

2. Đề nghị xem xét bỏ khái niệm “*quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư*” tại Điểm b, Khoản 2 và Điểm b, Khoản 5 của Điều 9 dự thảo, vì Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã không còn khái niệm này.

3. Nghiên cứu bỏ cụm từ “*của cấp có thẩm quyền*” trong các điều khoản quy định về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, vì việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu là thuộc quyền của chủ đầu tư, không phải của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 74 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.

4. Tại dự thảo Nghị định chưa quy định nội dung quyết toán hợp đồng; do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung vào dự thảo nội dung quyết toán hợp đồng.

5. Tại Điểm d, khoản 2, Điều 35 dự thảo nêu “*Đối với các dự án còn lại: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt*”.

Đề nghị sửa đổi: “*Đối với các dự án còn lại: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt. Trường hợp đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý không đủ chức năng thẩm tra quyết*

toán thì người quyết định đầu tư yêu cầu chủ đầu tư thực hiện kiểm toán độc lập trước khi phê duyệt”.

6. Tại Khoản 3, Điều 35 dự thảo nêu: “Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước); các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành”.

Đề nghị sửa đổi: “... các trường hợp còn lại, trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, cơ quan thẩm tra quyết toán tham mưu người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định chủ trương thực hiện kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành”. Vì khi dự án hoàn thành, cơ quan thẩm tra quyết toán (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) sẽ thực hiện việc thẩm tra quyết toán; do đó, cơ quan thẩm tra quyết toán sẽ xem xét tham mưu việc cho chủ trương kiểm toán độc lập.

7. Tại Khoản 5, Điều 40 dự thảo nêu: “Thẩm tra chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước”.

Đề nghị sửa đổi: “Thẩm tra chi phí quản lý dự án: Thẩm tra theo định mức tỷ lệ phần trăm theo quy định; kiểm tra việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí quản lý dự án”. Lý do đề nghị sửa đổi: Các Ban quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo hoạt động thu chi, các khoản chi từ chi phí quản lý dự án của từng dự án được các Ban quản lý dự án tổng hợp chung vào dự toán chi hàng năm của đơn vị và trình cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, xét duyệt quyết toán niên độ ngân sách hàng năm; do đó, không thể thẩm tra chi phí quản lý dự án theo nội dung chi của từng dự án vì khi dự án hoàn thành và quyết toán dự án hoàn thành thì có thể nội dung chi quản lý dự án của dự án đó chưa được thanh toán hoặc chưa được bố trí vốn để chi cho hoạt động quản lý dự án.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Ban GD sở;
- Lưu: VT, TCĐT (S5).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2079/UBND-XD

V/v góp ý dự thảo Nghị
định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng có ý kiến góp ý như sau:

- Tại khoản 7 Điều 3 dự thảo nêu: Thanh toán khối lượng hoàn thành là số tiền chủ đầu tư thanh toán cho phần giá trị khối lượng công việc hoàn thành đã được các bên nghiệm thu, xác định... theo hợp đồng hoặc thỏa thuận, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định hiện hành.

Đề nghị bổ sung, điều chỉnh: Thanh toán khối lượng hoàn thành là số tiền chủ đầu tư thanh toán cho phần giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo quy định hiện hành.

- Tại khoản 4 Điều 7 dự thảo nêu: Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán đến khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng thì chuyển sang hình thức “kiểm soát trước, thanh toán sau”.

Đề nghị bổ sung, điều chỉnh: Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” đối với trường hợp tạm ứng, “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành thông qua hợp đồng.

- Tại đoạn thứ nhất Điều 34 dự thảo nêu: Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:...

Đề nghị bổ sung, điều chỉnh: Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; 01 bộ hồ sơ (chỉ bao gồm các văn bản pháp lý và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành) đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:...

- Tại điểm c, khoản 3, Điều 35 dự thảo nêu: Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung....

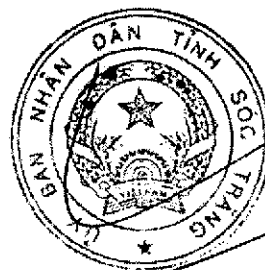
Đề nghị bổ sung, điều chỉnh: Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung trình người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định nội dung kiểm toán bổ sung và làm cơ sở để chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xin gửi Bộ Tài chính tổng hợp. *Lâm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT, TC, XD;
- Lưu: VT, XD. *th*

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn
Lâm Hoàng Nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7502 /UBND-KHĐT

Hải Phòng, ngày 26 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 106274/BT
Ngày:	30-11-2020
Chuyên:	Vu AT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về Điều 49 Chương III – Quyết toán Dự thảo Nghị định về Xử lý vi phạm:

Đề nghị chuyển nội dung này sang Chương IV – Kiểm tra, đồng thời nghiên cứu, bổ sung các chế tài xử lý cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Chương II – Quản lý, thanh toán vốn Đầu tư công như: Chậm trễ thu hồi tạm ứng vốn đầu tư; số dư tạm ứng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích...

2. Về việc quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công tham gia đầu tư trong dự án PPP:

Đề nghị xem xét, nghiên cứu tách biệt, quy định cụ thể thành mục riêng đối với các dự án này do có sự khác biệt về trình tự thủ tục pháp lý đầu tư, cơ cấu chi phí đầu tư... so với các dự án đầu tư công. Đồng thời, bổ sung hướng dẫn việc thẩm tra chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng (chưa được quy định tại các Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành của Bộ Tài chính).

3. Về việc điều chỉnh quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

Đề nghị bổ sung các trường hợp người có thẩm quyền phải phê duyệt điều chỉnh quyết định phê duyệt dự án hoàn thành như trong trường hợp có Kết luận giám trừ giá trị quyết toán của Kiểm toán Nhà nước hoặc của cơ quan thanh tra đối với các dự án đã được thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì có phải điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt quyết toán theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan thanh tra hay không?

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng gửi Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở: TC, KH&ĐT;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng : TCNS;
- CV: KH&ĐT;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

A. Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 11178 /UBND-XDCB

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 12 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>110238</u> <u>BT</u>
Ngày:	<u>14-12-2020</u>
Chuyển:	<u>1/4</u> <u>BT</u>
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế kính gửi Bộ Tài chính nội dung góp ý như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 1 đề nghị viết lại để đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng như sau:

1. *Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho dự án, bao gồm:*

- *Dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước; dự án đầu tư công khẩn cấp; dự án đầu tư công tại nước ngoài, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư);*

- *Dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;*

- *Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) có sử dụng vốn đầu tư công (bao gồm cả nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư).*

Đối với vốn nước ngoài đã có quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 1, do đó, đề nghị không đưa vào khoản 1 nêu trên.

Trong Luật Đầu tư công không có khái niệm về “công trình tạm”, do đó, nếu đưa loại “công trình tạm” vào Nghị định thì phải bổ sung khái niệm này vào Điều 3 của dự thảo Nghị định.

2. Tại khoản 1 Điều 7: Do thực hiện cơ chế “thanh toán trước, kiểm soát sau”, vì vậy đề nghị quy định thời hạn trả hồ sơ không đủ điều kiện thanh toán trong vòng 1 ngày làm việc thay vì 3 ngày làm việc như dự thảo.

3. Tại tiết b khoản 7 Điều 10: Để giảm bớt khối lượng công việc cho chủ đầu tư, đề nghị hàng quý chỉ báo cáo các khoản tạm ứng quá hạn chưa thu hồi được (nếu có) đến thời điểm báo cáo, nêu rõ các khó khăn vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

4. Tại Điều 24: Đề nghị thống nhất mở tài khoản (loại tài khoản có kiểm soát chi) tại Kho bạc nhà nước để kiểm soát, thanh toán từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công; nguồn thu hợp pháp dành cho đầu tư nếu đang nằm ở các tài khoản khác hoặc tại các tổ chức tín dụng được chuyển toàn bộ về tài khoản này để thực hiện.

5. Tại Điều 8: Ở địa phương, hầu hết việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm được UBND các cấp phân bổ chỉ tiết đến từng dự án, cơ quan

Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thông báo lại kế hoạch vốn đầu công cho các chủ đầu tư theo chi tiết từng dự án đã được UBND cùng cấp phân bổ. Vì vậy, đề nghị xem lại có nhất thiết phải đưa nội dung kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công địa phương vào dự thảo Nghị định không.

6. Tại tiết a khoản 2 Điều 32: Do chi phí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng mức đầu tư của dự án, do đó, đề nghị quy định nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được quyết toán chung với dự án để giảm bớt thủ tục hành chính.

7. Tại khoản 3 Điều 32: Đề nghị quy định rõ “*Trường hợp trong chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A được phê duyệt nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tách thành dự án độc lập*” thì cơ quan nào, của cấp nào chịu trách nhiệm thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán hoàn thành của dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư độc lập này.

8. Tại khoản 2 Điều 33: Hệ thống biểu mẫu quyết toán dự án hoàn thành theo các Thông tư hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đã được điều chỉnh, bổ sung và áp dụng qua một thời gian rất dài nên đến nay khá hoàn chỉnh. Do đó, đề nghị nên đưa hệ thống biểu mẫu quyết toán dự án hoàn thành tại Thông tư hiện hành của Bộ Tài chính (Thông tư 10/2020/TT-BTC) vào dự thảo Nghị định để thực hiện.

9. Tại tiết a khoản 3 Điều 35, việc kiểm toán các dự án còn lại ngoài dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A đề nghị như sau:

Các trường hợp còn lại, nếu xét thấy cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiến nghị người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét cho lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

10. Tại tiết c khoản 2 Điều 46, để giảm bớt thủ tục hành chính, đề nghị điều chỉnh lại như sau:

c) Căn cứ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán giao phòng (bộ phận) chuyên môn trực thuộc xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán trình duyệt để làm cơ sở thực hiện.

Trên đây là một số ý kiến tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế kính gửi Bộ Tài chính ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP: LĐ và CV: TC;
- Lưu VT, XDCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 3101 / UBND-KTTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2020



Người ký: Ủy ban
nhân dân tỉnh Tây
Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây
Ninh
Thời gian ký
11.12.2020 10:45:30
+07:00

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công,

Qua nghiên cứu, UBND tỉnh cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, có ý kiến góp ý như sau:

- Về cơ sở pháp lý dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13.

- Tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị định: đề nghị quy định rõ hơn nội dung "...chỉ đầu tư phát triển, xây dựng, ...".

- Tại Mẫu số 01/PB (quy định biểu mẫu phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm...) và 02/PB (quy định biểu mẫu phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm...điều chỉnh) dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung cột "chủ đầu tư" và cột "năng lực thiết kế".

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVP; P.KTTC;
- Lưu: VT, VP, Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

Ký **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4611/STC-ĐT

Bình Thuận, ngày 26 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 104567-KAT
Ngày:	26-11-2020
Chuyên:	Mỹ.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Sở Tài chính Bình Thuận nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công đầu tư công.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Tài chính Bình Thuận tham gia góp ý như sau:

Về nội dung dự thảo: về cơ bản nội dung dự thảo nghị định trên cơ sở các quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; mặt khác, dự thảo nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công nhằm quy định đầy đủ và toàn diện việc quản lý, thanh toán, quyết toán đối với tất cả các nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019. Do đó, địa phương thống nhất cao nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công đầu tư công.

Tuy nhiên, liên quan đến một số nội dung cần thiết phải quy định cụ thể trong quá trình thực hiện, Sở Tài chính Bình Thuận đề nghị Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Tại khoản 1 Điều 8 Mục 1 Chương II dự thảo nội dung phân bổ quy định:

"Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, kế hoạch bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách), các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) triển khai các nội dung sau:

a) Thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB kèm theo Nghị định này (trong đó, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo quy định hiện hành về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước) gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra phân bổ và thực hiện việc quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp và Bộ Tài chính (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để quản lý, tổng hợp và báo cáo.

b) Thực hiện giao chỉ tiêu và giao chi tiết kế hoạch vốn đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn (nếu có) đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB nêu trên cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để có căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn."

Theo Điều 56 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án thuộc các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công. Tuy nhiên, tại Chương V Nhiệm vụ của các cơ quan liên quan, không quy định nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công.

Do đó để đảm bảo đầy đủ cơ sở triển khai thực hiện, Sở Tài chính Bình Thuận kính đề nghị bổ sung nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tại Chương V Nhiệm vụ của các cơ quan liên quan.

2. Tại điểm c khoản 7 Điều 10 mục 1 Chương II dự thảo nội dung kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn:

"Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trước ngày 10 của tháng 7 và trước ngày 28 tháng 02 năm sau, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các cơ quan chủ quản gửi cơ quan tài chính đồng cấp, trong đó phân loại cụ thể số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu các lý do, khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý."

Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 51 Chương V dự thảo nội dung nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp:

"Định kỳ hàng quý, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán, đối với các dự án thuộc các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, Bộ Tài chính có văn bản đôn đốc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước gửi các Bộ, cơ quan trung ương để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi; đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi."

Do đó, để đảm bảo phù hợp về thời gian báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn và cơ quan tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, UBND cùng cấp, Sở Tài chính Bình Thuận kính đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện tại khoản 6 Điều 51 Chương V cho phù hợp thời gian thực hiện tại điểm c khoản 7 Điều 10 mục 1 Chương II như sau:

"Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán, đối với các dự án thuộc các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, Bộ Tài chính có văn bản đôn đốc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước gửi các Bộ, cơ quan trung ương để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi; đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế

hoạch huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi."

3. Tại khoản 1 Điều 46 mục 2 chương III theo dự thảo: "Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng...".

Đề nghị điều chỉnh lại là: "Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng...".

Lý do:

Theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ thì chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là một trong các chi phí cấu thành trong tổng mức đầu tư của dự án. Do đó, khi lập dự án, xác định tổng mức đầu tư thì phải xác định ngay các chi phí này để đưa vào tổng mức đầu tư của dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt; lúc này chưa thể có dự toán vì dự toán sẽ được xác định sau khi dự án được duyệt.

Sở Tài chính Bình Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT (QH.3b).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Ba

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6159 /STC-TCĐT

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử
dụng vốn đầu tư công

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 107781
Ngày:	04-12-2020
Chuyên:	Vu DT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính có Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Được sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân Tỉnh tại Văn bản số 7868/UBND-TM3 ngày 18/11/2020; Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh cơ bản nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và tham gia ý kiến như sau:

1. Về quản lý, thanh toán vốn đầu tư:

- Tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 quy định: "Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách và vốn tín dụng ưu đãi để phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn".

Khoản 3 Điều 20 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 quy định "Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách, vốn tín dụng ưu đãi và áp dụng các phương thức huy động vốn khác để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu kinh tế, khu công nghệ cao".

Như vậy, đối với các dự án đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp; trong khu kinh tế, khu công nghệ cao do nhà đầu tư thực hiện, được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần (ví dụ như hỗ trợ theo tỷ lệ % giá trị đầu tư công trình sau khi hoàn thành) thì nguồn vốn hỗ trợ theo quy định nêu trên của nhà nước có thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Nghị định này hay không? nếu xác định nguồn vốn ngân sách hỗ trợ nêu trên thuộc phạm vi điều chỉnh thì bổ sung điều khoản quy định về việc quản lý, thanh toán và quyết toán nguồn vốn này.

Trường hợp nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ nêu trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này thì đề nghị Bộ Tài chính ban hành quy định về việc quản lý, thanh toán đối với nguồn vốn hỗ trợ này do tính chất của nhóm dự án này được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, nhà đầu tư quyết định phê duyệt dự án và tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo thẩm quyền (cơ quan nhà nước không phê duyệt dự án đầu tư nên không đủ điều kiện mở mã số dự án theo quy định; không thực hiện chức năng quản lý, giám sát quá trình đầu tư xây dựng nên không nắm về hồ sơ dự án). Vì vậy cần phải có quy định để hướng dẫn cụ thể về thành phần hồ sơ và quy trình thực hiện cấp

thanh vốn hỗ trợ đầu tư các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và trong khu kinh tế, khu công nghệ cao do nhà đầu tư thực hiện.

- Tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định quy định “*Vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; thanh toán cho doanh nghiệp thực hiện dự án theo hợp đồng BTL, BLT theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư*”.

Về nội dung này, hiện nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021); mặt khác, để thống nhất với phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định này (quy định chi tiết về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư). Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể trong Nghị định này nội dung quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; thanh toán cho doanh nghiệp thực hiện dự án theo hợp đồng BTL, BLT theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Về quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

- Tại điểm b khoản 1 Điều 35 của dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền phê duyệt quyết toán “*Đối với các dự án khác: Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư công là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành*”.

Nội dung này đề nghị sửa lại là: “*Đối với các dự án khác: Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư công là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền hoặc phân cấp cho cơ quan cấp dưới trực tiếp phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành*”.

- Về thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (điểm a khoản 2 Điều 40 dự thảo Nghị định) quy định “*...đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với dự toán kinh phí trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, dự toán chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận bồi thường đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán*”.

Trên thực tế, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng rất phức tạp, trong đó có việc giải quyết kiến nghị của đối tượng nhận bồi thường thường kéo dài; cá biệt có những trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết

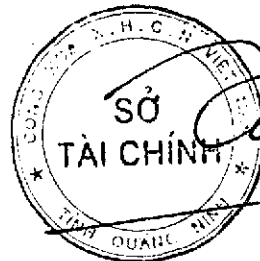
theo chính sách nhưng người bị thu hồi đất vẫn chưa nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng, trong trường hợp này cơ quan chức năng phải tổ chức cưỡng chế thu hồi mặt bằng thi công. Số tiền bồi thường theo phương án phê duyệt được cơ quan chức năng chuyển vào tài khoản tạm giữ; khi quyết toán, chủ đầu tư tổng hợp và đề nghị quyết toán khoản chi phí này nhưng đối chiếu quy định nêu trên thì sẽ không được chấp thuận quyết toán. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu quy định cụ thể về việc quyết toán đối với các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà cơ quan chức năng chuyển vào tài khoản tạm giữ do đối tượng chưa nhận phải tổ chức cưỡng chế hoặc đối tượng đã bàn giao mặt bằng nhưng chưa nhận tiền vẫn tiếp tục kiến nghị kéo dài.

Trên đây là ý kiến tham gia của tỉnh Quảng Ninh vào dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh kính gửi Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp./*ph*

Nơi nhận: *ly*

- Như trên;
- UBND Tỉnh (để b/cáo);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Phòng QLNS, TCHCSN;
- Lưu VP, TCĐT9.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Tiêu

UBND TỈNH QUẢNG NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: **3173** /STC-ĐT

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định quản lý, thanh toán, quyết toán
dự án sử dụng vốn đầu tư công

Quảng Nam, ngày **23** tháng **11** năm **2020**

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: **104339** **BT**

Ngày: **27-11-2020**

Chuyên: **Kg** **DT**

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Sở Tài chính nhận được công văn số 6570/UBND- TH ngày 09/11/2020, của UBND tỉnh Quảng Nam, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công gửi Bộ Tài chính và báo cáo UBND tỉnh để theo dõi. Nay, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh một số nội dung góp ý trong dự thảo Nghị định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Chính phủ như sau:

- Tại khoản 1, Điều 3 quy định: “Cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công bao gồm: Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các cấp...”. **Đề nghị bổ sung:** “Cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công bao gồm: Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các cấp, **Sở Kế hoạch và Đầu tư** ...”. Lý do vốn đầu tư là do Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu nên phải có trong cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Hoặc giải thích từ ngữ cơ quan tài chính các cấp bao gồm cả Sở Kế hoạch và Đầu tư thì không cần sửa đổi bổ sung khoản này.

- Tại khoản 1,2,3 Điều 9: “Hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn” đều có quy định gửi “Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu”. Tuy nhiên tại Điều 8: “Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước” của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/11/2020 quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước không có thủ tục này. Đề nghị xem lại nội dung này để 02 Nghị định được thống nhất.

- Tại điểm c, khoản 7, Điều 10 quy định: “...Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp..., **Sở Tài chính**, phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý”. **Đề nghị sửa thành:** “...**Sở Kế hoạch và Đầu tư**, phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo...”. Lý do: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý dự án, phân bổ vốn cho dự án nên đề xuất biện

pháp xử lý phù hợp và hiệu quả hơn. Sở Tài chính không phân bổ vốn, không giải ngân vốn mà lại giao đề xuất thu hồi số dư tạm ứng quá hạn sẽ không nắm được.

- Đề nghị bỏ cụm từ "*Sau thời hạn trên*" tại gạch đầu dòng thứ 2 (-), điểm d, khoản 7, Điều 10. Lý do: thời hạn thu hồi tạm ứng đã quy định ở trên ("*quá thời hạn thu hồi 03 tháng*") và ở dưới ("*Sau thời hạn 01 năm*"), việc đề cụm từ này không có ý nghĩa, khó hiểu, khó thực hiện.

- Tại gạch đầu dòng thứ 2 (-), khoản 5, Điều 12 quy định: "*Đối với vốn ứng trước từ ngân sách địa phương hoặc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: trường hợp đơn vị dự toán cấp I ở địa phương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch để thu hồi theo quy định, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản thông báo cho đơn vị đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày các đơn vị nhận được văn bản của cơ quan tài chính nhưng các đơn vị không thực hiện bố trí thu hồi kế hoạch vốn theo quyết định giao thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp*".

Đề nghị sửa thành: "*Đối với vốn ứng trước từ ngân sách địa phương hoặc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Sau khi nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về bố trí kế hoạch vốn, trong đó thu hồi vốn ứng trước thì đơn vị, chủ đầu tư có trách nhiệm lập thủ tục thu hồi vốn ứng trước gửi cơ quan kiểm soát thanh toán thu hồi theo quy định. Trường hợp đơn vị không thực hiện thì cơ quan kiểm soát thanh toán căn cứ Quyết định của UBND các cấp gửi thông báo cho đơn vị thực hiện lập thủ tục thu hồi.*"

- **Đề nghị bổ sung** thêm khoản 1 vào Điều 31 "*Chi phí đầu tư được quyết toán*" và kết cấu lại như sau:

1. Tất cả dự án đầu tư công hoàn thành hoặc dừng thực hiện theo văn bản của cấp quyết định đầu tư, đều phải thực hiện quyết toán dự án theo quy định tại Nghị định này.

2. Chi phí đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

- Tại Điều 34, Sở Tài chính có một số góp ý sau:

+ **Đề nghị thêm cụm từ "kèm các tài liệu có liên quan"** vào cuối điểm a, khoản 1, Điều 34. Đề nghị bỏ đoạn "*Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên*" nêu tại cuối điểm g, khoản 1, Điều 34. Lý do đã nêu trong Tờ trình tại điểm a khoản 1 Điều này.

+ Tại điểm a, khoản 2, Điều 34 dự thảo Nghị định quy định: "Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính)". Đề nghị sửa thành:

"Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên kèm các tài liệu liên quan".

+ Tại điểm d, khoản 2, Điều 34 quy định: "Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị). Đề nghị bỏ cụm từ "(trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị)". Lý do không cần thiết vì khoản 2, Điều 34 là quy định "Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dùng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị".

Đề nghị xem lại từ "nếu có" ở điểm d, khoản 2, Điều 34 : "...biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có)....". Lý do dự án quy hoạch, chuẩn bị đầu tư vẫn phải có nghiệm thu khối lượng, bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng nên dùng từ nếu có là chưa hợp lý.

+ Tại điểm e, khoản 2, Điều 34 đề nghị bỏ đoạn *"Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên"*. Lý do đã nêu trong Tờ trình tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Tại điểm c, khoản 3, Điều 35 quy định : "...Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại **khoản 1** Điều này, chủ đầu tư....". Đề nghị sửa lại là: "...Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại **điểm a, khoản 3**, Điều này, chủ đầu tư...".

- Tại Điều 36, Sở Tài chính góp ý như sau:

+ Tại điểm đ, khoản 1, Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: "...Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định." Đề nghị bỏ cụm *"báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán"* và sửa thành: "...Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có

thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định". Lý do để tăng tính chủ động của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và rút ngắn thời gian xử lý quyết toán.

+ Tại khoản 2, Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: "2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại **Điều 47** Nghị định này". Đề nghị sửa lại là "...**Điều 37** Nghị định này".

+ Tại điểm b, khoản 2, Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: "Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán **báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán** có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định". **Đề nghị bỏ cụm từ "báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán" và sửa thành:** "Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định". Lý do để tăng tính chủ động của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và rút ngắn thời gian xử lý quyết toán.

- Tại khoản 2, Điều 40 dự thảo Nghị định quy định: "Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư". Sở Tài chính có ý kiến như sau:

*Thực tế có xảy ra trường hợp: UBND tỉnh phê duyệt dự án xây dựng tuyến đường giao thông, do BQL chuyên ngành giao thông tỉnh làm chủ đầu tư, trong tổng mức đầu tư có khoản chi hỗ trợ trồng rừng thay thế thuộc mục chi phí khác, giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt phương án và thiết kế - dự toán trồng rừng thay thế và giao chủ đầu tư dự án chuyển khoản tiền này cho Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh quản lý tổ chức trồng rừng thay thế. Nội dung dự toán trồng rừng thay thế gồm có trồng và chăm sóc **03 năm**, trong khi tuyến đường giao thông thì đầu tư trong **02 năm** đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Khoản tiền trồng rừng thay thế này không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt. **Đề nghị quy định cách thức thẩm tra quyết toán khoản chi này và các khoản chi tương tự khác.***

- Tại Điều 44, dự thảo Nghị định, Sở Tài chính góp ý như sau:

+ Tại khoản 3, Điều 44 dự thảo Nghị định quy định: "Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước. **Đề nghị sửa thành:** "Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước. **Trường hợp chi phí thực hiện thông qua hợp đồng, thì thẩm tra tương tự quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 40 Nghị định này**". Lý do: lập quy hoạch, chuẩn bị đầu tư thường là thuê tư vấn thực hiện.

+ **Đề nghị bổ sung khoản 7 vào Điều 44 như sau:**

"7. Thẩm tra, xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có)".

- Tại khoản 3, Điều 45 dự thảo Nghị định quy định: "3. **Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành** được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ

đầu tư, cơ quan nhận tài sản..., cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư....". **Đề nghị sửa thành:** "3. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan nhận tài sản..., cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, cơ quan liên quan và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.."

- Tại Điều 46, góp ý một số ý như sau:

+ Tại khoản 1, Điều 46, dự thảo Nghị định quy định: "Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở **dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án** sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là **dự toán của dự án** sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây...". **Đề nghị sửa lại thành:** " Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở **tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh** sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là **tổng mức đầu tư** sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây.."

+ Đề nghị sửa từ "**dự toán của dự án**" trong bảng loại chi phí thành "**tổng mức đầu tư**", cụ thể:

Loại chi phí	Tổng mức đầu tư sau loại trừ (tỷ đồng)						
	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069
Thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

Lý do: theo quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành thì không có khái niệm "**dự toán của dự án**" và chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán thuộc khoản mục chi phí khác trong tổng mức đầu tư được duyệt nên cần tính ngay từ khâu lập dự án để đưa vào tổng mức đầu tư dự án.

- Tại Điều 51 "**Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp**", Sở Tài chính góp ý một số nội dung sau:

+ Các nội dung quy định tại khoản 2,3,5 Điều 51, Sở Tài chính xét thấy việc thực hiện các nhiệm vụ này ở cấp tỉnh sẽ gặp nhiều vướng mắc do đây là chức năng, nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan có trách nhiệm giám sát, hướng dẫn, quản lý dự án đầu tư... Mặt khác, lực lượng Sở Tài chính mỏng, khối lượng công việc rất nhiều, nay phát sinh thêm nhiệm vụ thì khó có khả năng giải quyết đạt

hiệu quả. Do đó đề nghị chuyển các nội dung quy định tại khoản 2,3,5 Điều 51 qua Điều 52 “Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác có liên quan” cho phù hợp.

+ Tại khoản 6, Điều 51 dự thảo Nghị định quy định: “*Định kỳ hàng quý, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán.....; đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi*”. **Đề nghị sửa thành:** “*Định kỳ hàng quý, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán; đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi*”.

+ **Đề nghị bổ sung điểm đ** vào khoản 9, Điều 51 như sau:

đ) Lưu trữ hồ sơ quyết toán đã giao nhận với chủ đầu tư theo quy định tại Điều 34 Nghị này theo thời hạn như sau: 10 năm đối với dự án nhóm A, 07 năm đối với dự án nhóm B, 05 năm đối với dự án nhóm C.

Lý do đề nghị bổ sung: việc lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình của chủ đầu tư và lưu trữ hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đã giao nhận với chủ đầu tư của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có cùng tính chất tương tự nhau; theo đó, tại Thông tư số 26/2016/TT-BXD, Bộ Xây dựng quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình của chủ đầu tư như trên nên cần thiết cũng quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành tại cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có thời hạn tương tự, để giảm áp lực về kho lưu trữ. Mặt khác, quá thời hạn lưu trữ như đề xuất nêu trên thì thực tiễn hồ sơ đã giao nhận với chủ đầu tư không còn nhiều giá trị sử dụng.

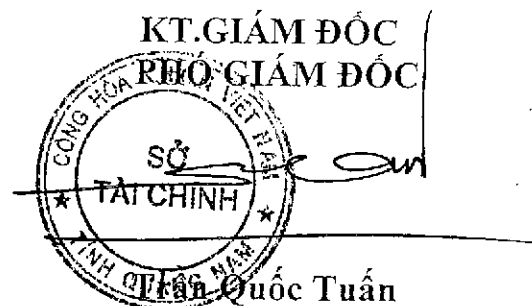
- **Biểu mẫu số 03a/TT** (Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành - Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư công) của *dự thảo Nghị định có nội dung giống Biểu mẫu số 08b* (Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành - Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nước ngoài) của **Nghị định số 11/2020/NĐ-CP** ngày 20/01/2020. Đề nghị ban hành một biểu mẫu: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành - Áp dụng chung cho tất cả các nguồn vốn.

Trên đây là nội dung tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Chính phủ, Sở Tài chính Quảng Nam kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BGĐ Sở;
- Lưu VT, TCĐT.

Ưu



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5783 /STC-TCĐT

Cần Thơ, ngày 25 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định của
Chính phủ về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư).

Căn cứ Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 4668/VPUB-XDĐT ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, trong đó *"Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan nghiên cứu góp ý dự thảo Nghị định theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn nêu trên, văn bản góp ý trực tiếp về Bộ Tài chính theo đúng thời gian quy định"*

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ tổng hợp ý kiến các đơn vị có liên quan tại địa phương có ý kiến đề xuất đối với nội dung dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công như sau:

1. Đối với nội dung quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại Mục I Chương II.

1.1. Tại mục e, Khoản 3, Điều 9. Hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn:

"Riêng đối với công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải kèm dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt".

Đề nghị bỏ đoạn: ~~"dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt"~~. Lý do: Căn cứ theo Luật Đất đai và Nghị định không quy định việc cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chỉ có quy định cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1.2. Tại đoạn thứ nhất, Điều 9. Hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn.

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi lần đầu khi giao dịch và chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh).

Đề nghị điều chỉnh thành: “*Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao y bản chính theo quy định của pháp luật, chỉ gửi lần đầu khi giao dịch và chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh)*”.

1.3. Mẫu GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN - mẫu số 04/TT và mẫu GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN CỦA ... (CƠ QUAN CHỦ QUẢN) - mẫu số 04.nn/TT.

Tại dòng “*Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành)*”.

Đề nghị điều chỉnh thành: “*Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ...*”. Bỏ đoạn (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành)” vì KBNN không lưu Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

2. Đối với nội dung quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành quy định tại Mục 2 Chương II

2.1. Tại mục 3 Điều 31 quy định Đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

“Trường hợp tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư, tách riêng nội dung chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành một hạng mục (hợp phần) riêng: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán và gửi báo cáo quyết toán đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán chung toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án, không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán.”

Đề nghị bỏ đoạn: ~~“Trường hợp tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư, tách riêng nội dung chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành một hạng mục (hợp phần) riêng”~~

Đề nghị điều chỉnh thành: “Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán và gửi báo cáo quyết toán đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán chung toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án, không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán.”

Lý do:

- Dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo Luật xây dựng, trong đó chi phí tổng mức đầu tư xây dựng bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác... Tuy nhiên đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được điều chỉnh bởi Luật Đất đai, trong đó quy định Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Thực tế trong thời gian qua, các dự án đầu tư thuộc cấp thành phố quản lý có chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nhưng thực hiện theo quy định Luật Đất đai thì do Ủy ban nhân dân quận (huyện) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và do Trung tâm phát triển quỹ đất quận (huyện) thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, do đó mặc dù Ủy ban nhân dân thành phố không phê duyệt “tách riêng nội dung chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành một hạng mục (hợp phần) riêng” nhưng chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án được thực hiện độc lập. Bản chất sự việc thì như nhau nhưng vì quy định tách riêng thành 1 hạng mục hợp phần riêng nên có cách hiểu khác nhau, gây khó khăn cho công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Trên đây là những nội dung đóng góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ kính báo đến Bộ Tài chính./. *lu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố “để báo cáo”;
- Lưu: VT-TCĐT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~7758~~ /UBND-STC

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán, quyết
toán sử dụng vốn đầu tư công

Đà Nẵng, ngày ~~24~~ tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 10.5.272.B.T
Ngày: 27-11-2020
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư)

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. UBND thành phố Đà Nẵng có một số ý kiến tham gia dự thảo Nghị định như sau:

1. Tại Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định về việc kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh “Khoản 1 Điều 49” thành “Khoản 2 Điều 49” để phù hợp với quy định.

2. Tại Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm “Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư)” để phù hợp trong công tác thanh toán các nội dung chi không có hợp đồng.

3. Tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, trong đó bao gồm: “Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư”.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Luật đầu tư công có quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, tuy nhiên không có quy định về quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét có hướng dẫn, quy định cụ thể về trình tự thủ tục, cấp có thẩm quyền quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư để có cơ sở triển khai thực hiện.

4. Tại Điểm d Khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về việc chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu đến cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch đối với việc thực hiện dự án trong đó bao gồm “Hợp đồng, thỏa thuận liên doanh (trường hợp hợp đồng liên doanh mà các thỏa thuận liên doanh không quy định trong hợp đồng)”. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ nội dung này vì trong Thỏa thuận liên doanh có rất nhiều nội dung nhưng thông thường các bên liên quan chỉ đưa một phần các nội dung này vào Hợp đồng.

5. Liên quan đến việc kiểm soát, thanh toán vốn đối với chi phí quản lý dự án đầu tư, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét một số nội dung sau:

a) Tách Khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định thành 02 nội dung gồm: Chi phí quản lý dự án của dự án thanh toán từ tài khoản dự toán; và Chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư đã được trích vào tài khoản tiền gửi.

b) Tại Điểm f Khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn đối với chi phí quản lý dự án đầu tư có thành phần hồ sơ là Hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì trong trường hợp này sẽ không có Hợp đồng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung làm rõ nội dung này.

c) Tại Khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định có quy định: Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá 50% dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hằng năm) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định tỷ lệ mức vốn tạm ứng nêu trên không vượt quá 30% dự toán để thống nhất với mức vốn tạm ứng của các khoản mục chi phí khác đã được quy định tại dự thảo Nghị định, đồng thời phù hợp đối với trường hợp thuê đơn vị tư vấn để thực hiện công tác quản lý dự án.

- Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án được quy định nêu trên là chi phí quản lý dự án của dự án đó hay là chi phí quản lý dự án của Ban Quản lý dự án được chi từ tài khoản tiền gửi, và tỷ lệ % thanh toán còn lại phải thanh toán trực tiếp từ tài khoản dự toán hay là trích thanh toán vào tài khoản tiền gửi chi quản lý dự án của Ban Quản lý dự án.

6. Tại Điểm a Khoản 7 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định: Cơ quan kiểm soát, thanh toán kiểm tra số dư tạm ứng để đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng trừ hợp đồng cung cấp thiết bị, công nghệ.

Thực tế có những Hợp đồng bao gồm cả phần thi công xây dựng và cung cấp thiết bị, công nghệ mà không tách riêng phần cung cấp thiết bị, công nghệ. Do vậy cơ quan soạn thảo cần xem xét bổ sung để thuận tiện trong quá trình thực hiện.

7. Tại Điểm c Khoản 7 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định: “Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp... Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý.” Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung báo cáo của chủ đầu tư, vì có thể ý kiến đề xuất biện pháp xử lý số dư tạm ứng của chủ đầu tư khác với ý kiến của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, theo đó hoàn chỉnh như sau: “Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, báo cáo của chủ đầu tư... Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý.”

8. Tại Điểm k Điều 11 dự thảo Nghị định quy định: Trường hợp trong hợp đồng quy định tạm giữ, chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành và chuyển vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (phục vụ cho quyết toán dự án hoàn thành) thì việc thanh toán được thực hiện theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý hợp đồng xây dựng.

Thực tế thông qua công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành cũng đã xử lý, không chấp nhận quyết toán đối với nhiều khoản mục chi phí được các bên tính toán không hợp lý, hợp lệ nhưng chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá trị khối lượng dẫn đến phải thực hiện công tác thu hồi số vốn đã thanh toán thừa. Nhằm giảm thiểu tình trạng thanh toán thừa qua công tác quyết toán dự án hoàn thành, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét nên quy định tại Nghị định này một tỷ lệ cụ thể giá trị khối lượng hoàn thành cần tạm giữ, chưa thanh toán cho nhà thầu hoặc quy định về việc bảo lãnh của tổ chức tín dụng để đảm bảo được thực hiện thống nhất và đồng bộ.

9. Tại Khoản 3 Điều 15 dự thảo Nghị định về dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước có quy định như sau: “Cơ quan kiểm soát, thanh toán chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về các nội dung khác trong hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn trong năm kế hoạch, thanh toán của chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư. Cơ quan chủ quản và chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát hồ sơ và thanh toán cho dự án”. Tuy nhiên tại Khoản 2 Điều này lại quy định hồ sơ gửi đến để kiểm soát thanh toán thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư công thông thường.

Trong trường hợp chủ đầu tư đề nghị thanh toán cho đơn vị thụ hưởng sai tên, sai tài khoản, hoặc vượt dự toán, vượt hợp đồng... thì cơ quan kiểm soát, thanh toán vẫn phải chịu trách nhiệm vì đã có nhận hồ sơ đơn vị gửi đến. Do đó, để thống nhất về trách nhiệm kiểm soát hồ sơ, đề nghị xem xét quy định cụ thể các hồ sơ gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán đảm bảo cho việc “cơ quan kiểm soát, thanh toán chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư”.

10. Tại Khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định quy định: “Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng.”

Theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thì trong dự án đầu tư chỉ có “tổng mức đầu tư”, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh cụm từ “dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án” thành “tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án” (tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước cũng quy định chi phí kiểm

toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng).

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận: *Nh*

- Như trên;
- KBNN Đà Nẵng;
- Lưu: VT, STC.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Miên

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2739** /STC-ĐT

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Mr 27/11/20

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư)

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 106073
Ngày: 27-11-2020	
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5536/UBND-TH ngày 11/11/2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Bộ Tài chính tại Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020; trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan đơn vị và sau khi nghiên cứu Dự thảo, Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung các căn cứ: *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*

2. Đề nghị hiệu chỉnh tại khoản 11 Điều 3 Chương I: “...quy định tại **khoản 9** Điều này” thành “ ...quy định tại **khoản 10** Điều này”.

3. Tại khoản 1 Điều 8 Mục 1, đề nghị nghiên cứu hiệu chỉnh:

- Bỏ nội dung tại điểm b, vì nội dung này **trùng** với nội dung tại điểm a;
- Tại điểm c, đề nghị bổ sung ở cuối nội dung quy định (**phân bổ như điểm a khoản này**).

4. Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Mục 1: *Trường hợp UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn chi tiết từng dự án cho các chủ đầu tư thì cơ quan tài chính có thực hiện công tác kiểm tra việc phân bổ không? Trường hợp kiểm tra phân bổ thì gửi văn bản cho cơ quan nào? Đề nghị bổ sung rõ quy định tại Điều này.*

5. Tại điểm c khoản 1; điểm d khoản 2; điểm c khoản 3 của Điều 9 dự thảo Nghị định quy định hồ sơ pháp lý gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán toán: “**Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu**”

Đề xuất: Theo quy định tại Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, hồ sơ pháp lý khi đơn vị giao dịch gửi hồ sơ đến cơ quan kiểm soát, thanh toán trong kiểm soát chi ngân sách nhà nước cả chi thường xuyên và đầu tư xây dựng cơ bản đều **không gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**. Do đó, đề xuất bỏ thủ tục hồ sơ **Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà**

thầu theo quy định của Luật đầu thầu tại điểm c khoản 1; điểm d khoản 2; điểm c khoản 3 của Điều 9 dự thảo Nghị định.

6. Đối với nhiệm vụ quy hoạch tại khoản 1 Điều 9 của dự thảo Nghị định, đề xuất **bổ sung** thêm nội dung: **“Kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao”**.

7. Tại điểm d khoản 1 Điều 16 của dự thảo Nghị định quy định: **“Không thực hiện nhập và phê duyệt chi tiết vốn kế hoạch cho các dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý trên Tabmis”**.

Đề xuất: Đề nghị xem xét việc không thực hiện điểm d khoản 1 Điều 16 này. Vì, nếu không nhập vào hệ thống Tabmis thì Kho bạc Nhà nước không thực hiện được những nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16: **“Sau khi dự án được kiểm soát thanh toán và đảm bảo đủ điều kiện thanh toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị Kho bạc Nhà nước tiến hành giải ngân cho dự án”**.

8. Đề nghị bỏ 01 từ **trong** tại khoản 3 Điều 15 Mục 2.

9. Đề nghị bỏ cụm từ **“Lệnh khẩn cấp hoặc quyết định tình huống khẩn cấp của cấp có thẩm quyền”** tại điểm a khoản 2 Điều 17. Vì cụm từ này không có trong Luật Đầu tư công năm 2019.

10. Đề nghị nghiên cứu tăng thời gian thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ tại điểm a khoản 2 Điều 29 Mục 1 Chương III từ **30 ngày thành 45 ngày**. Vì cùng thời điểm nhiều đơn vị gửi hồ sơ, cơ quan tài chính tại địa phương không đảm bảo thời gian thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán niên độ kịp thời, dẫn đến vi phạm thời gian thẩm định và thông báo quyết toán niên độ trong nhiều năm qua.

11. Đề nghị bổ sung ở cuối điểm a khoản 3 Điều 35: **“Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Các dự án còn lại, sau khi hoàn thành, trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán của chủ đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề xuất người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành xem xét, quyết định (hoặc ủy quyền cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán) việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành”**.

Lý do, kiểm toán độc lập là khâu cuối cùng của quá trình thực hiện dự án đầu tư, giúp người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo theo đúng quy định. Việc có hay không kiểm toán độc lập các dự án còn lại (trừ dự án nhóm A) tùy thuộc vào số lượng dự án mà cơ quan thẩm tra tiếp nhận, tính chất phức tạp của dự án, năng lực của đội ngũ cơ quan thẩm tra tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ dự án. Vì vậy, cần phải có ý kiến của cơ quan thẩm tra trước khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

12. Đề nghị bỏ khoản 3, Điều 42 của dự thảo với lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, việc xác định đơn vị thụ hưởng kết quả dự án phải được xác định cụ thể trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp chưa xác định được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Mặc khác, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng chưa quy định về nội dung tên đơn vị thụ hưởng kết quả dự án trong quá trình thẩm định trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư.

Vì vậy, tại thời điểm chủ đầu tư trình phê duyệt quyết toán, đồng thời phải lập thủ tục bàn giao tài sản cho các đơn vị thụ hưởng sẽ dẫn đến chậm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Do đó, đề nghị điều chỉnh theo hướng chỉ xác định giá trị tài sản hình thành qua đầu tư; đối với đơn vị tiếp nhận tài sản, sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định, trên cơ sở đó chủ đầu tư thực hiện bàn giao tài sản.

13. Điều 46 của dự thảo nghị định đề nghị sửa đổi:

*Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở **tổng mức đầu tư** được duyệt hoặc **tổng mức đầu tư điều chỉnh** của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là **tổng mức đầu tư** của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây: ... ”.*

Lý do, theo quy định tại điểm 2, Điều 4, Chương II Nghị định 68/2019/NĐ-CP thì tổng mức đầu tư xây dựng là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. **Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm** chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá.

Theo quy định tại điểm 1, Điều 8, Chương III Nghị định 68/2019/NĐ-CP thì Dự toán xây dựng là toàn bộ chi phí cần thiết dự tính ở giai đoạn trước khi lựa chọn nhà thầu để xây dựng công trình, các công trình, các gói thầu, được xác định trên cơ sở khối lượng tính toán từ thiết kế kỹ thuật đối với thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với thiết kế 2 bước hoặc thiết kế FEED đối với trường hợp thực hiện theo hình thức EPC, EC, EP, yêu cầu công việc phải thực hiện và định mức, đơn giá xây dựng. **Nội dung dự toán xây dựng gồm:** chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng. Nội dung các khoản mục chi phí trên được quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

Khi thẩm tra và kiểm toán thì sẽ thẩm tra và kiểm toán đầy đủ các chi phí đầu tư của dự án. Vì vậy, việc tính chi phí thẩm tra, kiểm toán trên cơ sở dự toán xây dựng được duyệt sẽ thiếu chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

14. Đề nghị bổ sung trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc tạm ứng vốn cho các nhà thầu tại điểm m khoản 1 Điều 54 như sau: ***“ m.Thu hồi hết số vốn đã tạm ứng, đồng thời chịu trách nhiệm trước phạm luật về những khoản tạm ứng nhưng không thu hồi được”***.

Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- KBNN Quảng Ngãi;
- Sở Tài chính:
- + Giám đốc, các PGĐ;
- + Phòng QLNSTH và TK;
- + Phòng TCHCSN và DN;
- + Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, Diệu.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Hữu Thịnh

**UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~44~~ 44 /STC-TCĐT
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công

Nghệ An, ngày 25 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số: 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Trên cơ sở ủy quyền của UBND tỉnh Nghệ An tại Công văn số 7849/UBND-TH ngày 10/11/2020. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và tổng hợp ý kiến của các sở, ban, ngành và địa phương. Sở Tài chính và các đơn vị cơ bản thống nhất với các nội dung và bố cục của dự thảo. Tuy nhiên, để việc thực hiện quản lý, thanh toán và quyết toán được hiệu quả, thống nhất trong quá trình thực hiện đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung một số nội dung như sau:

1. Tại Điều 9. Hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn

- Đối với nhiệm vụ quy hoạch:

+ Tại tiết a, khoản 1: Chỉ quy định "*Quyết định phê duyệt hoặc văn bản giao nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền, các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có)*", không có quy định hồ sơ Kế hoạch đầu tư công năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, cơ quan kiểm soát không có cơ sở để kiểm soát kế hoạch vốn hoặc dự toán được giao thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

+ Tại tiết b, khoản 1: Chỉ quy định "*Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền, quyết định điều chỉnh (nếu có)*", không kèm theo dự toán được phê duyệt, như vậy việc kiểm soát sẽ không xác định được các chi phí có trong dự toán được duyệt.

- Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

+ Tại tiết c, khoản 2: Chỉ quy định "*Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc công tác chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt*", không có quy định Quyết định phê duyệt dự toán kèm theo. Như vậy, xác định tính pháp lý của dự toán được phê duyệt là không có cơ sở.

- Đối với chi phí quản lý dự án.

+ Tại tiết f, khoản 4 có quy định "*Hợp đồng*". Đề nghị quy cụ thể hơn: hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay là cả hợp đồng lao động.

2. Tại Điều 10. Tạm ứng vốn.

- Tại tiết a, khoản 3 có quy định "*Tổng mức tạm ứng của hợp đồng xây dựng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng mức cao hơn thì phải người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép*". Tuy nhiên, tại Khoản 5, Điều 18 của Nghị định 37/2015/NĐ-CP có quy định mức tạm ứng tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Như vậy, quy định về mức tạm ứng tối đa giữa 2 Nghị định không thống nhất và trong trường hợp đặc biệt muốn ứng cao hơn sẽ khó cho người quyết định xem xét vì Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết hợp đồng xây dựng cho phép tối đa 50% giá trị hợp đồng.

- Tại gạch đầu dòng thứ 3, tiết b, khoản 3 "*Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá 50% dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm) được cấp có thẩm quyền phê duyệt*". Như vậy, nếu đã ứng đủ 50% dự toán thì phần dự toán còn lại phải thực hiện thanh toán là khó khăn cho việc thanh toán chi phí quản lý dự án, không phù hợp với việc quy định phân bổ chi phí quản lý dự án định kỳ 6 tháng và hết năm.

- Tại tiết a, khoản 6 "*Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng. Trường hợp đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng thì thu hồi hết tạm ứng khi giá trị giải ngân ở mức đã được cấp có thẩm quyền cho phép*". Như vậy, nếu quy định thu hồi hết tạm ứng khi giải ngân ở mức tối đa là không thực hiện được, vì tạm ứng là phải thu hồi ngay.

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết d, khoản 7 "*...vốn tạm ứng quá hạn thu hồi 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi tạm ứng theo quy định của hợp đồng...*". Trong thực tế hợp đồng không có quy định rõ thời điểm và mức thu hồi tạm ứng, do đó việc xác định quá thời hạn 03 tháng là không xác định được.

3. Tại Điều 11. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

- Tại tiết a, khoản 1 "*Đối với khối lượng công việc hoàn thành (bao gồm các công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng và thực hiện không thông qua hợp đồng), hồ sơ thanh toán bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyên tiền, giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), bảng xác định*"

giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT)". Việc thanh toán công việc không thông qua Hợp đồng là căn cứ vào dự toán được duyệt, do đó việc lập bảng Mẫu số 03.a/TT là không phù hợp với các chỉ tiêu theo mẫu, vì các chỉ tiêu khối lượng, đơn giá là theo hợp đồng.

- Mục 2, Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Theo quy định tại Khoản 7, Điều 27, Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019, có quy định "*Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản dự án tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư trong vòng 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.*" Do đó, đề nghị bổ sung thêm Điều, khoản về tất toán tài khoản dự án hoàn thành. Thực tế hiện nay có rất nhiều dự án đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành nhưng chưa được tất toán tài khoản để thực hiện lưu trữ theo quy định. Do chưa được bố trí đủ vốn để thanh toán công nợ sau quyết toán, vì vậy cần có điều khoản này để quy định rõ nhiệm vụ của các cơ quan liên quan về việc xử lý công nợ sau quyết toán dự án hoàn thành.

4. Tại Điều 46. Chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, chi phí kiểm toán độc lập

- Tại gạch đầu dòng, khoản 1 "*Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ)*". Việc xác định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ) là không phù hợp. Lý do:

Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là một trong các chi phí cấu thành trong Tổng mức đầu tư của dự án (Điều 4, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP). Do đó, khi phê duyệt dự án, xác định Tổng mức đầu tư thì phải xác định ngay các chi phí này để tổng hợp vào TMĐT của dự án.

5. Tại Điều 55. Xử lý chuyển tiếp.

- Đề nghị bổ sung sửa đổi tiết b, khoản 6, điều 9, Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước. Lý do, hồ sơ tạm ứng, thanh toán chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi có "*Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư*" là không phù hợp.

- Mẫu số 04/TT "Giấy đề nghị thanh toán vốn" có nội dung "Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số:.... ngày ... tháng...năm... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành)". Tuy nhiên, các quy định trong nội dung của Nghị định không có hồ sơ Biên bản

nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Như vậy, nội dung này của Mẫu số 04/TT không phù hợp, đề nghị bỏ cụm từ *(kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành)*.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính Nghệ An đóng góp dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công kính đề nghị Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo)
- Giám đốc sở (để báo cáo);
- Các phó giám đốc;
- Lưu: VT, TCĐT (Tú).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Tùng

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2681/STC-ĐT

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị định của Chính Phủ quy định về Quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 764/UBND-VP5 và Văn bản số 765/UBND-VP5 ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ (kèm theo Văn bản số 13578/BTC-ĐT ngày 04/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP và Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

Sau khi nghiên cứu và xin ý kiến của các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình tổng hợp góp ý một số nội dung như sau:

I. Về Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP.

Cơ bản nhất trí với các nội dung trong dự thảo.

II. Về Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Cơ bản nhất trí với dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định, xong đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Các quy định về mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, số lần tạm ứng (khoản 1 Điều 10); số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng (khoản 2 Điều 11):

Quy định mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, việc thu hồi tạm ứng, số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng trên thực tế là rất khó thực hiện đối với chủ đầu tư và nhà thầu. Vì việc thanh toán không chỉ phụ thuộc vào tiến độ dự án được phê duyệt mà còn phụ thuộc vào kế hoạch vốn hàng năm của dự án, đặc biệt là đối với những dự án có tổng mức đầu tư lớn, thời gian thực hiện dự án kéo dài (chủ đầu tư và nhà thầu không thể dự kiến được lộ trình bố trí vốn hằng năm cho dự án). Việc quy định cứng các điều khoản này trong hợp

đồng sẽ khiến cho Chủ đầu tư và nhà thầu không linh hoạt được trong quá trình thực hiện hợp đồng mà rất có thể phải điều chỉnh, bổ sung hợp đồng nhiều lần cho phù hợp với thực tế.

Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Chủ đầu tư và Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng; đề nghị không nên quy định cứng các nội dung trên vào trong hợp đồng.

2. Về hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn đối với chi phí quản lý dự án đầu tư.

Tại Khoản 4, Điều 9, Dự thảo Nghị định có quy định hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn đối với chi phí quản lý dự án đầu tư gồm:

“...d) *Quyết định giao quyền tự chủ của cấp có thẩm quyền (trường hợp chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị);*

... f) *Hợp đồng.*”

Đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án hay chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để quản lý dự án sẽ không có quyết định giao quyền tự chủ của cấp có thẩm quyền (*cán bộ kiêm nhiệm, không được giao quyền tự chủ*) và cũng không có hợp đồng (*không cần ký hợp đồng*). Do đó, trường hợp này cần loại trừ danh mục tài liệu nêu tại mục d, f Khoản 4 Điều 9 như trên.

3. Về mức vốn tạm ứng tại điểm khoản 3 Điều 10 quy định về mức vốn tạm ứng tối đa

Nhất trí với nội dung Dự thảo về mức vốn tạm ứng tối đa không quá 30% nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công được an toàn, hiệu quả. Xong để thống nhất trong việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bổ sung thêm một khoản ở Điều 55 về xử lý chuyển tiếp nhằm đảm bảo không mâu thuẫn với mức vốn tạm ứng tối đa được quy định tại 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng (*Nghị định 37/2015/NĐ-CP đang quy định mức vốn tạm ứng tối đa không vượt quá 50%*).

Ngoài ra, đối với quy định “*Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng ở mức cao hơn thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép*” thì cần quy định mức trần được tạm ứng tối đa là bao nhiêu?

4. Về danh mục hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành (Điều 11).

Đề nghị bổ sung danh mục hồ sơ thanh toán bao gồm cả bản sao hóa đơn giá trị gia tăng nhằm kiểm soát việc kê khai thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu. Nội dung này đã được Kiểm toán nhà nước kiến nghị tại Văn bản số 100/KTNN-TH ngày 20/01/2020 đề nghị Thủ tướng Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật (có kiến nghị Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư

số 08/2016/TT-BTC liên quan đến việc bổ sung hóa đơn VAT khi thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành).

5. Về trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ.

Mục a, khoản 2 Điều 29 quy định: “*Cơ quan tài chính tại địa phương theo phân cấp quản lý thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ gửi từng sở, phòng, ban thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, chủ đầu tư.....*”. Đề nghị đánh giá sự cần thiết và tính hiệu quả do các nội dung về xét duyệt, thẩm định gồm kế hoạch vốn được giao, số vốn đã giải ngân, số vốn tạm ứng, số vốn thanh toán, số vốn hủy bỏ, kéo dài...(quy định tại Điều 30) đã được cơ quan tài chính, cơ quan kho bạc nhà nước kiểm soát và đối chiếu, qua thực tiễn thì chưa có trường hợp số liệu sai lệch.

6. Về hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình dự án hoàn thành.

Tại Điều 34, Dự thảo Nghị định quy định về hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình dự án hoàn thành: “*Chủ đầu tư phải gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình dự án hoàn thành. Hồ sơ bao gồm các tài liệu....*”.

Căn cứ danh mục tài liệu theo quy định thì số lượng 01 bộ hồ sơ để trình thẩm tra phê duyệt quyết toán là rất nhiều và việc gửi toàn bộ hồ sơ cho cơ quan phê duyệt là không cần thiết. Đề nghị bỏ quy định phải gửi hồ sơ đến cơ quan phê duyệt quyết toán mà chỉ nên quy định một số hồ sơ thiết yếu của cơ quan thẩm tra phải gửi kèm theo như: Bản sao báo cáo quyết toán, bản sao các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

Tại khoản 3 Điều 34: “*Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản*”. Để thuận tiện, đề nghị bổ sung thêm việc yêu cầu bổ sung của cơ quan thẩm tra tại Phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán.

7. Về việc kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành khi dự án đã được Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan thanh tra thực hiện.

Tại Điểm c, Khoản 3, Điều 35, Dự thảo Nghị định quy định về kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình dự án hoàn thành đối với dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra: “*Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định....; không cần thiết phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán*”

Theo quy định trên thì chủ đầu tư vẫn có thể thuê kiểm toán độc lập (*không cần thiết ở đây được hiểu là vẫn có thể thuê hoặc không*) để kiểm toán khi dự án đã được Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định. Như vậy sẽ gây lãng phí, không mang lại hiệu quả trong công tác quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công. Do đó, đề nghị sửa đổi lại nội dung tại Dự thảo Nghị định nêu trên cũng như tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính như sau:

“Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định....; không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán.”

8. Về việc thẩm tra chi phí quản lý dự án.

Tại Khoản 5, Điều 40, Dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung quy định thẩm tra đối với dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý 01 dự án thực hiện quản lý: *“Đối với dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý 01 dự án thực hiện quản lý: Xem xét các chứng từ chi tiêu đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ theo quy định đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Việc quản lý tài sản của ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn ”*

9. Về việc cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Tại Khoản 1, Điều 46, Dự thảo Nghị định quy định cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: Đề nghị quy định lại cho thống nhất cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên cơ sở dự toán của dự án sau loại trừ hay tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ (*dự thảo đang quy định không thống nhất khi đưa ra cả cách xác định theo cả dự toán của dự án sau loại trừ và cả cách xác định theo tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ*).

Theo quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 4, Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là một trong các chi phí cấu thành nên tổng mức đầu tư của dự án. Như vậy các chi phí trên phải được xác định khi lập tổng mức đầu tư của dự án.

Do đó, đề nghị quy định cách xác định chi phí kiểm toán độc lập và thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ (*phù hợp với cách xác định đang được quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính*).

10. Về bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (biểu mẫu số 03a/TT)

Tại mẫu số 03a/TT, cột 9 đề nghị đổi từ đơn giá thành tiền “theo hợp đồng” thành “theo hợp đồng ban đầu” để phân biệt với đơn giá bổ sung và phù hợp với nội dung ghi tại cột số 4 là khối lượng “theo hợp đồng ban đầu” và số 11 là tổng số thành tiền “Theo hợp đồng ban đầu”.

Tại mẫu số 03a/TT, cột 11, Dự thảo Nghị định được quy định là tổng số thành tiền “Theo hợp đồng ban đầu”. Do vậy tại Mục b, Khoản 8, phần Hướng dẫn cách ghi mẫu số 03a; đề nghị sửa “... và cột 11 (phát sinh so với hợp đồng ban đầu)...” thành “... và cột 11 (theo hợp đồng ban đầu) ...”

11. Về giấy rút vốn (biểu mẫu 05/TT) và giấy rút vốn kiêm thu ngân sách nhà nước (biểu mẫu 06/TT).

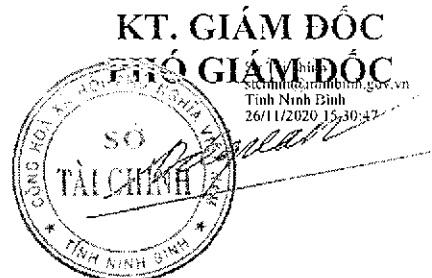
Đề nghị bổ sung thêm số chứng từ và năm ngân sách.

Trên đây là ý kiến tổng hợp góp vào 02 dự thảo Nghị định của Chính phủ, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu VT, ĐT.

TH (02) 



Dương Đức Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **387** /UBND-KT

Hà Nội, ngày **04** tháng **02** năm **2021** TÍNH

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
về quản lý, thanh toán, quyết toán các
dự án sử dụng vốn đầu tư công

ĐẾN	Số: 10501 - BCT
Ngày:	04-02-2021
Chuyển:	M.ĐT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán các dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân Thành phố cơ bản nhất trí với các nội dung trong Dự thảo và đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát một số nội dung sau:

1. Về quy định kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi vốn tạm ứng

Tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 10, nội dung Dự thảo nêu:

“b) Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý.

c) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trước ngày 10 của tháng 7 và trước ngày 28 tháng 02 năm sau, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các cơ quan chủ quản gửi cơ quan tài chính đồng cấp, trong đó phân loại cụ thể số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu các lý do, khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý. Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, cơ quan trung ương để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý.”.

Để giảm quy trình thủ tục hành chính, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi quy định về việc báo cáo định kỳ tình hình thu hồi tạm ứng nêu trên như sau:

“b) Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch, báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các

khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý.

c) **Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trước ngày 10 của tháng 7 và trước ngày 28 tháng 02 năm sau, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các chủ đầu tư gửi cơ quan tài chính đồng cấp, trong đó phân loại cụ thể số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu các lý do, khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý. Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, cơ quan trung ương để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý.**”.

Ngoài ra, để tăng cường trách nhiệm của các chủ đầu tư trong việc thu hồi tạm ứng, hạn chế tạm ứng quá hạn chưa thu hồi, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định bổ sung trách nhiệm của chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp về số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi và các biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi để các địa phương có cơ sở thực hiện.

2. Về nhiệm vụ của các cơ quan tài chính các cấp

a) Tại khoản 4 Điều 51, nội dung Dự thảo nêu: “4. Thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định này.”.

Để phù hợp với quy định tại Điều 8, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi là: “4. Thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đối với trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp trên phân cấp phân bổ theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định này.”.

b) Tại khoản 5 Điều 51, nội dung Dự thảo nêu: “5. Tổng hợp vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn trong nước, vốn nước ngoài), vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư trong phạm vi quản lý.”.

Việc tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm của cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp, do vậy, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bỏ nội dung quy định này.

3. Về chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và chi phí kiểm toán độc lập

Tại Điều 46 Dự thảo có nêu: “Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh

*của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là **dự toán của dự án sau loại trừ**) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây”*

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét chuẩn xác thuật ngữ “quyết toán vốn đầu tư” hay “quyết toán dự án hoàn thành”, đồng thời xác định cơ sở để xác định các chi phí này ở từng giai đoạn quản lý dự án, phù hợp với yêu cầu quản lý (đặc biệt ở bước quyết toán) và thống nhất với các văn bản pháp luật liên quan (điểm e, khoản 4, Điều 4 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 1 trong các chi phí cấu thành tổng mức đầu tư, cần xác định ngay từ khi xác định tổng mức đầu tư).

Trên đây là một số ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố tham gia đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán các dự án sử dụng vốn đầu tư công. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

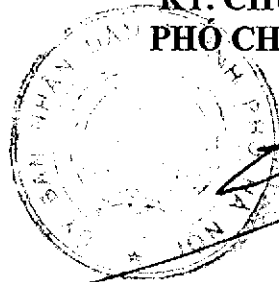
- Như trên;
- PCT UBND Thành phố:
Hà Minh Hải, Dương Đức Tuấn;
- VPUB: CVP, PCVP, V.T.Anh, KT, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT, KT Công.

43948-9

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải

Số: ~~4341~~/BCA-H01

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày ~~15~~ tháng ~~12~~ năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: **112125**

Ngày: **16-12-2020**

Chuyên: **Vụ DT**

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13639/BTC-DT ngày 06/11/2020 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; sau khi nghiên cứu, Bộ Công an cơ bản thống nhất với nội dung của Dự thảo và có thêm ý kiến tham gia như sau:

1. Tại Điều 16 dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán đối với các dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, tuy nhiên Điều 3 dự thảo Nghị định (giải thích từ ngữ) chưa nêu khái niệm về các dự án này. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung nội dung sau vào Điều 3 cho phù hợp với quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 29/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội:

“Dự án đầu tư công có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý là dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh”.

2. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, đối với các dự án được cấp kinh phí theo hình thức lệnh chi tiền, căn cứ lệnh chi ngân sách Bộ Tài chính lập, KBNN thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển kinh phí vào tài khoản tiền gửi do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an làm chủ tài khoản tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán, cấp phát. Do vậy, để tránh chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất giữa các quy định của Chính phủ về cùng một nội dung, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung vào khoản 5 Điều 6 Dự thảo nội dung sau:

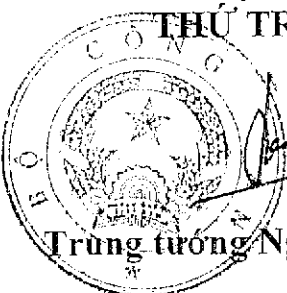
"Bộ Tài chính thực hiện cấp kinh phí (theo tiến độ thực hiện dự án) cho cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán...".

Kính gửi Bộ Tài chính đề tổng hợp, ban hành. *T. Vu*

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- VB1 (để báo cáo Bộ trưởng);
- V01 (để theo dõi);
- Lưu: VT, H01(P6).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trưng tướng Nguyễn Văn Sơn

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *4303* /BQP-TC

Hà Nội, ngày *17* tháng *11* năm 2020

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán
dự án sử dụng vốn đầu tư công

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <i>102829</i> <i>BT</i>
Ngày:	<i>18-11-2020</i>
Chuyên:	<i>VU DT</i>
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Quốc phòng nhận được Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau:

– Khoản 3 Điều 1, sửa thành “*Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành ... hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép ... của cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án*”. Lý do: Quy định rõ cấp có thẩm quyền dừng hoặc chấm dứt thực hiện dự án.

– Bỏ Khoản 3 Điều 3. Lý do: Không có khái niệm “*độ mật cao*” trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018. Đối với các nội dung tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 5, Khoản 5 Điều 7 và Điều 16, sử dụng khái niệm “*Dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước*” được quy định tại Khoản 2 điều 3 thay cho “*Dự án đầu tư công có độ mật cao*” là đầy đủ vì rất nhiều dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý chưa thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư công nhưng vẫn cần đảm bảo bí mật khi kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư.

– Khoản 2 Điều 4, sửa thành “*Đối với dự án đầu tư công thuộc danh mục bí mật nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, căn cứ vào nhiệm vụ, phân cấp quản lý, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền cho một hoặc một số cơ quan tài chính của cấp trực thuộc Bộ làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán và thông báo cho Bộ Tài chính tên cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán*”. Lý do: Căn cứ vào nhiệm vụ, phân cấp quản lý, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sẽ phân cấp quyết định đầu tư cho các đầu mối trực thuộc Bộ và cơ quan tài chính của các đầu mối này sẽ chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư.

– Điều 9:

+ Điểm a, Khoản 1 sửa thành “*Quyết định phê duyệt quy hoạch (quy hoạch điều chỉnh) hoặc Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch (quy hoạch điều chỉnh) của cấp có thẩm quyền*”. Lý do: Để phù hợp với các văn bản pháp luật quy định về quy hoạch.

+ Điểm d và điểm đ viết gọn lại thành “*Trường hợp tự thực hiện, cung cấp các hồ sơ theo quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định của pháp luật về đấu thầu*”. Lý do: Phần trình tự, thủ tục của trường

hợp tự thực hiện đã được quy định chi tiết trong Điều 25 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Mục 4 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

+ Khoản 3: Bổ sung “*Quyết định phê duyệt Thiết kế (kỹ thuật hoặc bản vẽ thi công) – dự toán dự án, công trình của cấp có thẩm quyền*”.

– Điều 10:

+ Điểm a, Khoản 3 và điểm a, Khoản 4: Tổng mức vốn được tạm ứng tối đa cần thống nhất với Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng.

+ Điểm a, Khoản 6, sửa thành: “...*đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng trừ hợp đồng cung cấp hoặc thuê thiết bị, công nghệ hoặc dịch vụ công nghệ*...”.

+ Điểm a, Khoản 7: sửa thành “...*trừ hợp đồng cung cấp hoặc thuê thiết bị, công nghệ hoặc dịch vụ công nghệ*”.

Lý do: Các hợp đồng thuê được tính theo thời gian thuê và bên thuê phải thanh toán trước tiền thuê.

+ Điểm c, Khoản 7: Đề nghị tần suất báo cáo 1 năm/1 lần và hướng dẫn biểu mẫu cho công tác báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư.

– Điều 13:

+ Khoản 1 sửa thành “...*tạm ứng đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch*”.

+ Khoản 2 sửa thành: “... *thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch*”.

Lý do: Phù hợp với Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Luật Ngân sách nhà nước.

– Điều 24:

+ Điểm b, Khoản 1 sửa thành “*Trường hợp mở tài khoản để thanh toán tại tổ chức tín dụng: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản*”

+ Bổ sung quy định “*Đối với dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 15, Điều 16 của Nghị định*”.

– Điều 35:

+ Điểm a, Khoản 3: sửa lại thành “... *Các dự án còn lại người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định việc thực hiện kiểm toán độc lập*...”. Lý do: việc quy định cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án quyết định việc lựa chọn nhà thầu không phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Luật đấu thầu.

– Điều 46: Đề nghị xác định chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên cơ sở Tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng. Lý do: Việc xác định trên cơ sở dự toán được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng sẽ

gây ra vướng mắc khi xác định các chi phí này trong Tổng mức đầu tư tại giai đoạn phê duyệt đầu tư dự án, do chưa có dự toán của dự án tại thời điểm này.

– Mẫu biểu “*Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công*” và “*Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công điều chỉnh*”:

+ Sửa cụm từ “*Thu hồi vốn đã ứng trước*” thành “*Thu hồi vốn đã tạm ứng theo chế độ đến trước năm kế hoạch*”.

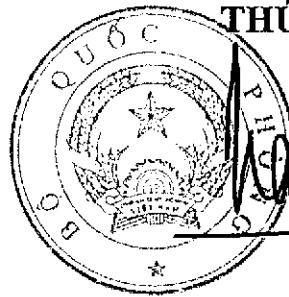
+ Sửa cụm từ “*Trả nợ đọng xây dựng cơ bản*” thành “*Thanh toán khối lượng hoàn thành và tạm ứng theo chế độ trong năm kế hoạch*”

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục Tài chính/BQP;
- Lưu: VT, THBD.b.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Trần Đôn

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8086 /BNN- TC
V/v Góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

Thông nhất ban hành Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Góp ý cụ thể

- Đề nghị bỏ khoản 5 Điều 1 (do được quy định tại khoản 2 Điều 2. Đối tượng áp dụng).

- Tại khoản 4 Điều 3 đề nghị bổ sung: “Giải ngân vốn đầu tư công là việc chủ đầu tư chuyển tiền cho nhà thầu, *cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán* bao gồm tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành”.

- Tại điểm d, khoản 1 Điều 8 đề nghị bổ sung:

“d) Thời gian thực hiện phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm cho các dự án phải trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch hoặc theo thời gian cụ thể trong quyết định giao vốn của cấp có thẩm quyền. Trường hợp được giao bổ sung hoặc điều chỉnh kế hoạch vốn trong năm ngân sách, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày ***nhận được văn bản*** cấp có thẩm quyền quyết định, các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương...”

- Tại Khoản a, mục 1 Điều 10 về nguyên tắc tạm ứng vốn

Nội dung dự thảo “Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, trường hợp có giải phóng mặt bằng thì *phải có biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần)*...”

Tuy nhiên, tại điều 8, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước: “Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có kế

hoạch giải phóng mặt bằng chi tiết của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư”.

Đề nghị giữ nguyên theo nội dung quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 do việc giải phóng mặt bằng rất khó khăn phức tạp, mất nhiều thời gian để có biên bản bàn giao mặt bằng khi đủ 3 bên (Chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức GPMB).

- Tại Khoản a, mục 3 Điều 10 về mức vốn tạm ứng: Dự thảo quy định: Tổng mức tạm ứng hợp đồng xây dựng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có).

Tuy nhiên, tại điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, quy định tỷ lệ tạm ứng hợp đồng xây dựng tương ứng với các loại hợp đồng và mức giá trị hợp đồng khác nhau.

Đề nghị thống nhất quy định về mức vốn tạm ứng với Nghị định số 37/2015/NĐ-CP hoặc phân xử lý chuyên tiếp (nếu bãi bỏ quy định tại Nghị định số 37/2015-CP), nếu không các chủ đầu tư không biết áp dụng theo Nghị định nào nếu cùng lúc có 2 quy định về mức vốn tạm ứng tại 2 Nghị định khác nhau.

- Tại khoản 9 Điều 28 đề nghị soạn thảo rõ hơn để có căn cứ thực hiện. Trường hợp chưa quy định được cụ thể đề nghị chỉnh sửa: *“Bộ Tài chính quy định hệ thống mẫu biểu, bảng xác nhận số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ theo quy định hiện hành”.*

- Tại điểm b, khoản 1 Điều 29 đề nghị điều chỉnh cụ thể “Trường hợp các Bộ, cơ quan trung ương phân cấp quản lý, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư được phân cấp quản lý; cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư và tổng hợp báo cáo quyết toán các dự án thuộc phạm vi được phân cấp quản lý gửi Bộ, cơ quan trung ương để tổng hợp, ~~đối chiếu số liệu với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm sau năm quyết toán~~”.

Việc đối chiếu số liệu quyết toán, lập báo cáo quyết toán của Bộ, cơ quan trung ương đã được quy định tại Điều 28.

- Tại điểm c, khoản 3 Điều 35 đề nghị bổ sung như sau:

*“Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 37 Nghị định này, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung **đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn đầu tư công**. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí thuê kiểm toán độc lập quy định tại Điều 46 Nghị định này....”*

- Tại điểm c, khoản 1 Điều 36 đề nghị làm rõ quy định “Kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án”.

Việc kiểm tra chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quá rộng, đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể phạm vi kiểm tra để giới hạn trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

- Tại Điều 42. Thẩm tra tài sản hình thành qua đầu tư:

Đề nghị bổ sung hướng dẫn thực hiện việc quy đổi vốn đầu tư để làm căn cứ bàn giao giá trị tài sản hình thành qua đầu tư cho đơn vị quản lý và sử dụng. Trường hợp tài sản bàn giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập có bắt buộc quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình.

- Tại Điều 56. Hiệu lực thi hành.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung quy định điều khoản thay thế các quy định về thanh, quyết toán vốn đầu tư được quy định tại Chương VI, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để đảm bảo tính thống nhất.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Như trên:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Kế hoạch;
- Lưu VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

Số: 12028 /BGTVT-KHĐT

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng vốn
đầu tư công

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Giao thông vận tải nhận được văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Giao thông vận tải tham gia ý kiến như sau:

1. Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Đề nghị sửa khoản 6 như sau: “**6. Tạm ứng vốn là việc chủ đầu tư chuyển tiền cho nhà thầu (nhà cung cấp) để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết để triển khai các công việc theo hợp đồng hoặc việc chủ đầu tư tự nhận (đối với trường hợp tự thực hiện) hoặc chuyển tiền cho các đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng.**”

- Đề nghị sửa khoản 11 như sau: “**11. Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều này.**”

2. Điều 9. Hồ sơ pháp lý gửi một lần để kiểm soát, thanh toán vốn

- Đề nghị sửa điểm d, khoản 3 như sau: “**d. Hợp đồng, thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng).**”

- Tại khoản 4 đề nghị bổ sung điểm g như sau: “**g) Đối với cơ quan quản lý dự án là cơ quan tự chủ về chi phí hoạt động thì không phải thực hiện điểm d, e và f khi thực hiện.**”

Lý do: vì các hồ sơ này chỉ liên quan đến hoạt động chi thường xuyên của các Ban QLDA, còn thanh toán chi phí quản lý dự án là không cần thiết.

3. Điều 10. Tạm ứng vốn

- Tại điểm b khoản 1, đề nghị sửa lại cụm từ sau: “- Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, **nhà thầu có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần đảm bảo không vượt mức vốn tạm ứng tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều này.**”

- Khoản 3 điểm a: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP (Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng) quy định: “**Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có).**”. Tuy nhiên, hiện nay Nghị định số 37/2015/NĐ-CP đang được xây dựng sửa đổi. Đề nghị xem xét để thống nhất về tổng mức tạm ứng

giữa Nghị định về hợp đồng xây dựng và dự thảo Nghị định.

- Khoản 3 điểm b: Quy định về mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá 50% dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch. Đề nghị xem xét, nâng mức tạm ứng chi phí quản lý dự án không quá 70% dự toán chi phí quản lý và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch để các Ban QLDA có sự tự chủ trong thực hiện công tác chi tiêu.

- Khoản 4 điểm c, đề nghị chỉnh sửa là: “*c) **Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng)***” cho phù hợp với thực tế vì bản gốc bảo lãnh tạm ứng hợp đồng do chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư giữ.

- Khoản 7 điểm a đề nghị chỉnh sửa là: “*a) Cơ quan kiểm soát, thanh toán đơn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra số vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Cơ quan kiểm soát, thanh toán kiểm tra số dư tạm ứng để đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng trừ hợp đồng cung cấp thiết bị, công nghệ và các trường hợp tạm ứng chi phí ban quản lý dự án cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án*”.

4. Điều 11, Khoản 2 điểm k đề nghị xem xét bổ sung như sau: “*k) Trường hợp trong hợp đồng quy định tạm giữ, chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành và chuyển vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc tại một ngân hàng thương mại (phục vụ cho quyết toán dự án hoàn thành) thì việc thanh toán được thực hiện theo quy định của hợp đồng...*”

5. Điều 22. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

- Đề nghị sửa khoản 3 như sau: “*3. Nhà đầu tư được lựa chọn phải hoàn trả các chi phí chuẩn bị đầu tư cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và ngân sách nhà nước*”.

6. Điều 32, khoản 3. Đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung “*Trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt tách riêng nội dung chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành hạng mục (hợp phần) riêng...*” hoặc sửa đổi như sau “*Các trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch UBND cùng cấp với có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và gửi báo cáo quyết toán đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán chung toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án, không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi*

thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán”. Vì theo các quy định của pháp luật chưa có quy định rõ ràng về việc tách riêng nội dung chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành hạng mục (hợp phần) riêng, nên thời gian vừa qua một số địa phương không thực hiện việc quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (như Thành phố Hà Nội không thực hiện việc phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án mở rộng đường Láng - Hòa Lạc...).

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, một số địa phương chưa trú trọng công tác quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, công tác lập báo cáo quyết toán và phê duyệt quyết toán rất chậm. Thời gian thực hiện dự án thường kéo dài, dự án hoàn thành mới quyết toán GPMB nên gặp nhiều khó khăn khi cán bộ quản lý đã chuyển đi, hồ sơ thất lạc. Do vậy, đề nghị quy định:

+ Thời hạn lập báo cáo quyết toán, phê duyệt quyết toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Nghị định này kể từ khi công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành (không cần chờ theo dự án hoàn thành) và gửi quyết định phê duyệt cho chủ đầu tư dự án để tổng hợp quyết toán.

+ Trường hợp địa phương không phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chủ đầu tư dự án có văn bản đề nghị địa phương phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo số liệu kinh phí đã chuyển cho địa phương và thời hạn phê duyệt quyết toán. Trong vòng 6 tháng kể từ khi chủ đầu tư gửi văn bản lần thứ 03 đến địa phương vẫn không thực hiện phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chủ đầu tư dự án tổng hợp giá trị quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo số liệu kinh phí đã chuyển cho địa phương. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá trị quyết toán.

7. Điều 34. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

- Tại khoản 1 đề nghị sửa cụm từ sau: “1. Đối với dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công **đình hoãn hoặc** dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:...”

- Đề nghị sửa điểm đ khoản 1 như sau: “đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính), văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính) **đối với công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình hoặc bộ phận độc lập hoàn thành, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đình hoãn hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính) trường hợp dự án, công trình đình hoãn hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, thiết bị**”.

8. Điều 35, khoản 3. Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

- Đề nghị sửa điểm a) như sau:

“a) Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành đều phải kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định hoặc quy định chung việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành....”

Lý do: Dự án nhóm B giá trị rất lớn (2.300 tỷ đồng), do vậy cần có kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán; Nội dung *các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành* dễ bị hiểu lầm quyết định trúng thầu nhà thầu kiểm toán.

- Điểm c: Đề nghị bổ sung và hướng dẫn việc chủ đầu tư xác định chi phí kiểm toán bổ sung đối với trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra dự án hoặc gói thầu khi chưa hoàn thành công tác quyết toán A-B.

9. Điều 40. Thẩm tra chi phí đầu tư: Đề nghị bổ sung hướng dẫn việc thẩm tra quyết toán đối với hợp đồng theo hình thức EPC.

10. Điều 42. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư và Điều 33. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành: Đề nghị hướng dẫn rõ việc xác định tài sản hình thành sau đầu tư theo quy định của Luật Tài sản công, trong đó hướng dẫn cụ thể việc điều chuyển tài sản từ trung ương về địa phương và ngược lại, xác định đơn vị tiếp nhận tài sản các dự án đầu tư công có nguồn vốn ngân sách trung ương nhưng trong dự án có phần xây dựng, hoàn trả các công trình của địa phương.

11. Điều 46. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán độc lập

11.1. Đối với các gói thầu kiểm toán thuộc dịch vụ tư vấn, do đó theo quy định tại Điều 62 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói, đồng thời giá gói thầu được phê duyệt là cơ sở xem xét lựa chọn nhà thầu, tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá trị trong hợp đồng. Do vậy, với quy định việc quyết toán chi phí kiểm toán tính tỷ lệ (%) của giá trị quyết toán công trình có thể vướng mắc trong quá trình thực hiện khi phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói.

11.2. Đối với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

Trong quá trình quản lý sử dụng chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán, Bộ GTVT gặp nhiều vướng mắc, Bộ GTVT đã có văn bản số 5630/BGTVT-TC ngày 14/6/2019 báo cáo về các vướng mắc đề nghị Bộ Tài chính đã có văn bản số 8373/BTC-ĐT ngày 22/07/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Bộ GTVT đã có văn bản số 10852/BGTVT-TC ngày 14/11/2019 tham gia góp ý sửa đổi Thông tư về quyết toán

dự án hoàn thành, trong đó tiếp tục báo cáo các vướng mắc đề nghị làm rõ. Tuy nhiên, Thông tư số 10/2020/TT-BTC và dự thảo Nghị định này việc hướng dẫn vẫn chưa rõ ràng, do vậy kiến nghị làm rõ và hướng dẫn một số nội dung sau:

a) Xác định rõ tính chất công việc thẩm tra quyết toán hay thẩm định quyết toán.

- Việc thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt là của cơ quan hành chính nhà nước (cơ quan tham mưu của cấp quyết định đầu tư dự án đầu tư công), lệ phí thẩm định theo quy định tại Nghị định số 120/ 2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Việc thẩm tra là dịch vụ tư vấn thẩm tra của tổ chức tư vấn, thẩm tra được tính chi phí theo quy định của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Do vậy, đề nghị xác định lại cho rõ công việc này là thẩm định thì tính theo lệ phí. Nếu là thẩm tra thì xác định theo chi phí.

b) Đối với cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán là các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ thẩm tra là các công chức theo vị trí việc làm hưởng lương từ nguồn kinh phí tự chủ ngân sách nhà nước cấp hàng năm (theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 và các quy định có liên quan). Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính cần có hướng dẫn rõ đối với đối với các chi phí hỗ trợ, chi phí bổ sung do thực hiện công tác quyết toán ngoài nhiệm vụ chi hành chính sử dụng nguồn kinh phí tự chủ ngân sách cấp, theo hướng như sau:

- Về chi phí thẩm tra tối đa theo tỷ lệ % giá trị quyết toán tại dự thảo Nghị định: Đối với các cơ quan có nhiều dự án quyết toán, dự án có TMĐT lớn (VD: Bộ GTVT, Bộ NNPTNN, Hà Nội, TP.HCM...), cần có khảo sát đánh giá để tính toán xác định tỷ lệ % chi phí thẩm tra quyết toán hợp lý, phù hợp.

- Việc quyết toán dự án hoàn thành đối với chi phí thẩm tra theo giá trị thực tế chi là khó khả thi, vì còn phụ thuộc vào kế hoạch vốn nếu chưa được bố trí thì chưa có chứng từ chi, mặt khác đối với các dự án nhóm C chi phí thẩm tra rất nhỏ, trong khi số lượng dự án rất lớn (như đối với sửa chữa định kỳ, đột xuất đường bộ trên 500 triệu phải phê duyệt quyết toán thì số lượng dự án hàng nghìn dự án/năm, rất khó có thể phân bổ, hạch toán chứng từ chi theo từng dự án), cần hướng dẫn rõ việc mở sổ theo dõi, hạch toán nguồn kinh phí thẩm tra theo dự án. Do vậy, đề nghị việc quyết toán dự án hoàn thành đối với chi phí thẩm tra quyết toán theo tỷ lệ % tại nghị định này (như quyết toán dự án hoàn thành theo tỷ lệ % đối với chi phí QLDA), phần kinh phí thẩm tra không sử dụng hết do không còn nhiệm vụ chi, cơ quan thẩm tra quyết toán nộp NSNN, không phải điều chỉnh lại giá trị đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập dự toán chi phí thẩm tra không vượt tỷ lệ quy định, trình người phê duyệt quyết toán phê duyệt dự toán chi phí thẩm tra. Căn cứ dự toán được duyệt, Cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị chủ đầu tư chuyển kinh phí thẩm tra theo dự toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

- Về chế độ chi:

+ Nội dung “*Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán*” rất khó thực hiện, có thể có cách hiểu khác nhau giữa cơ quan thẩm tra với cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, vướng mắc trong quá trình thực hiện, mỗi cơ quan có cách tính, cách hiểu khác nhau. Do vậy, đề nghị hướng dẫn cụ thể như sau “*Chi hỗ trợ cho các cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán của từng dự án (hợp phần, tiểu dự án, hạng mục độc lập) hoàn thành. Mức hỗ trợ một tháng cho một cá nhân bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó, số tháng được tính hỗ trợ là số tháng thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối đa theo quy định tại Nghị định này. Tổng số tiền hỗ trợ cho mỗi cá nhân trong năm không được vượt quá số tiền lương và phụ cấp lương một năm của cá nhân đó*” (mức hỗ trợ này như mức hỗ trợ tại Quyết định số 3171/QĐ-BTC ngày 14/12/2012, Bộ trưởng Bộ Tài chính duyệt dự toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1; tương tự như phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án quy định tại khoản 3, Điều 11, Thông tư số 72/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính)

+ Nội dung “*Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn*” đề nghị hướng dẫn Tổ chức Tư vấn thẩm tra do cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép, hướng dẫn nguyên tắc mức chi trả.

+ Nội dung “*Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ trực tiếp công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán*” rất khó khăn trong việc tách chùng từ chi sử dụng từ nguồn kinh phí thẩm tra tăng thêm so với nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí tự chủ được ngân sách cấp; nội dung “*Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành*” đề nghị hướng dẫn rõ cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán có được sử dụng kinh phí thẩm tra quyết toán để chi một số khoản chi không thường xuyên phục vụ công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán hay không? (như chi phí: sửa chữa kho lưu trữ hồ sơ quyết toán; trang thiết bị để lưu trữ hồ sơ quyết toán; chỉnh lý hồ sơ quyết toán; sửa chữa phòng họp quyết toán, phòng làm việc cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán). Các chi phí nêu trên nếu được sử dụng nguồn kinh phí thẩm tra quyết toán thì đề nghị hướng dẫn rõ phương pháp, nguyên tắc phân bổ các chi phí này (ví dụ phân bổ chi phí như: theo tỷ lệ số người thẩm tra (x) thời gian thực hiện công tác thẩm tra /số lượng công chức của đơn vị (x) với các chi phí tương ứng của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán);

Mặt khác, chi phí thẩm tra quyết toán đã là chi phí khác trong TMDT, nếu không hướng dẫn rõ được các khoản chi thì đề nghị bỏ nội dung “*Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán*” để tránh việc trùng lặp với nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí hành chính được ngân sách cấp hàng năm.

12. Điều 42. Chế độ báo cáo

- Bổ sung khoản “*Chậm nhất vào ngày ngày 20 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 12/QTDA gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán*”

- Các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh phải tổng hợp rất nhiều cấp từ Ban QLDA, lên chủ đầu tư, lên cơ quan phê duyệt được phân cấp, do vậy điều chỉnh thời gian báo cáo từ 30/01 sang 30/02, sửa khoản 2 như sau “*Chậm nhất vào ngày 30 tháng 02 năm sau năm báo cáo, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm báo cáo do đơn vị mình quản lý theo Mẫu số 12/QTDA gửi Bộ Tài chính*”

13. Đề nghị bổ sung hướng dẫn một số trường hợp sau

a) Việc quyết toán đối với:

- Trường hợp dự án bị đình hoãn lâu ngày chưa có kế hoạch triển khai tiếp được người quyết định đầu tư cho phép quyết toán điểm dừng kỹ thuật (ví dụ như dự án đường sắt Yên Viên-Phả Lại-Hạ Long-Cải Lân được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại văn bản số 5921/VPCP-CN ngày 7/6/2017, Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán đến điểm dừng kỹ thuật tại văn bản số 1546/BTC-ĐT ngày 7/02/2017 và văn bản số 14656/BTC-ĐT ngày 30/10/2017);

- Dự án đầu tư công đang thực hiện dở dang được người quyết định đầu tư chuyển sang đầu tư theo hình thức PPP (văn bản hướng dẫn số 4565/BTC-ĐT ngày 18/4/2019 của Bộ Tài chính)

b) Quy định trách nhiệm của các Chủ đầu tư khác; kho bạc nhà nước Trung ương, địa phương trong việc phối hợp thu hồi vốn tạm ứng cho ngân sách nhà nước.

Lý do: Một số công trình/dự án đã được Chủ đầu tư thực hiện thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu theo quy định pháp luật và hợp đồng, nhưng vì lý do khách quan nên công trình/dự án không triển khai thực hiện được; tuy nhiên, việc thực hiện thu hồi tạm ứng đối với nhà thầu là rất khó khăn do khác chủ đầu tư, nguồn vốn...

c) Tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước có một số Biểu mẫu về cơ bản giống như Biểu mẫu tại Dự thảo Nghị định như sau: Mẫu số 08b với 03aTT: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Mẫu số 11 với 04/TT: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Mẫu số 16b1 với 05/TT: Giấy rút vốn đầu tư.... do đó đề nghị thống nhất các Biểu mẫu giữa các Nghị định.

d) Theo Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất: tại khoản 2, Điều 5 quy định “2. Các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định như khoản 1 Điều 5 Thông tư này, các cơ quan, đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước”. Tuy nhiên hiện nay Thông tư này đã hết hiệu lực, đề nghị có hướng dẫn cụ thể nội dung này trong dự thảo Nghị định.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Giao thông vận tải đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Tài chính;
- Lưu VT, KHĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Nhật

BỘ XÂY DỰNG



Bộ Xây dựng

11-12-2020

16:20:44

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~5953~~3/BXD-KHTC

V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh toán,
quyết toán dự án sử dụng vốn đầu
tư công

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (dự thảo). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng cơ bản thống nhất với nội dung của dự thảo; để hoàn thiện dự thảo đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung sau:

1. Đề nghị sửa, điều chỉnh nội dung tại điểm b khoản 6 Điều 6 của dự thảo thành: “Cơ quan chủ quản thay mặt chủ đầu tư đề nghị **để chủ đầu tư** thực hiện giao dịch thanh toán vốn đầu tư công với cơ quan kiểm soát, thanh toán”.

2. Về việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công tại các dự án PPP:

Đối với dự án PPP, ngoài vốn đầu tư công, dự án PPP có thể có một hoặc một số nguồn vốn khác. Ngoài ra, việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư tại các Dự án PPP có quan hệ mật thiết với các nội dung hợp đồng thực hiện dự án, hợp đồng xây dựng thuộc dự án. Vì vậy, việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP sẽ phức tạp và có nhiều điểm khác biệt với quản lý, thanh toán vốn đầu tư của dự án sử dụng vốn đầu tư công thuần túy. Trong dự thảo Nghị định đã có những quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP. Tuy nhiên, đơn vị soạn thảo cần nghiên cứu, quy định chi tiết hơn để thuận lợi trong quá trình thực hiện.

Bên cạnh đó, hiện nay Bộ Tài chính cũng đang dự thảo nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án PPP, trong đó cũng có các quy định về quản lý, sử dụng thanh toán vốn nhà nước trong dự án PPP, quy định về quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, quy định đảm bảo đồng bộ giữa các Nghị định.

3. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án có cấu phần xây dựng có quan hệ mật thiết với quản lý, thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng. Các quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng đã được quy định cụ thể trong Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về hợp đồng xây dựng và đang được triển khai thực hiện ổn định trong thời gian qua, không có vướng mắc lớn, phù hợp với đặc thù của ngành xây

dựng. Theo ý kiến của Bộ xây dựng, đối với các quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng đã được quy định cụ thể trong Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, trong dự thảo Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán không cần thiết phải quy định lại, mà có thể dẫn chiếu sang để tránh chồng chéo.

Qua rà soát, đối chiếu với các quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, một số quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán trong dự thảo Nghị định còn chưa phù hợp với các quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và cũng chưa phù hợp với thực tế triển khai của ngành xây dựng, cụ thể như sau:

- Điểm a khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định Bảo lãnh tạm ứng phải có giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng. Tuy nhiên, điểm a khoản 4 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định bảo lãnh tạm ứng phải có giá trị *và loại tiền tương đương* khoản tiền tạm ứng hợp đồng.

- Dự thảo Nghị định quy định Bảo lãnh tạm ứng được thực hiện sau khi có *biên bản bàn giao mặt bằng*. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP chỉ yêu cầu có *kế hoạch giải phóng mặt bằng*.

- Dự thảo Nghị định quy định mức tạm ứng vốn tối đa là 30% giá trị hợp đồng, mức tạm ứng tối đa này chưa phù hợp với quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP (50% giá trị hợp đồng). Đồng thời Nghị định 37/2015/NĐ-CP còn quy định các mức tạm ứng tối thiểu tùy theo từng loại hình hợp đồng xây dựng.

- Đề nghị nghiên cứu lại quy định *mức tạm ứng vốn không vượt kế hoạch đầu tư công của năm (tương ứng với từng nguồn vốn)*. Với quy định này thì việc thỏa thuận trong hợp đồng về tạm ứng hợp đồng không còn ý nghĩa. Trong khi Nghị định số 37/2015/NĐ-CP đã quy định hợp đồng xây dựng có hiệu lực là cơ sở pháp lý cao nhất mà bên giao thầu, bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện. Quy định như trong dự thảo Nghị định có thể làm các Chủ đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công vi phạm quy định của hợp đồng dẫn tới các tranh chấp hợp đồng, làm kéo dài tiến độ thực hiện các dự án.

- Về thời hạn thu hồi tạm ứng: Dự thảo Nghị định quy định *tiền tạm ứng phải được thu hồi lại nếu quá thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện*. Tuy nhiên, việc nhà thầu không thực hiện hợp đồng có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó có thể có các nguyên nhân khách quan hoặc do lỗi của bên giao thầu. Trong trường hợp này, nếu thực hiện thu hồi tiền tạm ứng của Nhà thầu thì chưa thực sự phù hợp và bình đẳng với các nhà thầu. Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, quy định thu hồi tiền tạm ứng trong từng trường hợp cụ thể, theo từng nguyên nhân của việc không thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về việc thu hồi tiền tạm ứng trong trường hợp hợp đồng bị tạm dừng.

- Theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, thành phần hồ sơ phục vụ thanh toán được quy định tương đối cụ thể, chi tiết theo từng loại hợp đồng xây dựng. Tuy nhiên, một số quy định trong dự thảo Nghị định lại chưa được cụ thể như Nghị định số 37/2015/NĐ-CP đã quy định.

- Đề nghị bỏ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán đối với hợp đồng ủy thác quản lý dự án cho phù hợp với quy định trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng đang được Bộ Xây dựng xây dựng trình Chính phủ.

4. Đề nghị sửa, bổ sung nội dung quy định tại Điều 19 của dự thảo thành: “Cơ quan chủ quản/**Chủ đầu tư (được ủy quyền)** gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch các tài liệu cơ sở của dự án ...”. Tương tự, đề nghị sửa các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 2 và 3 Điều 21 của dự thảo.

5. Tại khoản 2 Điều 36, đề nghị sửa lại thành: “Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại **Điều 37** của Nghị định này: ”.

6. Theo nhiệm vụ được Chính phủ giao, hiện nay Bộ Xây dựng đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP đã được Bộ Xây dựng gửi tới Bộ Tài chính để xin ý kiến. Đề nghị đơn vị soạn theo nghiên cứu, dự thảo các quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án cho phù hợp với các nội dung mới trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, như các quy định về hợp đồng quy mô nhỏ theo hướng đơn giản các thủ tục để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh toán vốn đầu tư.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục KTXD;
- Lưu: VT, KHTC(PHH).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quang Hùng

A. long

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4904/BTTTT-KHTC**

Hà Nội, ngày **10** tháng **12** năm 2020

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

W 14/12

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 110231/BT
Ngày:	11-12-2020
Chuyển:	Vu DT
Số và ký hiệu HS:	

Phúc đáp Công văn số 14880/BTC-ĐT ngày 03/12/2020 của Quý Bộ về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) có ý kiến như sau:

- Ngày 18/8/2020, Bộ TTTT đã có Công văn số 3162/BTTTT-KHTC góp ý với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Sau khi rà soát, kiểm tra Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công ngày 04/11/2020 được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Quý Bộ, Bộ TTTT nhận thấy một số nội dung chưa được cập nhật và sửa đổi theo ý kiến góp ý của Bộ TTTT tại Công văn số 3162/BTTTT-KHTC nêu trên.

Do đó, đề nghị Quý Bộ xem xét sửa đổi và tổng hợp các nội dung góp ý của Bộ TTTT tại Công văn số 3162/BTTTT-KHTC nêu trên.

Trân trọng./. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Vụ Đầu tư - Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC, HH(8).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Anh Tuấn

Số: 3162 /BT-TT-KHTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư)

Phúc đáp Công văn số 9775/BTC-ĐT ngày 13/8/2020 của Quý Bộ về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản Bộ TTTT nhất trí với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công kèm theo Công văn số 9775/BTC-ĐT ngày 13/8/2020 nêu trên.

2. Nội dung góp ý cụ thể:

a) Điều 7 của Dự thảo:

- Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*tổng dự toán*” trong nội dung khoản 2 điều này thành: “*tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư, tổng dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;...*”;

- Bổ sung nội dung: Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn ban hành quy trình hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư công.

b) Khoản 3 Điều 10 của Dự thảo:

Tại Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng đã quy định mức tạm ứng không vượt quá 50% giá trị hợp đồng và có quy định về mức tạm ứng tối thiểu đối với từng loại hợp đồng. Do đó, đề nghị sửa lại quy định về *tỷ lệ mức tạm ứng* tại khoản này để đảm bảo thống nhất giữa các Nghị định của Chính phủ.

c) Khoản 4 Điều 10 của Dự thảo:

- Đề nghị bổ sung quy định về *mức tạm ứng tối thiểu* đối với từng loại hợp đồng để nhà thầu có đủ nguồn lực triển khai hợp đồng đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ;

- Theo quy định tại điểm a khoản này thì hợp đồng không có cấu phần xây dựng sẽ bao gồm cả hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị. Do đó, việc quy định mức vốn tạm ứng đối với hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị tại điểm d cần phải được thống nhất với quy định tại điểm a khoản này. Nếu vẫn quy định mức vốn tạm ứng đối với hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị như điểm d thì cần phải bổ sung thêm trong điểm a khoản này cụm từ “*trừ quy định tại điểm d khoản này*”.

d) Khoản 2 Điều 13 của Dự thảo:

Việc cho phép thời hạn thanh toán vốn đầu tư công cho khối lượng hoàn thành trong năm kế hoạch của dự án là hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch cho *khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch* là không khả thi và khó khăn trong việc kiểm soát khối lượng nghiệm thu hoàn thành trong năm kế hoạch. Do đó, đề nghị sửa lại thời gian *khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch*.

đ) Điều 31 của Dự thảo:

Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*tổng dự toán*” trong nội dung điều này thành: “... Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư, tổng dự toán được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật”.

e) Điểm b khoản 2 Điều 32 của Dự thảo: Sửa lỗi dẫn chiếu vì không có điểm a khoản 3 Điều này nên đề nghị sửa lại thành “*khoản 1 Điều này*”.

g) Khoản 1 Điều 34 của Dự thảo:

- Tại điểm c khoản này quy định chủ đầu tư sao y bản chính là không đúng quy định về thẩm quyền sao y nếu bản chính do cấp có thẩm quyền cao hơn chủ đầu tư ban hành. Do đó, đề nghị sửa lại thành: “Việc sao y văn bản thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật”.

- Đề nghị bổ sung thêm các nội dung sau:

+ Hóa đơn tài chính và chứng từ thanh toán của dự án (chủ đầu tư sao y bản chính);

+ Các tài liệu khác liên quan đến dự án theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

h) Khoản 2 Điều 34 của Dự thảo:

Đề nghị bổ sung thêm các nội dung sau:

+ Hóa đơn tài chính và chứng từ thanh toán của dự án (chủ đầu tư sao y bản chính);

+ Các tài liệu khác liên quan đến dự án theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

i) Điều 40 của Dự thảo:

Đề nghị bổ sung cụm từ “*tổng dự toán*” sau cụm từ “*tổng mức đầu tư*” trong nội dung điều này.

k) Điều 46 của Dự thảo:

- Đề nghị bổ sung nội dung trong điểm b khoản 2 điều này: Chi khen thưởng cho cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện công tác thẩm tra, quyết toán dự án hoàn thành;

- Đề nghị bổ sung cụm từ “*tổng dự toán*” sau cụm từ “*tổng mức đầu tư*” trong nội dung khoản 3 điều này.

l) Điều 48 của Dự thảo:

Theo quy định về thời hạn thanh toán vốn tối đa đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Do đó việc quy định thời hạn 20 tháng 01 hằng năm hoặc 30 tháng 01 hằng năm tại khoản 2 điều này là không phù hợp.

Do đó, đề nghị điều chỉnh tương ứng theo các mốc thời gian sau: Chủ đầu tư gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau và Cơ quan thẩm tra gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 năm sau để đảm bảo đồng bộ với thời gian thanh toán vốn.

m) Khoản 2 Điều 52: Nếu để chung chủ thể trong cụm từ *Cơ quan chủ quản (chủ dự án)* sẽ gây nhầm lẫn giữa Cơ quan chủ quản và Chủ dự án (trừ trường hợp Cơ quan chủ quản đồng thời là Chủ dự án). Do đó, đề nghị xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng chứng từ kiểm soát chi điện tử do cơ quan kiểm soát, thanh toán (kho bạc Nhà nước) ban hành đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn nước ngoài.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ TTTT đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, đề nghị Quý Bộ xem xét, tổng hợp theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC, HH(6).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Ký bởi: Bộ thông tin và Truyền thông
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông
Thời gian ký: 18/08/2020 14:11:58

Phạm Thị Phương Nhung
Phạm Thị Phương Nhung

M. Long
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1294*/KTNN-CD

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Hà Nội, ngày *20* tháng *11* năm *2020*

ĐẾN Số: *104538*

Ngày: *23-11-2020*

Chuyên: *16*

Số và ký hiệu HS:

Tr 2410/1
Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Kiểm toán nhà nước sau khi nghiên cứu, tham gia góp ý đối với dự thảo như sau:

1. Điều 10, Khoản 1. Nguyên tắc tạm ứng vốn

- Đề nghị bổ sung nguyên tắc tạm ứng vốn đối với các loại hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng công trình - EC, Hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ - EP, Hợp đồng EPC được quy định tại Điều 3, Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Lý do: Giá trị hợp đồng các loại hợp đồng trên bao gồm phần chi phí khảo sát thiết kế và chi phí xây dựng, thiết bị. Do đó cần quy định chỉ cho tạm ứng phần xây dựng, thiết bị khi thiết kế đã được phê duyệt. Tránh trường hợp cho nhà thầu tạm ứng trên tổng giá trị hợp đồng nhưng tiến độ công tác khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế chậm tiến độ dẫn đến sử dụng không hiệu quả nguồn vốn tạm ứng.

- Đề nghị bổ sung quy định mức tạm ứng hợp đồng xây lắp không vượt quá chi phí xây dựng của phần đã giải phóng được mặt bằng.

Lý do: Điều 10, Khoản 3, Điểm a quy định “Trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần)...” thì được xem xét tạm ứng. Điều này có thể dẫn đến khi mới bàn giao được một phần nhỏ mặt bằng nhưng đã tạm ứng số tiền lớn hơn cả chi phí xây dựng của phần đã giải phóng mặt bằng, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

2. Điều 10, Khoản 2, Điểm b. Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng.

Đề nghị xem lại quy định “...chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh tạm ứng vốn theo nội dung nêu tại điểm a khoản 6 Điều này...”.

Lý do: Điểm a Khoản 6 chỉ quy định về công tác thu hồi tạm ứng, không quy định về nộp bảo lãnh tạm ứng.

3. Điều 10, Khoản 3. Mức vốn tạm ứng

- “Tổng mức tạm ứng hợp đồng xây dựng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng....Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng ở mức cao hơn thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép...”.

Đề nghị quy định rõ trường hợp nào được tạm ứng cao hơn mức 30%; căn cứ để xác định mức tạm ứng cao hơn; hồ sơ thủ tục để tạm ứng ở mức cao hơn; quy định về quản lý sử dụng phần vốn tạm ứng cao hơn hạn mức; trách nhiệm của người cho phép tạm ứng cao hơn hạn mức nếu vốn được sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả; tạm ứng cao hơn hạn mức để mua vật liệu, bán thành phẩm có được bù giá không;...để tránh lạm dụng chính sách, cơ chế xin cho.

4. Điều 10, Khoản 6. Thu hồi tạm ứng: “...mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu,...đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng”.

Đề nghị xem xét quy định tỷ lệ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán để đảm bảo công bằng giữa các nhà thầu, các dự án. Việc để chủ đầu tư và nhà thầu tự thống nhất tỷ lệ thu hồi tạm ứng có thể dẫn đến cơ chế xin cho.

5. Điều 35, Khoản 3. Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: “Trường hợp Kiểm toán nhà nước,...có quyết định kiểm toán,...khi nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán thì nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết”.

Đề nghị xem xét bổ sung quy định trường hợp những nội dung kiểm toán độc lập chưa thực hiện theo hợp đồng đã ký nhưng đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán thì Chủ đầu tư thương thảo với nhà thầu kiểm toán độc lập để giảm chi phí kiểm toán độc lập (không làm lại nội dung đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán).

6. Điều 40, Khoản 1. Nguyên tắc thẩm tra chi phí đầu tư: “...Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu theo quy định”.

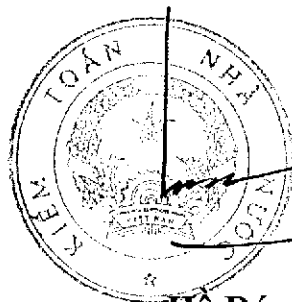
Đề nghị quy định rõ những trường hợp nào cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán được kiểm tra hồ sơ hoàn công để đảm bảo tính thống nhất, công bằng giữa các dự án, tránh trường hợp có thể lạm dụng chính sách. Trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công thì cần quy định rõ trình tự, thủ tục, hồ sơ, trách nhiệm của người kiểm tra, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

Trên đây là ý kiến tham gia của Kiểm toán nhà nước đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. / *ĐP*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng KTNN;
- Các Phó Tổng KTNN;
- Vụ Chế độ và KSCLKT; Pháp chế;
- Lưu: VT, CĐ.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Hồ Đức Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SỞ TÀI CHÍNH

Số 7627 /STC-ĐT

Về góp ý dự thảo Nghị định quy
định về quản lý, thanh toán, quyết
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 107223.....

Ngày: 01-12-2020

Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) HS:.....

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 9674/VP-DA ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, theo đó: “*Giao Sở Tài chính nghiên cứu dự thảo Nghị định và các ý kiến góp ý của các đơn vị; tổng hợp và có văn bản góp ý gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) trước ngày 16 tháng 11 năm 2020*”.

Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, đồng thời có một số góp ý cụ thể như sau:

I/. Về nội dung dự thảo:

1) Tại Điều 1:

- **Khoản 1**, dự thảo: “*Quản lý, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công, bao gồm: ...vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ quy hoạch...*”:

Đề nghị bổ sung quy định cụ thể (hoặc giao trách nhiệm cho cơ quan chủ trì hướng dẫn) các loại quy hoạch nào theo quy định hiện hành của Luật Xây dựng 2014, Luật Quy hoạch 2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư công 2019 được sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

- **Khoản 5**, dự thảo: “*Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ*”.

Đề nghị bổ sung nội dung quy định hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công đối với các nội dung này, vì thực tế, các nội dung trên vẫn được thực hiện từ nguồn vốn đầu tư công,

2) Tại Điều 3:

- Khoản 11, dự thảo: “Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại Khoản 9 điều này,”

- Khoản 9 dự thảo: “*Tabmis* là hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc”

- Khoản 10, dự thảo: “Vốn nước ngoài là vốn đầu tư công nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước).”

Do đó, đề nghị điều chỉnh nội dung Khoản 11, Điều 3 như sau: “Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại Khoản 10 điều này.”

- Để thống nhất cách hiểu (định nghĩa) cụm **vốn từ nguồn thu hợp pháp** của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công, đề nghị bổ sung quy định giải thích từ ngữ của cụm từ vốn từ nguồn thu hợp pháp.

3) Tại Điều 8 (kiểm tra phân bổ):

Điểm a, Khoản 1, Mục 1 (Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước), dự thảo: “Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, kế hoạch bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách), các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) triển khai các nội dung sau:

a) Thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB kèm theo Nghị định này (trong đó, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo quy định hiện hành về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước) gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra phân bổ và thực hiện việc quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp và Bộ Tài chính (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để quản lý, tổng hợp và báo cáo.”

Theo quy định tại Điều 61, 63 Luật Đầu tư công 2019, cơ quan giao kế hoạch đầu tư công là Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. Nội dung dự thảo quy định Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra. Do cơ quan tài chính cùng cấp là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp. Đề nghị tách nội dung điểm a thành 02 phần như sau:

“Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, kế hoạch bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách), các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) triển khai các nội dung sau:

a.1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương, đơn vị dự toán cấp I ở địa phương: thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB kèm theo Nghị định này (trong đó, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo quy định hiện hành về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước) gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra phân bổ và thực hiện việc quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp để quản lý, tổng hợp và báo cáo.

a.2. Đối với Ủy ban nhân dân các cấp: giao cơ quan quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 02/PB kèm theo Nghị định này (trong đó, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo quy định hiện hành về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước), gửi cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra nội dung phân bổ để đảm bảo thực hiện việc quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành; đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp và cơ quan tài chính, kế hoạch cấp trên để quản lý, tổng hợp và báo cáo”.

3) Tại Điều 11 (hồ sơ thanh toán):

Khoản 1 dự thảo: “Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền, giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Mẫu số 03.b/TT), hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân, giải phóng mặt bằng).

Đề nghị điều chỉnh: Đối với công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn, chứng từ chuyển tiền, giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); **bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT).**

5. Tại Điều 32 (đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư):

Khoản 3 dự thảo: “Trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt tách riêng nội dung chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành hạng mục (hợp phần) riêng, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chung toàn bộ dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt quyết toán”.

Do đây là nội dung quyết toán chi phí bồi thường, đề nghị điều chỉnh cụm từ “phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành” thành cụm từ “phê duyệt quyết toán hạng mục chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”, tương tự áp dụng thống nhất cho các nội dung liên quan khác.

6. Tại Điều 33:

Khoản 1 dự thảo:

“1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:

- a) Nguồn vốn đầu tư công thực hiện dự án (chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể).
- b) Tổng chi phí đầu tư công đề nghị quyết toán hoàn thành, chi tiết theo cơ cấu (bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác)....”

Thực tế có những dự án có nhiều nguồn vốn, trong đó có vốn ngân sách nhà nước, vốn tự có của đơn vị, vốn khác..., do đó, đề nghị điều chỉnh như sau :

“1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:

- a) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án (chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư cụ thể).
- b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán hoàn thành, chi tiết theo cơ cấu (bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác)....”

7. Tại Điều 34:

- **Điểm c Khoản 1** dự thảo: “Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản sao y bản chính theo quy định của pháp luật)”.

- **Điểm d Khoản 1** dự thảo: “Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu(bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính):...”.

- **Điểm c Khoản 2** dự thảo: “Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính)”.

Ngoài ra, tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính cũng có nêu: “Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính)”.

Do đó đề nghị điều chỉnh «Đồng thời bổ sung quy định hồ sơ trình nộp cho cơ quan thẩm tra, phê duyệt hồ sơ bằng file điện tử (file scan, *.pdf...)».

8. Tại Điều 35:

- **Tiêu đề** của Điều 35, đề nghị bổ sung cụm từ “chủ trì” như sau “Điều 35. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành”

- **Mục a, Khoản 1**, dự thảo: “*Dự án thành phần không sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành*”.

Đề nghị điều chỉnh như sau: “*Dự án thành phần không sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ đầu tư phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành*” (bỏ cụm từ vốn đầu tư công).

- **Điểm a Khoản 3**: dự thảo: “*..... Các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành*”.

Việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập do chủ đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, do đó đề nghị điều chỉnh như sau: “*Các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án...*”.

9. Tại Điều 47:

Khoản 1 dự thảo: “*Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán*”.

Theo Khoản 4, điều 31 nghị định 46/2015/NĐ-CP thì hợp đồng xây lắp chỉ được quyết toán A-B sau khi người quyết định đầu tư chấp thuận kết quả nghiệm thu. Do vậy, thời gian để chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày người quyết định đầu tư có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng của Chủ Đầu tư, đồng thời để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 34 của dự thảo Nghị định, đề nghị điều chỉnh như sau: “*Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng kèm văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của người quyết định đầu tư đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán*”.

10. Tại Điều 54: đề nghị bổ sung nội dung: “*Trách nhiệm của các cơ quan khác: Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán, tổng dự toán (nếu có) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật*” (tỷ lệ như quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính).

III. Về Biểu mẫu:

Đối với các Biểu mẫu phân bổ, điều chỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công (Mẫu số 01/PB, 01.nn/PB, 02/PB, 02.nn/PB), đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau:

+ Bổ sung 02 cột với nội dung: Chủ đầu tư, Mã nguồn NSNN.

+ Tách cột (Mã ngành kinh tế) thành 02 cột: Loại, Khoản.

+ Bỏ các cột có nội dung thu hồi vốn ứng trước, trả nợ đọng xây dựng cơ bản (số thứ tự 14 và 15 đối với Mẫu số 01/PB và 01.nn/PB; số thứ tự 14, 15, 19, 20 đối với Mẫu số 02/PB và 02.nn/PB), chỉ giữ lại cột: Kế hoạch đầu tư công năm...

Lý do đề xuất điều chỉnh: các nội dung thu hồi vốn ứng trước, trả nợ đọng xây dựng cơ bản không cần tách riêng trong kế hoạch vốn phân bổ hoặc điều chỉnh, trường hợp có phát sinh sẽ nêu nội dung liên quan tại cột ghi chú là phù hợp, nhằm tránh phát sinh tăng thêm số lượng cột (không cần thiết) của các mẫu biểu nêu trên.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp Dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, kính chuyển Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) để xem xét, tổng hợp. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố “để báo cáo”;
- Lưu: VP, ĐT (NTH).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Mai Phương

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2511 /STC-TCĐT

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán
dự án sử dụng vốn đầu tư công

M. Nguyen

A. Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 16 tháng 11 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 102.396... B.Đ.T
Ngày:	19-11-2020
Chuyên:	 M.Đ.T
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 2562/UBND-TH ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính, theo đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính soạn thảo. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tổng hợp một số nội dung tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định cụ thể như sau:

- Tại: “Điều 32 của dự thảo đề nghị sửa thành **“Điều 32. Quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập, gói thầu độc lập hoàn thành”**.”

- Tại Khoản 4, Điều 32, có nội dung: “Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư công: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định” đề nghị sửa thành **“Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập, gói thầu độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư công: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định”**.

- Tại Điểm b, Khoản 3, Điều 9 của dự thảo đề nghị bổ sung thêm nội dung **“phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán”**.

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, Điểm a, Khoản 3, Điều 10 của dự thảo đề nghị sửa đổi nội dung như sau: “- Tổng mức tạm ứng hợp đồng xây dựng không được vượt quá **50%** giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có).

- Tại Mục 6, Điều 3 của dự thảo đề nghị bổ sung thêm nội dung **“ hoặc chuyển tiền cho tổ chức thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư”** vào dòng cuối cùng.

- Tại Mục 7, Điều 3 của dự thảo đề nghị bổ sung thêm nội dung **“hoặc bảng kê xác nhận khối lượng, công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện”** vào dòng cuối cùng.

- Tại Khoản e, Mục 3, Điều 9 có nội dung: “**Riêng đối với công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải kèm dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt**” đề nghị sửa thành “**Riêng đối với công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải kèm phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt**”.

- Tại gạch đầu dòng thứ 2, Khoản a, Mục 1, Điều 10 đề nghị bỏ nội dung “**Mức vốn tạm ứng và số lần tạm ứng được phân định cụ thể theo từng năm phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có).**”

- Tại gạch đầu dòng thứ 3, Khoản b, Mục 3 bỏ chữ “**50%**” đề nghị sửa thành: “**Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm) được cấp có thẩm quyền phê duyệt**”.

- Tại Khoản 4, Điều 13 có nội dung “**thu hồi tạm ứng theo quy định**” đề nghị sửa thành “**thu hồi tạm ứng theo quy định trong hợp đồng**”.

- Tại cột số 5, Mẫu số 03a/TT với nội dung “**Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu**” đề nghị sửa thành “**Khối lượng phát sinh tăng, giảm so với hợp đồng ban đầu**”.

- Tại cột số 12, Mẫu số 03a/TT với nội dung “**Phát sinh so với hợp đồng ban đầu**” đề nghị sửa thành “**Phát sinh tăng, giảm so với hợp đồng ban đầu**”.

- Tại Mục số 6. Giá trị thanh toán kỳ này. Đề nghị sửa thành “**6. Giá trị thanh toán kỳ này:**

+ **Tạm ứng (nếu có)**

+ **Thanh toán khối lượng hoàn thành:**”

- Tại Mục số 7. Lũy kế giá trị thanh toán: Đề nghị sửa thành “**7. Lũy kế giá trị thanh toán kỳ này:**

+ **Tạm ứng:**

+ **Thanh toán khối lượng hoàn thành:**”

- Tại Mẫu số 03b/TT đề nghị bổ sung thêm 01 cột trước cột 05 với nội dung: “**Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lũy kế đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt lũy kế đến cuối kỳ trước (nếu có).**”

- Tại Mẫu số 03b/TT đối với cột “**Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt**” đề nghị sửa thành “**Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt kỳ này**”.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Sở Tài chính tỉnh Lai Châu báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TCĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



[Handwritten signature]
Lô Văn Duy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 5073/UBND-KTTH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 19 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận được Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có góp ý như sau:

- Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 “....Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, việc thu hồi tạm ứng.....được ghi cụ thể trong hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ đầu tư dự án, tiến độ thực hiện hợp đồng và khối lượng thực hiện theo từng năm.....” đề xuất điều chỉnh như sau “....Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, việc thu hồi tạm ứng.....được ghi cụ thể tỷ lệ phần trăm thu hồi tạm ứng trong hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ đầu tư dự án, tiến độ thực hiện hợp đồng và khối lượng thực hiện theo từng năm.....”.

- Tại Điểm a, Khoản 6, Điều 10 “....Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán.....được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.....” đề xuất điều chỉnh như sau “....Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán.....được quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm thu hồi trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.....”.

- Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 11 “Đối với khối lượng công việc hoàn thànhgiấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng),.....” đề xuất điều chỉnh như sau “Đối với khối lượng công việc hoàn thànhgiấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), hợp đồng hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng và”

- Tại Điểm d, Khoản 1, Điều 11 “Đối với các hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng kiểm toán, hồ sơ bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn; chứng từ chuyên tiền.” đề xuất điều chỉnh như sau “Đối với các hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng kiểm toán, hồ sơ bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn; chứng từ chuyên tiền, giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).”

- Định mức tỷ lệ chi phí Kiểm toán độc lập và thẩm tra, phê duyệt quyết toán nêu tại Khoản 1, Điều 46 của dự thảo Nghị định đề nghị tính theo dự toán của dự án sau loại trừ (trước thuế), cho phù hợp với cách xác định chi phí quản

lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng theo các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Điều d, Khoản 2, Điều 52 của dự thảo Nghị định, đề xuất điều chỉnh như sau: “ *Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định hoặc tham gia thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán, tổng dự toán (nếu có) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật*”.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./ *mu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,KTTH (...).

01

TU. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN



Người ký: Ủy ban
Nhân dân tỉnh Đắk
Nông
Email:
ubn@daiknong.gov.v
n
Cơ quan: Tỉnh Đắk
Nông
Thời gian ký:
19.11.2020 10:20:41
+07:00

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
Nguyễn Tấn Bi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Handwritten signature
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1493 /UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 11 năm 2020

Vv góp ý dự thảo Nghị định quy định
về quản lý, thanh toán, quyết toán dự
án sử dụng vốn đầu tư công

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>103.143</u> - <u>ĐT</u>
Ngày:	<u>23</u> - <u>11</u> - <u>2020</u>
Chuyên:	<u>Vụ ĐT</u>
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định.
2. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau:

a) Tại khoản 1 Khoản 1 Điều 7- Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán, đề nghị sửa nội dung “....., thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư.” thành “....., thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho đơn vị thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư.”

Việc kiểm soát và thanh toán là thanh toán cho đơn vị thụ hưởng đã ký kết với chủ đầu tư trong hợp đồng chứ không phải thanh toán vốn cho chủ đầu tư.

b) Tại Khoản 6 Điều 10 – Thu hồi tạm ứng vốn, đề nghị sửa nội dung: “...Trường hợp đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng thì thu hồi hết tạm ứng khi giá trị giải ngân ở mức được cấp thẩm quyền cho phép.” thành “...Trường hợp đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 30% giá trị hợp đồng thì thu hồi hết tạm ứng khi giá trị giải ngân ở mức được cấp thẩm quyền cho phép.”

Mức tạm ứng vốn được quy định tại Khoản 3 Điều 10 là “ .. không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng..” như vậy nếu quy định “...tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng...” là trái với quy định tại khoản 3 Điều 10.

c) Tại mẫu số 04/TT Giấy đề nghị thanh toán vốn, phần ghi của cơ quan kiểm soát, thanh toán . Đề nghị bổ sung “ ngày ... tháng ... năm ...” vào cuối các nội dung kiểm soát.

Theo quy định tại Điều 13. Quy định về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán; có quy định cụ thể thời gian kiểm soát, thanh toán vốn cơ quan kiểm soát, thanh toán, do đó bổ sung “ ngày ... tháng ... năm ...” để có căn cứ xác định việc kiểm soát giữa ngày nhận giấy đề nghị thanh toán và ngày kiểm soát xong hồ sơ của cơ quan kiểm soát, thanh toán có đúng theo quy định không.

d) Tại khoản 11 Điều 3 dự thảo Nghị định ghi “11. Vốn trong nước là vốn

đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại **khoản 9 Điều này**”, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

“11. Vốn trong nước là vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại **khoản 10 Điều này**.”

đ) Tại khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định ghi “1. Vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm theo quy định tại **Điều 71** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quản lý, sử dụng, thanh toán theo quy định tại Nghị định này.”, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

“1. Vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; **vốn nhà nước** bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm theo quy định tại **Điều 72** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quản lý, sử dụng, thanh toán theo quy định tại Nghị định này.”

e) Tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định ghi “2. Vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; thanh toán cho doanh nghiệp thực hiện dự án theo hợp đồng BTL, BLT theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

“2. Vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; **vốn nhà nước** thanh toán cho doanh nghiệp thực hiện dự án theo hợp đồng BTL, BLT theo quy định tại **Điều 71** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”

g) Tại Điều 35 dự thảo Nghị định ghi “**Điều 35. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành**”, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

“**Điều 35. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành**”

h) Tại khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định ghi “2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại **Điều 47** Nghị định này.”, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

“2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại **Điều 37** Nghị định này:”

i) Tại khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định ghi “i) Lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đúng quy định, trình người có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định tại **Điều 42** Nghị định này; cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

theo yêu cầu của kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo quyết toán và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.", đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

"i) Lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đúng quy định, trình người có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định tại **Điều 47** Nghị định này; cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo yêu cầu của kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo quyết toán và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán."

k) Tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định ghi "Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở dự toán được duyệt hoặc dự toán điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây.", đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

"Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở **tổng mức đầu tư** được duyệt hoặc **tổng mức đầu tư** điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là **tổng mức đầu tư** của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành dưới đây."

Đồng thời, rà soát lại tên gọi của các ký hiệu Gi, Ga, Gb tại điểm a khoản 1 Điều 46 của dự thảo Nghị định.

l) Tại khoản 3 Điều 47 dự thảo Nghị định ghi "3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (theo quy định tại Điều 47 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành", đề nghị xem xét chỉnh sửa thành:

"3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (theo quy định tại **Điều 45** Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành".

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Bộ Tài chính xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(VQK).



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 4377/STC-TCĐT

V/v góp ý dự thảo Nghị định
Quy định về quản lý, thanh
toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến vào dự thảo Nghị định Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thừa ủy quyền của UBND tỉnh tại Văn bản số 7441/UBND-TH₂ ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh; Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, Sở Tài chính xin có một số ý kiến góp ý như sau:

I. Về bố cục:

Cơ bản thống nhất như kết cấu bố cục của dự thảo, tuy nhiên, tại Chương IV dự thảo chỉ gồm một điều, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chuyển Điều 49 vào Chương này và chỉnh sửa tên Chương là “kiểm tra và xử lý vi phạm”.

II. Về nội dung: Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều sau:

Khoản, Điều	Nội dung dự thảo	Ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Khoản 11 Điều 3	Vốn trong nước là vốn đầu tư công ... không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 9 Điều này.	Vốn trong nước là vốn đầu tư công ... không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều này.	
Điểm a khoản 6 Điều 6	Hợp đồng đã ký kết, pháp luật hiện hành của nước sở tại và... là căn cứ pháp lý thực hiện quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài	Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý để thực hiện việc quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài là “ <i>Điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên</i> ”	Đề phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Đầu tư công
Khoản 3 Điều 7	Đối với các chi phí được tính theo tỷ lệ (%) trong tổng mức đầu tư được quy định ...đảm bảo không vượt tỷ lệ quy định	Đối với các chi phí được tính theo tỷ lệ (%) trong tổng mức đầu tư (<i>hoặc trong dự toán được duyệt</i>) được quy định ...đảm bảo không vượt tỷ lệ quy định	Thêm cụm từ “ <i>hoặc trong dự toán được duyệt</i> ”
Điểm a khoản 2 Điều 8	“Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày, ... hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán”	Dự thảo chưa quy định thời hạn trên được tính từ thời điểm nào, đề nghị bổ sung để đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện	

Điểm a khoản 2 Điều 8	Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại <i>khoản 1 Điều 49</i> Luật Ngân sách NN	Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại <i>khoản 2 Điều 49</i> Luật Ngân sách nhà nước	Để đảm bảo chính xác theo quy định của Luật NSNN
Khoản 3 Điều 8	Các Bộ, cơ quan ... có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành	Đề nghị bổ sung quy định thời hạn kể từ khi nhận được quyết định phân bổ vốn của cấp có thẩm quyền cơ quan tài chính và KBNN phải nhập dự toán vào hệ thống Tabmis để quản lý cam kết chi và quản lý, thanh toán vốn cho các dự án	
Điều 9	- Ngoài các nội dung quy định tại bản dự thảo nên nghiên cứu bổ sung trường hợp có thay đổi các nội dung hợp đồng (thay đổi thông tin tài khoản, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị hợp đồng...) phải có phụ lục hợp đồng điều chỉnh, bổ sung; trường hợp có phát sinh giá trị, dự toán phải có dự toán và quyết định của cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán bổ sung, điều chỉnh. - Đối với vốn giải phóng mặt bằng chỉ cần có dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền (<i>không cần gửi cơ quan kiểm soát thanh toán phương án giải phóng mặt bằng</i>).		
Gạch thứ 2 Điểm a Khoản 1 Điều 10	Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, việc thu hồi tạm ứng ... phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có)”	Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, <i>thời điểm phải thu hồi tạm ứng và mức thu hồi tạm ứng từng lần</i> , việc thu hồi tạm ứng ... phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có)”	Để quản lý chặt chẽ vốn tạm ứng, hiện nay KBNN rất khó xác định để xử phạt VPHC việc quá thời hạn theo quy định thời điểm phải thu hồi tạm ứng vì hầu hết các hợp đồng không quy định nội dung này do Nghị định 37/NĐ-CP không bắt buộc
Gạch thứ 2 Điểm a Khoản 1 Điều 10	Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, việc thu hồi tạm ứng ... phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có)”	Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, <i>thời điểm phải thu hồi tạm ứng và mức thu hồi tạm ứng từng lần</i> , việc thu hồi tạm ứng ... phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có)”	
Khoản 2 Điều 10	Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “ <i>và phải được quy định rõ trong hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng</i> ” sau cụm từ “chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng”		
Điểm c, Khoản 3 Điều 10	Mức tạm ứng vốn đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá 50% dự toán ... được cấp có thẩm quyền phê duyệt”	Mức tạm ứng vốn đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá dự toán ... được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Không quy định mức tạm ứng theo tỷ lệ % đối với chi phí QLDA
Điểm a, Khoản 6	“Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán...”	Đề nghị bổ sung <i>Trường hợp thanh toán giá trị gần đạt đến 80% giá trị hợp đồng nhưng vẫn chưa thu hết</i>	

Điều 10	giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng”.	<i>số vốn tạm ứng, chủ đầu tư phải tính toán để đảm bảo số dư vốn tạm ứng còn lại của hợp đồng không được lớn hơn phần giá trị còn lại theo quy định khi đạt tỷ lệ 80% phải thu hồi hết số vốn tạm ứng”</i>		
Điểm 2 điều 33	Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và hướng dẫn các nội dung liên quan	Đề nghị ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công hoàn thành kèm theo Nghị định này,	Vì Điểm 4 điều 55 Nghị định này quy định xử lý chuyển tiếp sau ngày ND này có hiệu lực không thực hiện theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020. Tránh trường hợp Nghị định đã có hiệu lực nhưng chưa có biểu mẫu dẫn đến vướng mắc trong công tác lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành	
Điều 34	Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến ... và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành”	Chủ đầu tư gửi ... và 01 bộ hồ sơ (<i>bản giấy và File mềm điện tử</i>) đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành	Đáp ứng yêu cầu Thực hiện công nghệ 4.0	
Điểm i khoản 1 Điều 54	Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định tại Điều 42 Nghị định này	Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định tại Điều 47 Nghị định này	Điều 42. Thẩm tra tài sản hình thành sau đầu tư, Điều 47. Thời gian ... QT đầu tư công DAHT đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp	

III. Các bảng biểu

1. Phụ lục 03 a: Không nên quy định giá trị khối lượng theo hợp đồng ban đầu và khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu.

- Cột số 4 và số 5 chuyển thành 01 cột: “Khối lượng theo hợp đồng (bao gồm cả khối lượng phát sinh tại các phụ lục hợp đồng (nếu có))”.

- Cột 9 và cột 10 nên gộp thành 01 cột: “đơn giá thanh toán” (những khối lượng nào theo đơn giá ban đầu thì ghi theo đơn giá tại hợp đồng ban đầu, những khối lượng có điều chỉnh giá ghi theo đơn giá điều chỉnh tại các phụ lục hợp đồng).

- Cột 11 và 12 nên gộp thành 01 cột: “Giá trị theo hợp đồng (bao gồm cả phát sinh điều chỉnh (nếu có))”.

2. Các bảng biểu về quyết toán dự án hoàn thành

Ban hành kèm theo Nghị định này các bảng biểu theo hướng dẫn tại Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi một số nội dung sau:

- Mẫu số: 01/QTDA: Cột 3 mục II “Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán” đề nghị ghi rõ Dự án hoặc dự toán điều chỉnh lần cuối (đối với dự án)/Dự toán công trình, hạng mục công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối (đối với hạng mục)

- Mẫu số: 06/QTDA; 07/QTDA: Đề nghị sửa đổi ghi chú: “Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu” thành “*Trường hợp không có nội dung phát sinh thì không cần lập Mẫu biểu*”.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tài chính Hà Tĩnh, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Chính phủ ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phùng Thị Nguyệt

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1902**/STC-TCĐT

Tuyên Quang, ngày **16** tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định về quản
lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng
vốn đầu tư công

Tr 26/11/20

Am long

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 10.4145-607
Ngày:	26-11-2020
Chuyên:	LM, DT
Số và ký hiệu HS:	

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23/11/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;

Căn cứ Văn bản số 13639/BTC-ĐT ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3570/UBND-ĐTĐD ngày 12/11/2020 về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của các ngành tham gia, Sở Tài chính Tuyên Quang trân trọng có ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tài chính soạn thảo, nội dung cụ thể như sau:

- Đề nghị bổ sung căn cứ Luật sửa đổi bổ sung Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Theo khoản 2, Điều 12, Luật Đầu tư công về nguyên tắc quản lý đầu tư công quy định: "*Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch*" và theo khoản 1, Điều 48, Luật Đầu tư công quy định: "*Phù hợp với các mục tiêu phát triển tại chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch đã được phê duyệt, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm*". Đề nghị Bộ Tài chính xem xét đưa vào khoản 5, Điều 1, Dự thảo về việc Nghị định này không

quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán đối với nguồn kinh phí cải tạo sửa chữa nhỏ đối với các con quan, đơn vị không làm thay đổi công năng, quy mô của công trình và quy định rõ tổng mức tối đa bố trí kinh phí thực hiện.

- Đề nghị Cơ quan soạn thảo không đưa nội dung quản lý, thanh toán, quyết toán đối với nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công theo phương thức đối tác công tư (đã có dự thảo Nghị định hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP) (bỏ điều 14, Dự thảo Nghị định) và Vốn nước ngoài đã có Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/05/2020.

- Tại khoản 4, Điều 7, Dự thảo đề nghị không quy định nguyên tắc "thanh toán trước, kiểm soát sau" cho từng lần thanh toán đến khi đạt giá trị giải ngân đến 80% giá trị hợp đồng. Đề nghị thực hiện nguyên tắc "kiểm soát trước, thanh toán sau" cho tất cả các lần tạm ứng, thanh toán nhằm đảm bảo tránh rủi ro trong kiểm soát chi và không mất nhiều thời gian kiểm soát trong quá trình thực hiện thanh toán.

- Về hồ sơ pháp lý gửi một lần để Kiểm soát thanh toán vốn:

+ Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm a, các khoản (2, 3, 5) của điều 9 thành:

"a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp thẩm quyền giao (bản sao)."

Lý do: Đảm bảo phù hợp với nội dung khoản 2, điều 7 quy định về Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát thanh toán "Lũy kế số vốn giải ngân cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền giao."

+ Đề nghị bỏ điểm a, khoản 4, điều 9.

Lý do: Chi phí Quản lý dự án là một nội dung cấu thành trong chi phí đầu tư xây dựng của Dự án (công trình), và được kiểm soát tạm ứng, thanh toán như các nội dung khác.

- Về tạm ứng vốn đầu tư:

+ Đề nghị bổ sung thêm cụm từ *"nhưng mức tạm ứng không vượt quá 50% giá trị hợp đồng"* vào sau nội dung *".... Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng ở mức cao hơn thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép"* được nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất tại các điểm (a,b), khoản 3, điều 10 của Dự thảo.

+ Đồng thời bỏ nội dung tại Điểm a, khoản 6, điều 10: *"Trường hợp đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép tạm ứng ở mức cao hơn 80% giá trị hợp đồng thì thu hồi hết tạm ứng khi giải ngân ở mức đã được cấp thẩm quyền cho phép."*

Lý do: Hạn chế rủi ro thất thoát vốn đầu tư.

+ Đề nghị sửa đổi nội dung tại điểm b, khoản 7, điều 10 thành: *"b) Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình*

hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi cơ quan kiểm soát thanh toán nơi giao dịch và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư. Báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chi tiết đến từng nội dung chi, theo từng gói thầu chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý."

Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu ban hành mẫu biểu báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án

Lý do: Giúp cho cấp thẩm quyền, chủ đầu tư cũng như cơ quan kiểm soát chi trong công tác phối hợp theo dõi thu hồi tạm ứng; Mẫu biểu báo cáo chung sẽ đảm bảo tính thống nhất trong việc theo tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng đối với tất cả các địa phương, đơn vị, các chủ đầu tư.

+ Đề nghị bổ sung thêm quy định về chế tài xử lý hành chính trong trường hợp chủ đầu tư không tuân thủ các quy định tại các điểm (b,c,d) khoản 7 điều 10.

Lý do: Tăng cường vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý sử dụng vốn được tạm ứng.

- Về thanh toán khối lượng hoàn thành:

+ Đề nghị sửa đổi nội dung tại điểm d, khoản 1, điều 11 thành "*Đối với hợp đồng bảo hiểm, hồ sơ bao gồm: giấy đề nghị thanh toán; chứng từ chuyển tiền*".

Lý do: Việc thanh toán chi phí kiểm toán (tuy không phải là hợp đồng tư vấn) nhưng vẫn được chủ đầu tư thực hiện thanh toán theo các giai đoạn trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng với đơn vị Kiểm toán. Bởi vậy cần phải có hồ sơ thanh toán giống như các khoản thanh toán thông qua hợp đồng như quy định tại điểm a, khoản 1.

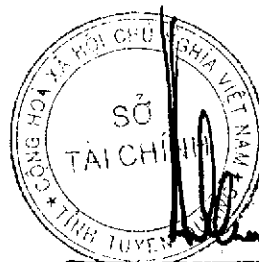
- Nhất trí với các nội dung khác.

Sở Tài chính Tuyên Quang trân trọng có ý kiến tham gia gửi Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Lưu: VT, TCĐT (VM3).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên